BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Lịch sử 11

PHAN NGỌC LIÊN - NGUYỄN ANH THÁI
NGUYỄN XUÂN TRÚC - NGUYỄN THỪA HỶ

thuongmaitruongxua.vn

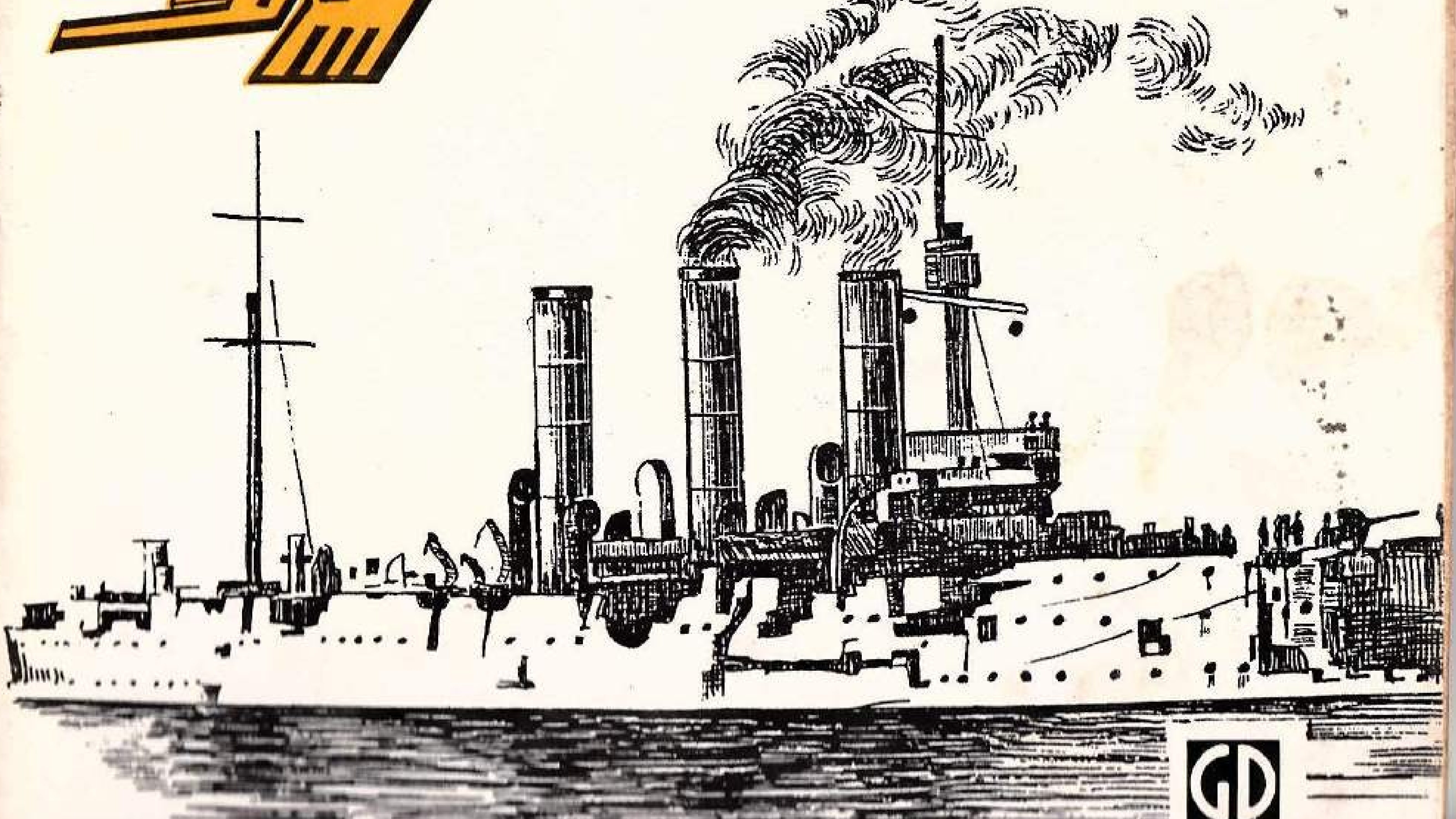

thuongmaitu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHAN NGỌC LIÊN - NGUYỄN ANH THÁI
NGUYỄN XUÂN TRÚC - NGUYỄN THỪA HỶ

Lịch sử 11

tuongxua.vn

(In lần thứ sáu)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc : PHẠM VĂN AN
Tổng biên tập : NGUYỄN NHƯ Ý

Biên soạn :

PHAN NGỌC LIÊN - NGUYỄN ANH THÁI
NGUYỄN XUÂN TRÚC - NGUYỄN THỪA HỶ

Biên tập lần đầu :

LÝ TRẦN QUÝ

Biên tập tái bản :

TRẦN KIM NHUNG
ĐỖ THỊ MINH

Biên tập mĩ thuật :

NGUYỄN QUỐC VĂN

Biên tập kĩ thuật :

ĐOÀN HỒNG

Sửa bản in :

PHAN TỰ TRANG

Lịch sử 11/Phan Ngọc Liên, Nguyễn Anh Thái, Nguyễn Xuân Trúc, Nguyễn Thừa Hỳ.– In lần thứ 6.– H.: Giáo dục, 1996.– 128tr.; 20,5cm.

Mã số : 3H1 09t6 9(075)

thuongmaitr

PHẦN MỘT

LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI THỜI KÌ THỨ HAI

Thời kì thứ hai của Lịch sử thế giới cận đại (1871–1917) có mốc mở đầu là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trong lịch sử đưa đến sự thành lập Công xã Pari năm 1871 ở Pháp. Sau đó, nhất là 30 năm cuối thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX, lịch sử thế giới trải qua một thời kì có nhiều diễn biến sôi động.

ruongxua.vn

Đây là thời kì chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh chuyển sang chủ nghĩa tư bản độc quyền hay còn gọi là chủ nghĩa đế quốc với sự xuất hiện của các công ti độc quyền và sự thống trị của bọn tài phiệt.

Đây là thời kì mà mâu thuẫn giữa vô sản và tư sản trở nên sâu sắc hơn. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở các nước tư bản và phong trào giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa và phụ thuộc bùng lên mạnh mẽ.

Đây cũng là thời kì mà mâu thuẫn giữa các nước đế quốc phát sinh và phát triển, dẫn tới cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất 1914–1918.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga thành công năm 1917, kết thúc thời kì cận đại trong lịch sử thế giới, mở ra một thời đại mới trong lịch sử loài người.

Chương I

CÔNG XÃ PA RI

Bài 1

CÔNG XÃ PA RI

1. Sự thành lập Công xã

Sau cuộc nội chiến tháng 6-1848, Đế chế thứ hai được thành lập ở Pháp, tồn tại từ tháng 12-1852 đến tháng 9-1870. Đại diện quyền lợi của tầng lớp đại tư sản, Napôlêông III (cháu Napôlêông Bônapac) thực hiện nền chuyên chính độc tài công khai : trong thì đàn áp phong trào đấu tranh của công nhân, ngoài thì tiếp tục thực hiện tham vọng lấn chiếm đất đai.

Tuy vậy, mọi cố gắng của Chính phủ đều không cứu vãn được sự suy yếu của Đế chế. Sự thất bại trong chính sách đối ngoại, đặc biệt là sự phát triển của phong trào công nhân Pháp vào nửa sau thập kỉ 60, liên quan đến sự thành lập và hoạt động của Quốc tế thứ nhất, dẫn tới sự khủng hoảng của Đế chế thứ hai.

thuongmaitr

Trong hoàn cảnh ấy, Napôlêông III quyết định tiến hành chiến tranh với Phổ, nhằm lấn chiếm đất đai ở vùng phía tây nước Đức, sát biên giới Pháp và cũng để ngăn cản một nước Đức thống nhất, sẽ trở thành một láng giềng nguy hiểm. Đồng thời, với chiến thắng quân sự, Napôlêông III sẽ xoa dịu mâu thuẫn trong nước và làm thất bại phong trào cách mạng của công nhân.

Chính phủ Phổ, do Bixmac đứng đầu, cũng muốn có một cuộc chiến tranh với Pháp, nhằm gạt bỏ trở ngại chủ yếu trong việc hoàn thành thống nhất Đức, củng cố quyền lực của Phổ và đàn áp phong trào dân chủ trong nước.

Như vậy, cả Pháp lẫn Phổ đều muốn chiến tranh. Song lúc đầu, cuộc chiến tranh về phía Đức có tính chất phòng ngự.

Cuộc chiến tranh nổ ra ngày 19-7-1870. Quân đội Pháp không được chuẩn bị đầy đủ, đã thất bại liên tiếp và ngày 2-9-1870 tại chân thành Xơđăng (gần biên giới Bỉ), Napôlêông III và toàn bộ đạo quân 100 000 người bị Phổ bắt sống.

Ngay sau đó, ngày 4-9-1870, nhân dân thủ đô, mà phần lớn là công nhân và tiểu tư sản, lập tức khởi nghĩa lật đổ Đế chế thứ hai, đòi thiết lập chế độ cộng hòa và bảo vệ Tổ quốc lâm nguy. Về thực chất, đây là một cuộc cách mạng dân chủ tư sản. Một Chính phủ lâm thời tư sản được thành lập, gọi là Chính phủ Vệ quốc. Sau trận Xơđăng, quân Đức tiến vào vây chặt thủ đô Pháp. Bấy giờ, đối với Đức, chiến tranh mang tính chất xâm lược, còn đối với Pháp chiến tranh trở nên chính nghĩa, tự vệ.

Do làn sóng yêu nước của công nhân và nhân dân Pháp, Chính phủ Vệ quốc phải lập 200 tiểu đoàn mới gồm chủ yếu là công nhân, thợ thủ công, viên chức nhỏ.

Trước nguy cơ bị xâm lược, nhân dân Pháp quyết tâm chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Trong khi đó, giai cấp tư sản Pháp rất lo sợ nhân dân được vũ trang, vội vã đàm phán với Đức xin đầu hàng để sớm rảnh tay chống lại quần chúng.

Ngày 28-1-1871, Chính phủ lâm thời quyết định nộp Pari cho Đức và xin đình chiến. Chính phủ Vệ quốc của giai cấp tư sản lộ nguyên hình là "Chính phủ phản quốc".

uongxua.vn

Theo đòi hỏi của kẻ chiến thắng, Pháp phải bầu ngay một quốc hội (8-2-1871) để thông qua hòa ước, mà đa số là phái tư sản bảo hoàng. Quốc hội không chịu thừa nhận nền cộng hòa theo yêu cầu của nhân dân và thành lập chính phủ do *Chie* – tên phản động khét tiếng từng đàn áp đẫm máu khởi nghĩa công nhân những năm 30 thế kỉ XIX– cầm đầu.

Chính phủ mới đóng ở Vecxai, điều động quân đội uy hiếp lực lượng cách mạng của Pari. Để chống lại hành động thù địch ấy, tháng 2-1871, Vệ quốc quân liền bầu ra cơ quan lãnh đạo của mình – *Ủy ban trung ương Vệ quốc quân*. Cơ quan này được nhân dân thủ đô xem như một chính phủ thứ hai. Hoảng sợ, chính phủ Chie quyết định bắt các ủy viên, tước vũ khí của Vệ quốc quân (điều mà bọn Đức thắng trận đã không dám làm), giải tán Vệ quốc quân và bắt các ủy viên trung ương.

Ba giờ sáng ngày 18-3-1871, Chie cho quân lẻn đến đánh úp đồi Môngmac (bắc Pari), nơi tập trung đại bác của Vệ quốc quân. Quần chúng nhân dân đã kịp thời đến hỗ trợ cho số Vệ quốc quân canh gác vũ khí, và binh lính ngả về phía nhân dân nên âm mưu của Chie bị thất bại. Một số đại bác bị quân Chie cướp đi được kéo về vị trí cũ.

Trưa hôm đó, theo lệnh của Ủy ban trung ương Vệ quốc quân, các tiểu đoàn tiến vào trung tâm thủ đô, chiếm một số quảng trường. Chie và quân đội của y vội vàng rút chạy về Vecxai. Các cơ quan chính phủ lọt vào tay quân cách mạng ; cờ đỏ phấp phới bay trên nóc Tòa thị chính Pari và trụ sở Bộ Chiến tranh.

Ngày 18–3–1871, lần đầu tiên trong lịch sử, chính quyền của giai cấp tư sản bị lật đổ tại một trong những thủ đô lớn nhất, chính quyền vô sản được thành lập. Ủy ban trung ương Vệ quốc quân làm nhiệm vụ của một chính phủ cách mạng lâm thời. Đây là cuộc *cách mạng* đầu tiên trên thế giới mà giai cấp công nhân nắm được chính quyền.

Nhưng Ủy ban trung ương không tận dụng thắng lợi của ngày 18–3, không khẩn trương tiến quân đến Vecxai đập tan sào huyệt của bọn phản động, không lo củng cố chính phủ vô sản mà chỉ lo tổ chức bầu cử cơ quan chính quyền mới.

Cuộc bầu cử Hội đồng Công xã theo phổ thông đầu phiếu tiến hành ngày 26–3–1871. Đại biểu trúng cử hầu hết là công nhân và trí thức tiến bộ, đại diện cho nhân dân lao động thủ đô. Công nhân không chiếm số đông (28/86 đại biểu), nhưng là lực lượng lãnh đạo trong Công xã (vì công nhân là giai cấp cách mạng nhất, lại nắm được lực lượng vũ trang và lôi cuốn được tiểu tư sản). Ngày 28–3–1871, Công xã tuyên bố thành lập tại quảng trường Tòa thị chính giữa niềm hân hoan của một rừng người hô vang khẩu hiệu "Công xã muôn năm !"

? – *Những sự kiện nào chứng tỏ cuộc khởi nghĩa 18–3–1871 là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới ?*

2. Công xã Pari - Nhà nước kiểu mới

Nhiệm vụ cấp thiết của Công xã là nhanh chóng đập tan bộ máy nhà nước tư sản cũ, lập nên chính quyền của giai cấp vô sản.

Cơ quan cao nhất của nhà nước mới là *Hội đồng Công xã* (gọi tắt là *Công xã*), tập trung trong tay cả quyền lập pháp và quyền hành pháp. Công xã thành lập các Ủy ban [1], đứng đầu mỗi Ủy ban là một Ủy viên Công xã, chịu trách nhiệm trước Công xã, trước nhân dân và có thể bị bãi miễn.

---

(1) Quân sự, an ninh xã hội, quan hệ đối ngoại, tư pháp, tài chính, thương nghiệp, lương thực, giáo dục, dịch vụ xã hội. Đến ngày 1–5–1871, thành lập thêm Ủy ban cứu quốc.

Quân đội và cảnh sát cũ bị giải tán, thay bằng lực lượng vũ trang và lực lượng an ninh nhân dân để bảo vệ cách mạng. Công xã quyết định tách Nhà thờ ra khỏi Nhà nước, song bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng.

Công xã không ngừng chăm lo đời sống nhân dân và đề ra nhiều biện pháp tổ chức nền kinh tế quốc dân. Sắc lệnh có ý nghĩa quan trọng là việc chuyển giao cho công nhân những xí nghiệp của bọn chủ bỏ trốn và trao cho công nhân quản lí một số xí nghiệp khác, xí nghiệp nào chủ còn kinh doanh thì Nhà nước kiểm soát chế độ tiền lương, bớt lao động ban đêm, nghiêm cấm việc cúp phạt và đánh đập công nhân.

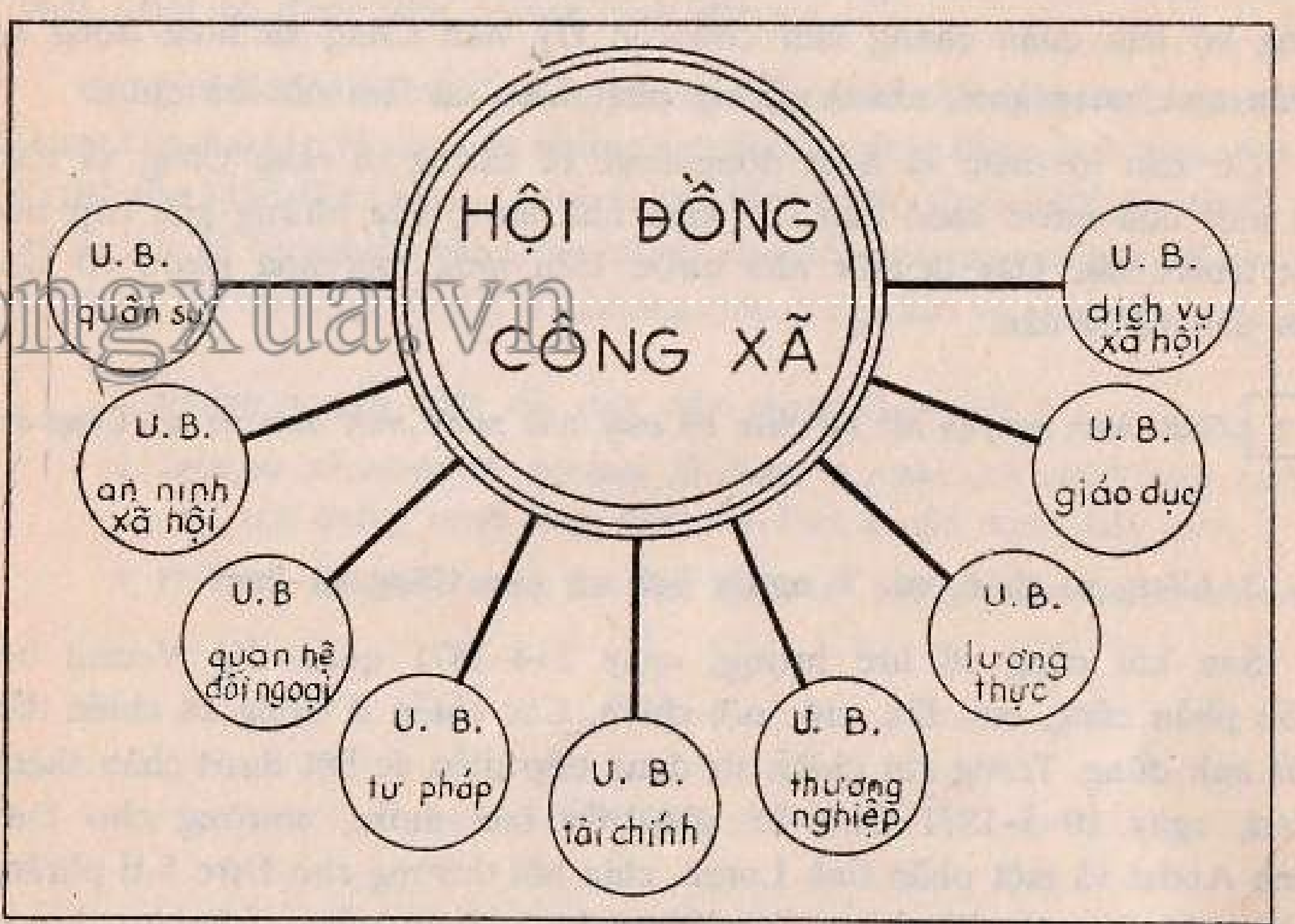

truongxua.vn

Hình 1 – Sơ đồ bộ máy Công xã (tháng 4–1871)

Công xã ra lệnh hoãn trả tiền thuê nhà, hoãn trả nợ. Nhà nước quy định giá bánh mì, lo cho mọi người có việc làm, bắt chủ hiệu cầm đồ trả

lại cho người nghèo những vật đã cầm. Chế độ ngày làm 10 giờ – một tiến bộ thời bấy giờ – được ban hành. Phụ nữ được hưởng quyền công dân.

Công xã còn đề ra một hệ thống giáo dục thống nhất, bắt buộc và không phải trả tiền học. Trường học không dạy kinh Thánh. Giáo viên được nâng lương gấp đôi ; nhiều trường mới được mở thêm, trong đó có trường dạy nghề. Công xã còn có kế hoạch lập vườn trẻ, nhà giữ trẻ, và nhiều cải cách kinh tế – xã hội khác đáp ứng nhiều hơn quyền lợi của nhân dân lao động.

Công xã huy động nhân dân tích cực tham gia đời sống chính trị. Nhiều tổ chức quần chúng ra đời ; các câu lạc bộ trở thành chỗ dựa của Công xã. Các Ủy viên Công xã thường đến tham gia những buổi sinh hoạt của các tổ chức quần chúng, lắng nghe ý kiến của nhân dân. Sự ủng hộ của quần chúng làm cho các Ủy viên Công xã hoạt động có hiệu quả, công khai, nhanh chóng phát hiện sai lầm để sửa chữa.

Cơ cấu tổ chức và hoạt động thực tế chứng tỏ rằng Công xã Pari là một nhà nước khác hẳn các kiểu nhà nước của những giai cấp bóc lột trước kia. Đây là một nhà nước kiểu mới, một nhà nước vô sản, do dân và vì dân.

thuongmaitr

? – *Giải thích nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước mới theo sơ đồ Công xã.*

3. Công xã thất bại. Ý nghĩa lịch sử của Công xã Pari

Sau khi củng cố lực lượng, ngày 2-4-1871 quân đội Vecxai bắt đầu phản công, mở đầu cuộc nội chiến. Các chiến sĩ Công xã chiến đấu rất anh dũng. Trong khi chiến sự đang tiếp diễn ác liệt dưới chân thành Pari, ngày 10-5-1871 Chie kí hòa ước bán nước, nhường cho Đức tỉnh Andat và một phần tỉnh Loren, chịu bồi thường cho Đức 5 tỉ phrăng vàng, để Bixmac thả thêm 100 000 tù binh Pháp, tăng thêm lực lượng cho Chie chống Công xã.

Sau những trận chiến đấu vô cùng ác liệt, đặc biệt trong *Tuần lễ đẫm máu* (21 đến 28-5-1871), Công xã Pari bị đánh bại. Quân đội Vecxai tàn sát rất dã man vô sản và nhân dân lao động Pari : 30 000 chiến sĩ Công xã ngã xuống, hơn 40 000 bị tù hoặc bị đày đến các thuộc địa xa xôi ; trong số người bị bắt có hơn 1 000 phụ nữ, 650 trẻ em.

Công xã Pari đã thất bại, trước hết là do giai cấp vô sản Pháp chưa đủ lớn mạnh, chưa có một chính đảng có khả năng lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi, chủ nghĩa tư bản thì chưa đến lúc suy yếu. Công xã còn phạm một số sai lầm như thiếu kiên quyết trấn áp kẻ thù ngay từ đầu, dè dặt trong việc tịch thu tài sản của bọn phản động. Do bị bao vây, Công xã không liên minh được với nông dân, mặc dù có tìm cách liên hệ với nông thôn và kêu gọi nông dân ủng hộ công nhân Pari.

Mặc dù thất bại, Công xã Pari có ý nghĩa lịch sử và ảnh hưởng to lớn đối với cuộc đấu tranh về sau của giai cấp vô sản toàn thế giới. Đây là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trong lịch sử, để lại nhiều bài học quý báu. Nó chỉ rõ phải thực hiện chuyên chính vô sản và liên minh công nông, phải đập tan bộ máy nhà nước cũ và xây dựng nhà nước mới, phải có đảng tiên phong lãnh đạo v.v...

Công xã Pari mãi mãi là tấm gương sáng chói chủ nghĩa anh hùng cách mạng của giai cấp vô sản, của những người công nhân Pháp dám "tấn công lên Trời" như Mác đã ca ngợi. Chính vì vậy, lúc bấy giờ Quốc tế thứ nhất đã ủng hộ và bảo vệ sự nghiệp của Công xã, và cho đến ngày nay những bài học của Công xã vẫn còn quý giá đối với phong trào công nhân và cộng sản quốc tế.

ruongxua.vn

?

1. Những nguyên nhân của cuộc cách mạng 18–3–1871 ?

2. Trên cơ sở trình bày bộ máy tổ chức và phân tích chính sách kinh tế – xã hội, chứng minh rằng Công xã Pari là nhà nước kiểu mới.

3. Thử tìm hiểu nội dung bài thơ "Quốc tế ca" (về sau được phổ nhạc).

Chương II

CÁC NƯỚC ĐẾ QUỐC CHỦ NGHĨA ÂU - MĨ

Trong ba mươi năm cuối của thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản tiến tới hoàn thành bước chuyển biến từ giai đoạn tự do cạnh tranh đến giai đoạn độc quyền, tức chủ nghĩa đế quốc.

Sự chuyển biến này gắn liền với sự phát triển lớn lao của lực lượng sản xuất.

Động cơ hơi nước dần dần được thay thế bằng máy phát điện. Sản lượng thép tăng nhanh, đẩy mạnh việc sản xuất máy cái, động cơ điện..., tạo ra nhiều thay đổi trong công nghiệp và giao thông vận tải. Ô tô, máy bay được chế tạo ; nhiều ngành công nghiệp mới xuất hiện (điện, ô tô, dầu hỏa...). Hóa học ngày càng thâm nhập vào sản xuất công nghiệp và nông nghiệp.

Song, cũng như trước đây, sự phát triển của kinh tế tư bản chủ nghĩa dẫn đến những cuộc khủng hoảng kinh tế, dẫn đến việc tăng cường bóc lột giai cấp công nhân trong nước và đẩy mạnh xâm lược thuộc địa, tích cực chuẩn bị chiến tranh để phân chia lại thế giới.

Anh, Pháp, Đức và Mĩ là những nước tiêu biểu trong giai đoạn tiến lên chủ nghĩa đế quốc này.

Bài 2

CÁC NƯỚC ĐẾ QUỐC CHỦ NGHĨA ÂU - MĨ

I - CÁC NƯỚC ĐẾ QUỐC CHỦ NGHĨA ANH VÀ PHÁP

1. Anh

Sau năm 1870, tốc độ tăng tiến về công nghiệp của Anh chậm lại. Vào những thập kỉ cuối của thế kỉ XIX, Anh mất dần địa vị nước công nghiệp đứng đầu thế giới được xác lập vào những năm 1850–1870. Anh bị Mĩ rồi Đức vượt qua. Nguyên nhân chính của tình hình này là sự lạc hậu về kĩ thuật của Anh. Giai cấp tư sản Anh chỉ lo bóc lột giai cấp công nhân trong nước, chú trọng xuất cảng tư bản sang thuộc địa hơn là đổi mới và phát triển công nghiệp trong nước vì bóc lột thuộc địa có lợi hơn nhiều.

Tuy mất địa vị thứ nhất về công nghiệp, Anh vẫn đứng đầu về tài chính và xuất cảng tư bản, thương mại, hải quân và thuộc địa.

Vào cuối thế kỉ XIX, quá trình tập trung tư bản ở Anh cũng được đẩy mạnh. Nhiều tổ chức độc quyền được thành lập và kiểm soát các ngành kinh tế, chủ yếu là công nghiệp luyện kim, đóng tàu, khai thác mỏ. Việc tập trung tư bản trong các ngân hàng cũng đạt đến mức cao. Trước Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914–1918), các công ti độc quyền công nghiệp lớn liên kết mật thiết với 5 ngân hàng lớn nhất khu Xiti (Luân Đôn) chi phối toàn bộ đời sống kinh tế của nước Anh.

Song, Anh chỉ dùng một phần nhỏ tư bản đầu tư vào công nghiệp, còn thì xuất cảng ra nước ngoài, chủ yếu ở các nước thuộc địa, ở Hoa Kì và các nước Mĩ la tinh.

Nông nghiệp không chiếm một vị trí quan trọng trong nền kinh tế của Anh. Phần lớn lương thực và nguyên liệu nông nghiệp dùng ở Anh phải nhập của nước ngoại, chủ yếu là các nước thuộc địa. Anh chỉ tự cấp được 1/3 số lúa mì cần dùng.

Anh vẫn là một nước quân chủ lập hiến, do hai đảng tư sản thay nhau cầm quyền (Đảng Tự do và Đảng Bảo thủ). Chuyển sang chủ nghĩa tư bản độc quyền, giai cấp tư sản Anh tăng cường chính sách phản động về mặt đối nội cũng như đối ngoại.

Để bù đắp sự thua thiệt do mất địa vị là "công xưởng của thế giới", giai cấp thống trị Anh đẩy mạnh tốc độ xâm lược để mở rộng hệ thống thuộc địa ở châu Á và châu Phi. Năm 1914, thuộc địa của Anh rộng tới 30 triệu km^2 với 400 triệu người, chiếm 1/4 lãnh thổ và 1/4 số dân thế giới.

Đế quốc Anh tồn tại và phát triển nhờ sự bóc lột tàn nhẫn một hệ thống thuộc địa bao la và giàu có nằm rải khắp hành tinh. Vì vậy, chủ nghĩa đế quốc Anh được gọi là *chủ nghĩa đế quốc thực dân.*

? – *Vì sao từ 1870 trở đi, tốc độ phát triển công nghiệp của Anh chậm lại?*

2. Pháp

Trước năm 1870, Pháp là một nước công nghiệp tiên tiến trên thế giới, chỉ đứng sau Anh. Nhưng, sau chiến tranh Pháp – Phổ, tốc độ phát triển công nghiệp chậm lại vì thiệt hại do chiến tranh gây ra, thiếu nguyên liệu và nhiên liệu (hàng năm Pháp phải nhập 1/4 số than đá tiêu thụ), thị trường trong nước thu hẹp vì sức mua của nhân dân kém, giai cấp tư sản Pháp (cũng như giai cấp tư sản Anh) lại quan tâm đến việc xuất cảng tư bản hơn là đầu tư vào công nghiệp trong nước. Đến những năm 80 của thế kỉ XIX, công nghiệp Pháp tụt xuống hàng thứ tư, sau Mĩ, Đức, Anh.

Nông nghiệp vẫn giữ một vai trò quan trọng. Nông dân Pháp phần lớn là tiểu nông, không có điều kiện sử dụng máy móc và kĩ thuật canh tác mới, nên năng suất thấp.

Công nghiệp Pháp tập trung chậm. Nhưng những công ti độc quyền cũng dần dần chi phối nền kinh tế của Pháp. Đặc điểm của tổ chức độc quyền của Pháp là việc tập trung ngân hàng đạt mức cao (ba ngân hàng lớn ở Pari nắm 70% tư bản của các ngân hàng cả nước). Pháp là nước đứng thứ hai(sau Anh)về xuất cảng tư bản, nhưng hình thức khác Anh ở chỗ tư bản đem cho các nước chậm tiến vay lấy lãi nặng. Vì vậy, chủ nghĩa đế quốc Pháp được gọi là *chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi.*

Sau khi Đế chế thứ hai sụp đổ (4–9–1870), chính thể cộng hòa được thiết lập (nền Cộng hòa thứ ba). Xu hướng phản động ngày càng thắng thế trong đời sống chính trị thể hiện rõ ở việc đàn áp các cuộc đấu tranh của công nhân và nhân dân.

Về đối ngoại, sau chiến tranh Pháp – Đức (1870–1871), quan hệ giữa hai nước tiếp tục căng thẳng. Từ 1870 đến 1893, Pháp ở vào tình thế bị cô lập. Song, Pháp vẫn tăng cường xâm lược thuộc địa ở châu Á và châu Phi : hoàn thành xâm lược Việt Nam (1884), chiếm Lào (1893), thôn tính Madagaxca, Marôc... Đến năm 1914, hệ thống thuộc địa của Pháp rộng gần 11 triệu km^2, với 55,5 triệu dân, đứng thứ nhì trên thế giới.

thuongmaitr

? *1. Vì sao sau 1870 công nghiệp Pháp phát triển chậm ?*

2. Vì sao nói chủ nghĩa đế quốc Anh là chủ nghĩa đế quốc thực dân, còn chủ nghĩa đế quốc Pháp là chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi ?

II - ĐỨC VÀ MĨ

3. Đức

Vào giữa thế kỉ XIX, Đức còn là một nước nông nghiệp, đa số dân cư tập trung ở nông thôn và các thành thị nhỏ. Sau khi nước Đức thống nhất (18–1–1871), chủ nghĩa tư bản phát triển rất nhanh. Việc thống nhất thị trường dân tộc, tiền bồi thường chiến phí của Pháp (5 tỉ phrăng vàng), việc chiếm vùng Loren giàu quặng sắt, dồi dào than đá và việc ứng dụng những thành tựu mới nhất của khoa học kĩ thuật làm cho công nghiệp Đức nhảy vọt. Đến cuối thế kỉ XIX, nhiều khu công nghiệp đồ sộ xuất hiện. Chỉ trong một thời gian ngắn, Đức vượt Pháp rồi Anh, đứng đầu châu Âu và thứ hai thế giới, sau Mĩ. Đến năm 1913, sản lượng gang thép của Đức đã gấp đôi Anh.

Do việc cạnh tranh trong sản xuất công nghiệp, nhất là trong công nghiệp nặng, mà quá trình tập trung sản xuất và tư bản ở Đức diễn ra mạnh mẽ. Những doanh nghiệp lớn phát triển nhanh chóng, tiêu diệt hoặc thu hút dần những xí nghiệp nhỏ. Sự tập trung mạnh mẽ sản xuất và tư bản dẫn đến sự ra đời những công ti độc quyền lớn ở những ngành công nghiệp then chốt. Các tổ chức độc quyền ở Đức xuất hiện dưới hình thức phổ biến là các-ten và xanh-đi-ca [(1)].

Xanh-đi-ca than đá Rainisơ-Vetxphalen thành lập năm 1893, đánh dấu bước chuyển sang chủ nghĩa đế quốc của Đức. Năm 1913, với 10 triệu tấn, xanh-đi-ca này kiểm soát 95% tổng sản lượng than ở vùng Rua (vùng công nghiệp lớn nhất ở Đức) và hơn 55% tổng sản lượng than cả nước.

Đến năm 1905, Đức có 385 tổ chức độc quyền, bao gồm 12 000 xí nghiệp lớn và nắm giữ các ngành sản xuất chủ yếu.

Do công nghiệp phát triển, quý tộc địa chủ Đức có điều kiện sử dụng máy móc và kĩ thuật mới trong nông nghiệp.

Về chính trị, Đức là một liên bang các quốc gia, trong đó quý tộc địa chủ liên kết chặt chẽ với tư sản độc quyền để thống trị nhân dân, chống phong trào công nhân, chạy đua vũ trang và xâm chiếm thuộc địa. Tập đoàn thống trị Đức ra sức truyền bá trong nhân dân những tư tưởng phản động, như sùng bái bạo lực, tinh thần vị chủng...

Đức bước vào con đường tư bản chủ nghĩa tương đối chậm, nên khi trở thành cường quốc công nghiệp thì phần lớn đất đai trên thế giới đã là thuộc địa hoặc nửa thuộc địa của Anh, Pháp... Ngay từ thập kỉ 1890, Đức đã công khai đòi dùng vũ lực chia lại thế giới. Vì thế, mâu thuẫn giữa Đức với Anh, Pháp – những nước có nhiều thuộc địa nhất – trở nên hết sức gay gắt và dẫn đến cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Xét sự phát triển kinh tế cũng như chính sách đối nội và đối ngoại, *chủ nghĩa đế quốc Đức là chủ nghĩa đế quốc có tính chất quân phiệt hiếu chiến.*

? – *Hình thức tổ chức độc quyền chủ yếu ở Đức là gì ?*

---

(1) Các-ten là một tổ chức của tư sản độc quyền nhằm thỏa thuận một số điều kiện (bán hàng, thanh toán), phân chia thị trường tiêu thụ. Những người tham gia các-ten vẫn làm chủ xí nghiệp riêng của mình. Xanh-đi-ca là một tổ chức độc quyền cao hơn các-ten việc bán hàng hóa, có khi cả việc mua nguyên liệu, do một ban quản trị thống nhất đảm nhiệm.

4. Mĩ

Sau cuộc nội chiến 1861–1865, chủ nghĩa tư bản ở Mĩ phát triển nhanh chóng, với một tốc độ chưa từng thấy ở nước nào khác. Những nguyên nhân chủ yếu là : chế độ nô lệ bị xóa bỏ ; tài nguyên thiên nhiên phong phú ; việc bành trướng lãnh thổ tới bờ Thái Bình Dương tạo điều kiện cho hàng chục triệu dân di cư ồ ạt tới đó làm ăn ; việc xây dựng màng lưới đường sắt rộng lớn ; sự lợi dụng vốn của châu Âu và thừa hưởng các thành quả khoa học kĩ thuật của thế giới...

Những thuận lợi trên đây không phải kéo dài mãi mãi. Song với những thuận lợi ấy, chỉ từ 1865 đến 1894, Mĩ từ hàng thứ tư nhảy vọt lên hàng đầu thế giới về sản xuất công nghiệp. Đến giữa những năm 90 thế kỉ XIX, sản lượng công nghiệp Mĩ gấp đôi Anh và bằng 1/2 tổng sản lượng của các nước Tây Âu gộp lại.

Sự phát triển nhảy vọt của công nghiệp Mĩ (cũng như của Đức), cùng với sự tụt hậu của Anh và Pháp hồi cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX là biểu hiện nổi bật của quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản ở thời kì đế quốc chủ nghĩa.

thuongmaitr

Nông nghiệp cũng phát triển nhanh chóng và Mĩ trở thành nước cung cấp nguyên liệu, lương thực, thực phẩm với giá rẻ cho châu Âu.

Sự cạnh tranh và những cuộc khủng hoảng kinh tế chu kì đã thúc đẩy mạnh mẽ sự tập trung sản xuất và tư bản ở Mĩ. Các ngành công nghiệp lần lượt vào tay một số ít nhà tư sản kếch xù liên minh với nhau thành những tơ-rơt [1], một hình thức độc quyền cao và phổ biến ở Mĩ. Tiêu biểu cho các tơ-rơt Mĩ là "vua dầu mỏ" Rôcpheolơ, "vua sắt thép" Mogân... Những "vua kĩ nghệ" vừa lũng đoạn công nghiệp, vừa là chủ các ngân hàng lớn, và chi phối toàn bộ đời sống chính trị và xã hội nước Mĩ.

Đứng đầu chính phủ Mĩ là tổng thống. Hai đảng tư sản – Cộng hòa và Dân chủ – cứ bốn năm một lần đưa người ra tranh cử ghế tổng thống và đại biểu quốc hội.

Nhìn chung, Mĩ chậm trễ trong việc phân chia thị trường thế giới, vì còn lo chinh phục nốt đất đai rộng lớn ở miền Trung và miền Tây

---

(1) Tơ–rơt là tổ chức độc quyền tập hợp tài sản của các xí nghiệp ; mỗi thành viên được hưởng lãi tùy theo số vốn bỏ ra. Lãnh đạo là một ban quản trị chung, quản lí toàn bộ sản xuất, tiêu thụ, tài chính...

của người Inđian. Từ những năm 80 trở đi, khi biên giới nước Mĩ đã chạm bờ Thái Bình Dương, Mĩ lập tức vươn ra ngoài Bắc Mĩ và tỏ ra hung hãn tham lamkhông kém thực dân châu Âu. Năm 1898, Mĩ gây chiến với Tây Ban Nha để cướp Philippin (làm bàn đạp vào Trung Quốc) và Cuba (để khống chế các nước Trung và Nam Mĩ). Bằng đôla, bằng bom đạn, Mĩ trắng trợn can thiệp vào nội bộ các nước Mĩ la tinh. Ở Trung Quốc, Mĩ đề ra chính sách "mở cửa" để xâm nhập vào đất nước rộng lớn và giàu có này.

Từ tình hình cụ thể bốn nước đế quốc trên, có thể khái quát là : chủ nghĩa đế quốc nói chung giữ nguyên những tính chất vốn có của chủ nghĩa tư bản và thể hiện qua năm đặc điểm cơ bản :

– Tập trung sản xuất dẫn tới sự ra đời của các *công ti độc quyền*.

– Sự hỗn hợp giữa tư bản ngân hàng và tư bản công nghiệp đẻ ra *tư bản tài chính.*

– *Xuất cảng tư bản.*

– Sự hình thành các *liên minh độc quyền quốc tế.*

truongxua.vn

– Sự *phân chia đất đai trên thế giới* giữa các cường quốc tư bản chủ nghĩa lớn nhất.

Trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, các mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản trở nên sâu sắc, chuẩn bị tiến tới cách mạng xã hội chủ nghĩa.

? *1. Phân tích những nguyên nhân dẫn đến sự phát triển vượt bậc của kinh tế Mĩ hồi cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX ?*

2. Chứng minh chủ nghĩa đế quốc Đức là chủ nghĩa đế quốc quân phiệt hiếu chiến.

3. Chủ nghĩa đế quốc hình thành ở Mĩ như thế nào ?

4. Phân tích nội dung những đặc điểm chung của chủ nghĩa đế quốc vào những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

Chương III

CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ LA TINH CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẦU THẾ KỈ XX

Trong thời kì đế quốc chủ nghĩa, hầu hết các nước Á, Phi, Mĩ la tinh trở thành những nước thuộc địa và phụ thuộc. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước này nổ ra mạnh mẽ.

Riêng Nhật Bản trở thành một nước tư bản phát triển.

Bài 3

NHẬT BẢN

1. Nhật Bản vào nửa đầu thế kỉ XIX

Đến thế kỉ XVIII, sau gần hai thế kỉ thống trị Nhật Bản, chế độ Mạc phủ đứng đầu là Xôgun (Tướng quân)(1) bước vào thời kì khủng hoảng ngày càng trầm trọng.

Mặc dù Nhật Bản là một nước lớn ở châu Á, đến giữa thế kỉ XIX chế độ phong kiến Nhật Bản đang trên đà suy yếu. Quyền lực của Xôgun bị lung lay. Những mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển nhanh chóng. Cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân (nông dân, thợ thủ công, và thị dân) bùng nổ mạnh mẽ.

Kinh tế hàng hóa phát triển, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa cũng ra đời. Công trường thủ công xuất hiện ngày càng nhiều. Tầng lớp tư sản công nghiệp hình thành, bên cạnh tư sản thương nghiệp đã ra đời từ lâu. Chủ nghĩa tư bản cũng xâm nhập vào nông thôn. Sản xuất nông nghiệp nhằm cung cấp sản phẩm cho thị trường ; tô tiền thay thế tô hiện vật.

Công thương nghiệp phát triển, tầng lớp chủ công trường và thương nhân ngày càng giàu có. Song, các nhà công thương lại không có quyền chính trị. Giai cấp tư sản vẫn còn yếu, không đủ sức xóa bỏ chế độ phong kiến. Nông dân là đối tượng bóc lột chủ yếu của giai cấp phong kiến, còn thị dân thì không những bị phong kiến khống chế mà còn bị các nhà buôn và bọn cho vay lãi bóc lột.

---

(1) Theo chế độ này, ở Nhật Bản, bên cạnh Thiên hoàng còn có Tướng quân. Quyền hành nằm trong tay Tướng quân

thuongmaitr

Giữa lúc mâu thuẫn giai cấp trong nước ngày càng gay gắt, chế độ Mạc phủ đang khủng hoảng nghiêm trọng, thì các nước tư bản phương Tây đến gõ cửa Nhật Bản, dùng vũ lực để mở toang cánh cửa đóng kín gần hai thế kỉ, làm cho khủng hoảng chính trị của chế độ phong kiến thêm sâu sắc.

Trong số các nước tư bản, Mĩ rất muốn chiếm Nhật Bản, vì Mĩ còn có ít thuộc địa, muốn biến Nhật Bản thành một căn cứ bàn đạp để nhảy vào Trung Quốc.

Dùng vũ lực đe dọa, Mĩ đã buộc Nhật Bản kí những hiệp ước thông thương (1854–1858). Các nước khác như Anh, Pháp, Nga, Hà Lan cũng đua nhau bắt Nhật kí những hiệp ước tương tự.

Những hiệp ước bất bình đẳng mà Mạc phủ kí với nước ngoài làm cho các tầng lớp xã hội phản ứng mạnh mẽ. Phong trào đấu tranh chống Xôgun nổ ra vào những năm 60 thế kỉ XIX và ngày càng phát triển. Cuối cùng, chế độ thống trị của Xôgun bị lật đổ (1 – 1868).

? – *Vì sao chế độ Mạc phủ bị lật đổ ?*

ruongxua.vn

2. Cuộc cải cách Minh Trị (Mâygi)

Ngày 3–1–1868, chính phủ mới do Thiên hoàng bổ nhiệm được thành lập. Giai cấp tư sản chưa được tham gia chính quyền, nhưng chế độ mới tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển, nên họ ủng hộ chính quyền mới.

Thời kì *Minh Trị* (trị vì của một nhà vua sáng suốt) bắt đầu. Để xoa dịu làn sóng đấu tranh của các tầng lớp nhân dân, chính phủ Thiên hoàng vừa đàn áp vừa thi hành những *cải cách*. Từ 1868 đến 1873, Thiên hoàng thực hiện một số cải cách có tính chất tư sản (lịch sử gọi là "Cải cách Minh Trị").

Chính phủ bãi bỏ chế độ đẳng cấp, thủ tiêu chế độ phường hội và hàng rào thuế quan trong nước, thực hiện "quyền bình đẳng giữa các công dân", ban bố quyền tự do buôn bán và đi lại, thiết lập chế độ tiền tệ thống nhất (đồng yên). Tòa án mới (kiểu tư sản) được thành lập ; nhiều cải cách quan trọng về giáo dục được thi hành. Chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến bị xóa bỏ ; chính phủ cho phép mua bán ruộng đất.

Những sự kiện xảy ra ở Nhật Bản vào những năm 60–70 thế kỉ XIX là một cuộc *cách mạng tư sản không triệt để*, và "thời kì Minh Trị" là thời kì quá độ từ chế độ phong kiến sang chủ nghĩa tư bản. Sau năm 1868, chính quyền không ở trong tay giai cấp tư sản, mà là nền chuyên chế của Thiên hoàng, ra đời trên cơ sở liên minh quý tộc – tư sản để lật đổ Xôgun.

Nhưng cuộc cách mạng 1868 cũng mở đường cho việc biến nước Nhật Bản phong kiến thành một nước tư bản chủ nghĩa, thoát khỏi số phận một nước thuộc địa hay nửa thuộc địa.

? – *Nội dung và tính chất của cuộc "Cải cách Minh Trị" ?*

3. Sự chuyển biến của Nhật Bản sau "Cải cách Minh Trị"

Từ sau 1868, chủ nghĩa tư bản phát triển nhanh chóng ở Nhật Bản, và từ cuối thế kỉ XIX chuyển mạnh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Chính phủ bỏ vốn xây dựng những xí nghiệp lớn, đường giao thông, rồi nhượng lại cho tư bản tư nhân với giá rẻ. Chính phủ còn miễn thuế, cho vay và trợ cấp cho các xí nghiệp tư doanh. Nhờ vậy, công nghiệp nhất là công nghiệp nặng, đường sắt, ngoại thương, hàng hải tiến rất nhanh. Từ 1900 đến 1914, tỉ trọng công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân tăng từ 19% lên 42%.

Việc đẩy mạnh công nghiệp hóa kéo theo sự tập trung trong công nghiệp, thương nghiệp và ngân hàng. Nhiều công ti độc quyền xuất hiện. Hai hãng lớn nhất – *Mitxưi* và *Mitxubisi* – chi phối đời sống kinh tế và chính trị của nước Nhật.

Trên con đường chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, giai cấp tư sản Nhật Bản đòi hỏi xâm chiếm thị trường các nước, trước hết là Trung Quốc và Triều Tiên (chiến tranh Trung – Nhật 1894). Việc bành trướng của Nhật Bản ở Đông Bắc Trung Quốc và Triều Tiên động chạm quyền lợi của Nga, và chiến tranh Nga – Nhật đã xảy ra (1904–1905). Đây là một trong những cuộc chiến tranh đế quốc đầu tiên.

Chủ nghĩa tư bản Nhật Bản càng phát triển nhanh chóng, nhân dân lao động trong nước càng bị áp bức bóc lột nặng nề. Công nhân phải làm việc mỗi ngày 12 – 14 giờ, lĩnh lương thấp hơn ở Âu – Mĩ rất nhiều, lại không được pháp luật bảo vệ.

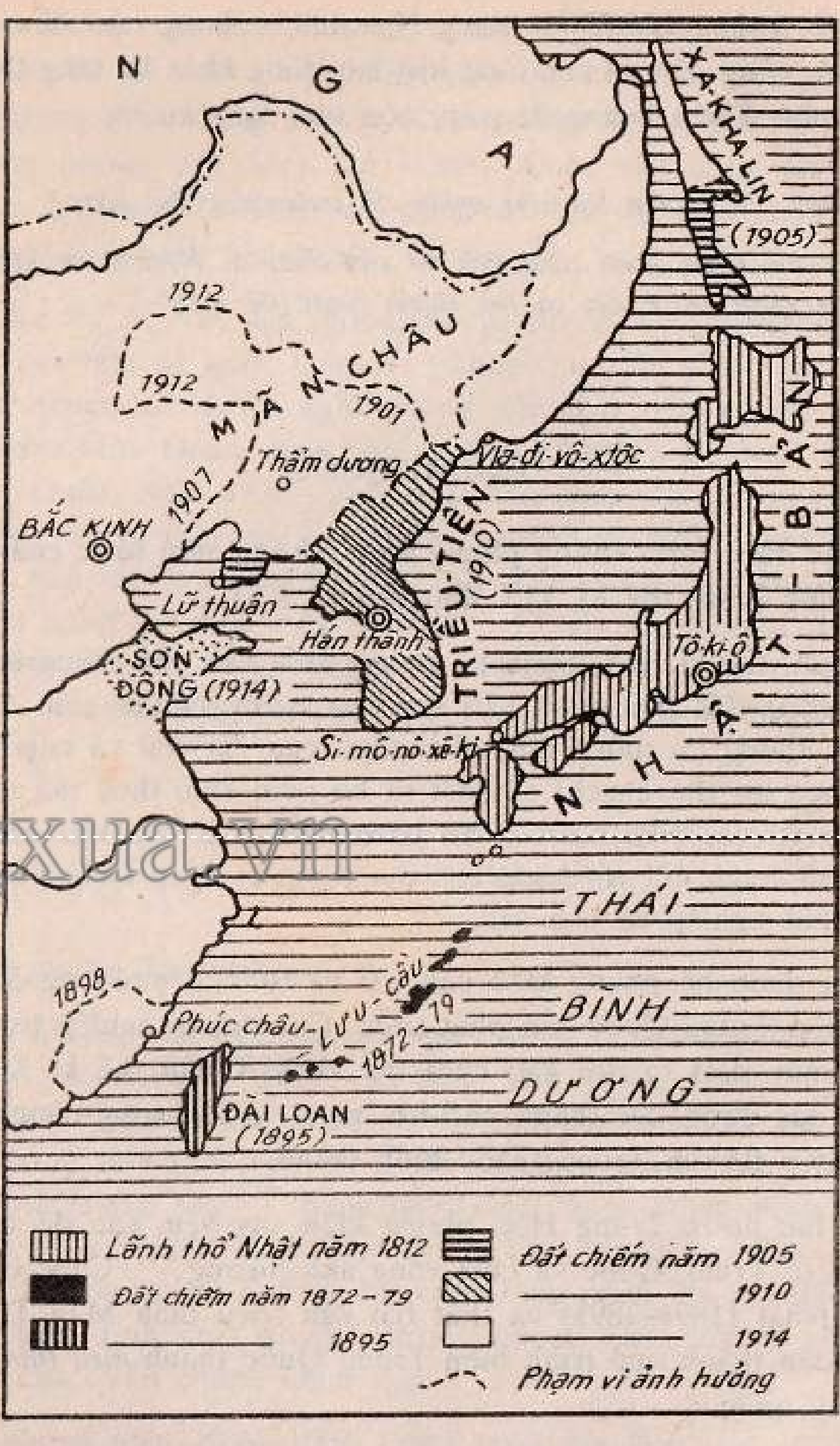

ruongxua.vn

Hình 2 – Đế quốc Nhật cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX

Vì vậy, nhân dân lao động ngày càng đấu tranh mạnh mẽ, đặc biệt là công nhân. Từ 1890, làn sóng bãi công và biểu tình lan rộng cả nước. Xen Cataiama (1859–1933) đã truyền bá chủ nghĩa xã hội khoa học vào phong trào công nhân Nhật Bản. Năm 1901, Đảng Xã hội Dân chủ Nhật Bản thành lập.

Do ảnh hưởng của Cách mạng Nga 1905, phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác lại tăng tiến, nhưng bị chính phủ Thiên hoàng đàn áp, nên tạm lắng xuống.

? *1. Nước Nhật tiến lên chủ nghĩa đế quốc như thế nào ?*

2. Vì sao trong hoàn cảnh lịch sử của châu Á, Nhật thoát khỏi số phận một nước thuộc địa và trở thành nước đế quốc ?

Bài 4

TRUNG QUỐC

1. Cuộc đấu tranh chống phong kiến, chống xâm lược của nhân dân Trung Quốc (cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX)

Đến cuối thế kỉ XIX, quan hệ phong kiến vẫn còn thống trị ở Trung Quốc. Ruộng đất tập trung vào tay vua quan và địa chủ. Phần đông nông dân không có ruộng đất, phải thuê của địa chủ và nộp tô (từ 1/2 đến 2/3 hoa lợi thu hoạch) ; ngoài ra họ phải chịu thuế má nặng nề và làm nghĩa vụ với Nhà nước. Thủ công nghiệp – vốn khá phát triển – không cạnh tranh nổi với hàng nước ngoài tràn ngập khắp nơi. Thợ thủ công bị thất nghiệp và phá sản.

Tuy bị quan hệ phong kiến cản trở và tư bản nước ngoài chèn ép, công nghiệp Trung Quốc vẫn phát triển. Các doanh nghiệp tư bản (hầm mỏ, nhà máy dệt) ra đời vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. Đường sắt được xây dựng, các thành phố lớn mọc lên. Số lượng công nhân tăng lên, giai cấp tư sản Trung Quốc hình thành.

Thừa lúc nước Trung Hoa phong kiến suy yếu, các đế quốc tranh nhau xâu xé Trung Quốc và chia vùng ảnh hưởng [1]. Cuộc chiến tranh Trung – Nhật (1894–1895) và thất bại của triều đình Mãn Thanh đánh dấu sự hoàn thành quá trình biến Trung Quốc thành *nửa thuộc địa* của các cường quốc.

Trước nguy cơ bị xâm lược, triều đình Mãn Thanh không có biện pháp gì để canh tân và bảo vệ đất nước. Giai cấp tư sản vừa xuất hiện

(1) Nhật chiếm đảo Đài Loan. Đức chiếm tỉnh Sơn Đông. Vùng châu thổ sông Dương Tử dành riêng cho Anh. Vùng Hoa Nam là khu vực ảnh hưởng của Pháp. Nga và Nhật mưu toan mở rộng khu vực ảnh hưởng ở Đông Bắc Trung Quốc.

đòi hỏi có những cải cách kinh tế, chính trị, xã hội. Cuối thế kỉ XIX, một số phần tử trí thức phong kiến tiến bộ, chịu ảnh hưởng tư tưởng tư sản phương Tây, đứng đầu là Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu, khởi xướng phong trào Duy tân (1898). Cuộc vận động Duy tân tiến hành được 100 ngày thì thất bại, vì bị thế lực thủ cựu phản động của triều đình Mãn Thanh phá hoại.

Sang đầu thế kỉ XX, ách thống trị của phong kiến trong nước và sự xâm lược của bọn đế quốc làm cho phong trào đấu tranh của nhân dân phát triển mạnh mẽ. Khởi nghĩa nông dân liên tiếp nổ ra, lớn mạnh nhất là Nghĩa Hòa Đoàn, xuất phát ở Sơn Đông và lan rộng khắp miền Bắc Trung Quốc. Năm 1900, nghĩa quân tấn công vào các sứ quán nước ngoài ở Bắc Kinh. Lập tức liên quân 8 nước đế quốc đánh Bắc Kinh. Chúng đốt phá, cướp bóc và bắn giết rất dã man. Triều đình Mãn Thanh vội vã đầu hàng, kí điều ước Tân Sửu (1901) với những điều khoản nặng nề (bồi thường chiến phí, cho các nước đế quốc đóng quân ở Bắc Kinh). Trung Quốc thực sự trở thành nước *nửa thuộc địa, nửa phong kiến*.

? – *Những sự kiện nào chứng tỏ rằng cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, Trung Quốc trở thành nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến ?*

truongxua.vn

2. Cách mạng Tân Hợi (1911)

Do ảnh hưởng của Cách mạng Nga 1905–1907, phong trào yêu nước chống phong kiến và đế quốc của nhân dân Trung Quốc vẫn tiếp tục phát triển. Giai cấp tư sản Trung Quốc thấy sự cần thiết phải tập hợp các lực lượng dân chủ và yêu nước để đấu tranh thắng lợi. Tháng 8–1905, Tôn Trung Sơn [1] thành lập Trung Quốc Đồng minh hội nhằm "đánh đuổi Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, thành lập dân quốc, chia ruộng đất cho dân cày". Đường lối của Đồng minh hội có nhiều nhược điểm, thể hiện tính chất không tưởng, nhưng cũng cổ vũ phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân.

Trong những năm 1906- 1908, Đồng minh hội lãnh đạo 10 cuộc khởi nghĩa chống Mãn Thanh, nhưng đều thất bại. Năm 1911, nhân dân khắp nơi nổi dậy phản đối triều đình trao quyền khai thác đường sắt cho công ti nước

(1) Tôn Trung Sơn (1866–1925), tên thật là Tôn Dật Tiên, sinh trưởng trong một gia đình nông dân. Sau khi tốt nghiệp trường thuốc ở Hồng Kông, ông bắt đầu hiến dâng cuộc đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

ngoài. Nhân cơ hội này, Đồng minh hội phát động cuộc khởi nghĩa ở *Vũ Xương* (10– 10– 1911). Cuộc khởi nghĩa thắng lợi nhanh chóng và lan rộng khắp nước. Công nhân, nông dân là lực lượng chủ yếu của nghĩa quân.

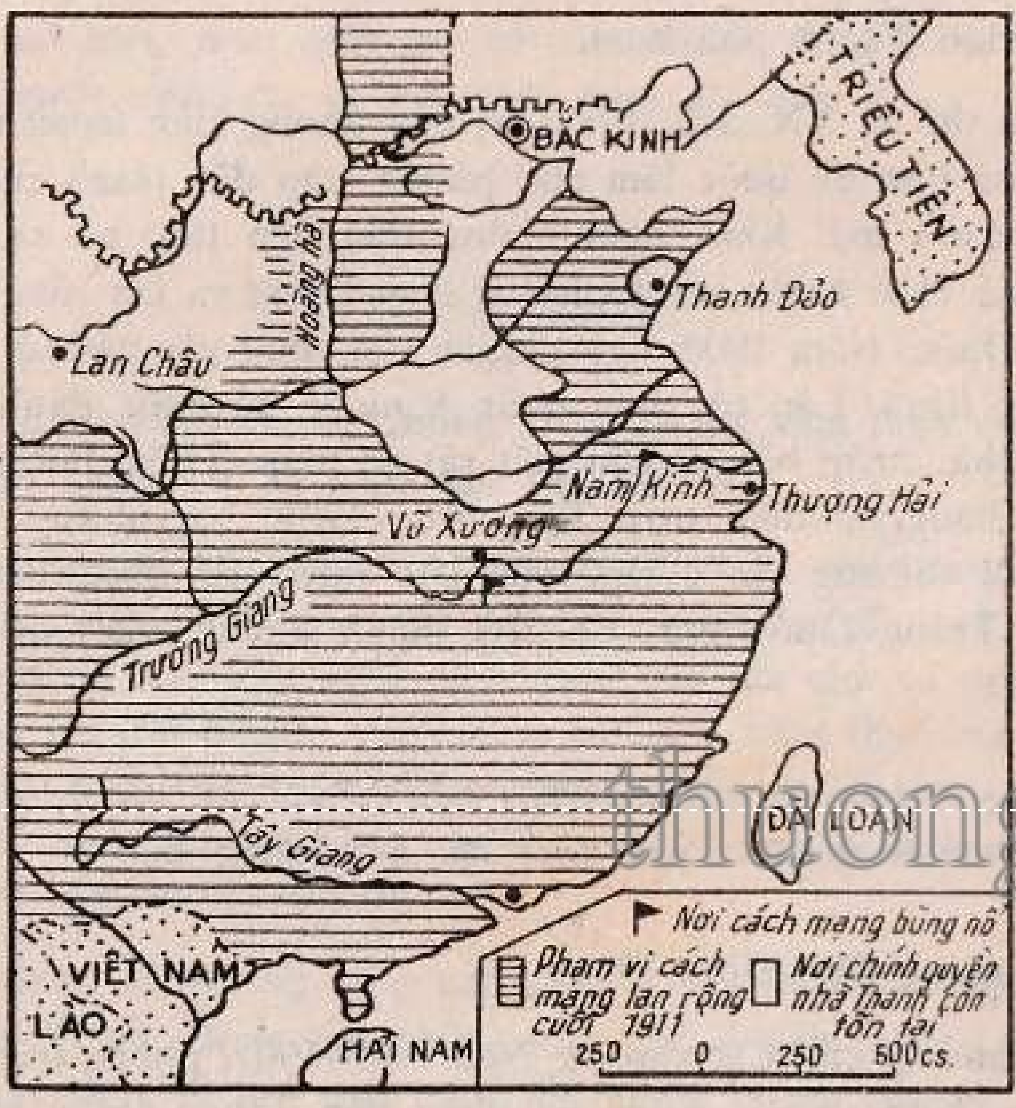

thuongmaitr

Hình 3– Bản đồ cách mạng Tân Hợi

Nhưng, một số phần tử lãnh đạo Đồng minh hội, xuất thân quan lại địa chủ và tư sản, tìm cách hạn chế sự phát triển của cách mạng và thỏa hiệp với giai cấp phong kiến.

Cuối tháng 12–1911, *Quốc dân đại hội* (gồm đại biểu các tỉnh cách mạng) họp ở Nam Kinh và bầu Tôn Trung Sơn làm Đại tổng thống đứng đầu Chính phủ lâm thời. Một *hiến pháp lâm thời* được thông qua, công nhận sự bình đẳng và các quyền tự do dân chủ của mọi công dân nhưng không đề cập đến vấn đề ruộng đất của nông dân đã được ghi trong cương lĩnh của Đồng minh hội.

Trước thắng lợi bước đầu của cách mạng, địa chủ và tư sản hoảng sợ, vội vã thương lượng với triều đình Mãn Thanh. Các nước đế quốc

cũng ép họ phải thỏa hiệp. Kết quả là vua Thanh thoái vị, nhưng Viên Thế Khải – một đại thần của triều đình phong kiến – lên làm tổng thống; Tôn Trung Sơn bị buộc phải từ chức (3 – 1913). Trên thực tế, cách mạng chấm dứt ; các thế lực phong kiến quân phiệt nắm chính quyền.

Cách mạng Tân Hợi (1911) là một cuộc *cách mạng dân chủ tư sản* do những phần tử trí thức cấp tiến trong giai cấp tư sản và tiểu tư sản lãnh đạo. Do đấu tranh của quần chúng nhân dân, chế độ quân chủ chuyên chế bị lật đổ, nền cộng hòa được thiết lập. Nhưng đây là một cuộc *cách mạng tư sản không triệt để :* không thủ tiêu chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến, không chia ruộng đất cho dân cày, không xóa bỏ ách nô dịch của nước ngoài.

Tuy nhiên, Cách mạng Tân Hợi có ý nghĩa lịch sử lớn lao : lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại lâu đời, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển, có ảnh hưởng nhất định đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á.

? *1. Những nhiệm vụ đặt ra cho cách mạng Trung Quốc 1911 – 1913 ?*

2. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng Tân Hợi ?

ruongxua.vn

Bài 5

QUÁ TRÌNH HOÀN THÀNH XÂM LƯỢC THUỘC ĐỊA CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN Ở Á, PHI, MĨ LA TINH

1. Hoàn thành xâm lược và phân chia thuộc địa giữa các cường quốc tư bản

Trong 30 năm cuối cùng của thế kỉ XIX, cùng với việc tiến lên chủ nghĩa đế quốc, các nước tư bản (Anh, Pháp, Đức, Mĩ, Nhật...) hoàn thành việc xâm chiếm và phân chia nhau thuộc địa ở khắp nơi trên thế giới.

Ở châu Á, Anh chiếm Ấn Độ, Mã Lai, Miến Điện ; Pháp chiếm Việt Nam, Lào, Campuchia. Xiêm (ngày nay là Thái Lan) nằm giữa Miến Điện[(1)] và các nước Đông Dương thuộc Pháp, trở thành vùng tranh chấp giữa Anh và Pháp.

Trung Quốc, Ba Tư (ngày nay là Iran), Thổ Nhĩ Kì, về hình thức là những nước độc lập, trên thực tế trở thành những nước nửa thuộc địa của các cường quốc đế quốc, nơi chúng tranh giành nhau khu vực ảnh hưởng.

(1) Ngày nay là Mianma

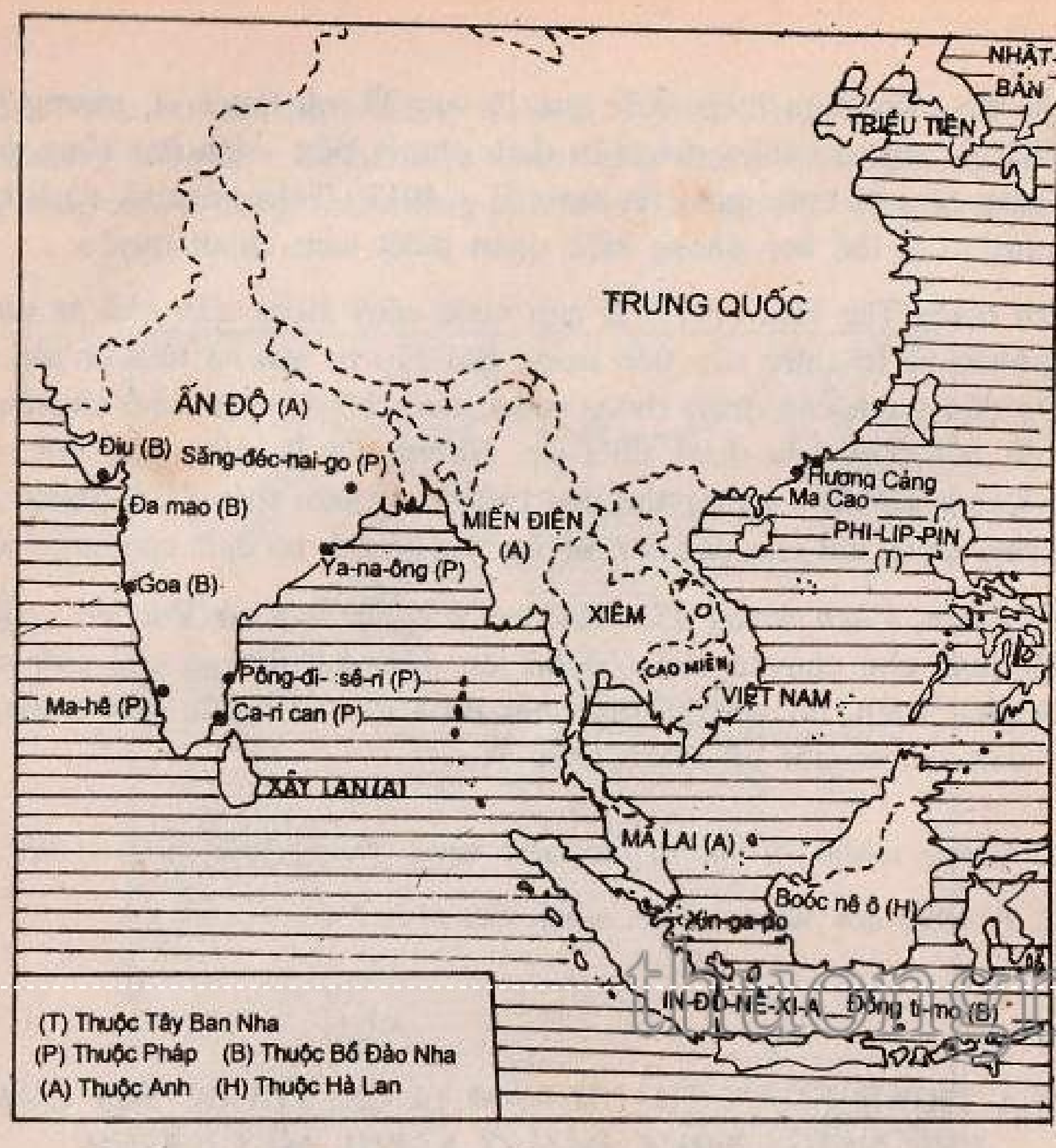

Hình 4 – Bản đồ Đông Nam Á cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX

Như vậy, đến cuối thế kỉ XIX, châu Á đã được phân chia giữa các cường quốc thực dân.

Cũng như ở châu Á, trong nửa sau thế kỉ XIX, các nước tư bản bắt đầu xâm chiếm toàn bộ lục địa *châu Phi*, chia nhau làm thuộc địa. Vào những năm 70 của thế kỉ XIX, dân số châu Phi có khoảng 100 triệu, gồm phần lớn người A Rập ở miền Bắc, người da đen ở miền Trung và miền Nam. Trình độ phát triển của các nước châu Phi không đồng đều. Ở các nước miền Bắc và Đông Bắc đang tồn tại chế độ quân chủ chuyên chế với nền thương nghiệp và thủ công nghiệp phát triển từ lâu đời ; còn phần lớn nhân dân châu Phi vẫn sống trong tình trạng bộ lạc, thị tộc hoặc chế độ nô lệ gia trưởng, với nghề nông cổ sơ, chăn nuôi, săn bắn và đánh cá.

Đến đầu những năm 70 thế kỉ XIX, thực dân châu Âu mới chiếm khoảng 11% đất đai châu Phi nằm dọc theo bờ biển. Nhưng, đến cuối

thế kỉ XIX, hầu hết châu Phi nằm dưới sự thống trị của các nước đế quốc châu Âu, chủ yếu là Anh, Pháp, rồi đến Đức, Bỉ, Bồ Đào Nha.

Ai Cập, Nam Phi là thuộc địa của Anh. Bắc Phi (gồm các nước Angiêri, Tuynidi, Marôc), một phần Đông Phi thuộc Pháp. Bỉ làm chủ phần lớn Cônggô. Bồ Đào Nha thống trị Angôla và Môdambich. Đức chiếm một phần Đông Phi. Italia đô hộ Abixini.

Đến đầu thế kỉ XX, sự phân chia châu Phi giữa các cường quốc thực dân hoàn thành.

Hình 5– Bản đồ chính trị châu Phi cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX

Sau khi thoát khỏi ách thống trị của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, các nước ở *Mĩ la tinh* trở thành những nước tư sản độc lập. Song, trên thực tế, do sự yếu kém về kinh tế và chính trị, những nước này lại rơi vào vòng lệ thuộc các nước đế quốc Âu – Mĩ.

Trong mấy trăm năm dưới ách thống trị của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, nền kinh tế của các nước này rất lạc hậu. Những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, trong nông nghiệp của các nước ở Mĩ la tinh, quan hệ nửa phong kiến còn thống trị, nhất là trong các điền trang lớn của địa chủ. Một phần lớn ruộng đất nằm trong tay giáo hội Thiên chúa. Công nghiệp bắt đầu phát triển, nhưng chỉ nhằm phục vụ việc chế biến nông sản và khai thác nguyên liệu đem sang các nước Âu–Mĩ. Lợi dụng tình trạng lạc hậu này, và dựa vào giai cấp thống trị ở Mĩ la tinh, các nước đế quốc đã bắt những nước ở đây phải phụ thuộc về kinh tế. Sự phụ thuộc về kinh tế dẫn đến sự phụ thuộc về chính trị. Cuối thế kỉ XIX, Anh có vai trò lớn ở những nước này, nhưng từ đầu thế kỉ XX, Mĩ dần dần giữ địa vị thống trị thực sự.

Như vậy, đến cuối thế kỉ XIX, sự phân chia thuộc địa giữa các cường quốc tư bản đã hoàn thành. Từ đây, nảy sinh cuộc đấu tranh để chia lại thuộc địa, dẫn đến mâu thuẫn gay gắt giữa các nước đế quốc, dẫn đến chiến tranh đế quốc, mở đầu bằng chiến tranh Mĩ – Tây Ban Nha (1898), rồi chiến tranh Nga – Nhật (1904–1905).

thuongmaitr

? – *Trên cơ sở sự phân chia thuộc địa giữa các nước đế quốc ở Á, Phi, Mĩ la tinh, hãy giải thích khái niệm "hoàn thành việc phân chia đất đai thế giới".*

2. Việc khai thác và bóc lột thuộc địa

Đối với các nước tư bản đế quốc, thuộc địa là nguồn cung cấp nguyên liệu, nhân công và lương thực rẻ cho chính quốc, là thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp của chính quốc một cách chắc chắn và có lời, là căn cứ quân sự làm bàn đạp xâm chiếm các nước khác, và sau này là nơi xuất cảng tư bản để thu lợi nhuận cao.

Với mục đích ấy, bọn tư bản đế quốc ra sức khai thác và bóc lột thuộc địa một cách triệt để và tàn bạo, gây nhiều hậu quả tai hại cho xã hội và nhân dân các nước này.

Chính sách cai trị truyền thống của các nước tư bản đế quốc ở thuộc địa là tìm mọi cách chia rẽ nhân dân, mua chuộc giai cấp thống trị làm tay sai, vơ vét tài nguyên đem về chính quốc, tiến hành việc buôn bán không bình đẳng. Chúng không mở mang công nghiệp ở thuộc địa, chỉ xây dựng những ngành công nghiệp chế biến và dân dụng nhằm thỏa mãn yêu cầu của xuất khẩu hoặc của đời sống giai cấp thống trị. Việc mở mang đường bộ, đường sắt, các bến cảng cũng nhằm phục vụ việc khai thác kinh tế hoặc đàn áp các cuộc đấu tranh của nhân dân.

Biện pháp được sử dụng phổ biến trong việc khai thác bóc lột thuộc địa là cướp đất mở đồn điền, nắm độc quyền về tài nguyên, hầm mỏ và thu thuế. Ở Angiêri, năm 1870 thực dân Pháp chiếm 155 000 ha đất ; năm 1910 con số này tăng lên 1 847 000 ha. Ở lưu vực sông Cônggô, tất cả ruộng đất của nông dân bị tịch thu chia cho chủ tư bản. Các vùng đất màu mỡ ở Việt Nam, Campuchia, Lào và nhiều thuộc địa khác trở thành đồn điền của bọn thực dân trồng cao su, cà phê, chè và nhiều loại cây công nghiệp khác. Các nước đế quốc biến thuộc địa thành nơi cung cấp nguyên liệu đặc sản cho nền công nghiệp của chính quốc : Ấn Độ và Ai Cập cung cấp bông; Việt Nam, Campuchia cung cấp cao su ; một số nước châu Phi cung cấp cacao và dầu thực vật. Các nước Mĩ la tinh độc canh một vài nông sản để xuất khẩu : Braxin chuyên trồng cà-phê và bông ; Cuba trồng mía ; các nước Trung Mĩ trồng chuối và cà phê...

Những mỏ kim cương và vàng giàu nhất thế giới của Nam Phi nằm trong tay thực dân Anh.

Nhân dân ở bất cứ thuộc địa nào đều phải gánh chịu nhiều nghĩa vụ và các loại thuế khóa nặng nề. Sự bóc lột phong kiến về tô thuế không những được giữ nguyên mà còn chồng lên sự bóc lột của tư bản.

Trong thời kì đế quốc chủ nghĩa, các thuộc địa là nơi xuất cảng tư bản có lợi nhất. Khu vực Mĩ la tinh hầu như là nơi độc quyền đầu tư của đế quốc Mĩ. Từ đó, Mĩ khống chế nền kinh tế và chính trị của các nước ở đây. Từ đầu thế kỉ XX, Mĩ nắm độc quyền đào kênh Panama. Trong nhiều năm, trên thực tế, nước Cộng hòa Panama là thuộc địa của Mĩ. Ở Nicaragoa, do chính phủ nợ Mĩ số tiền lớn, nước này nằm dưới quyền kiểm soát kinh tế và chính trị của Mĩ.

Sự khai thác bóc lột thuộc địa của thực dân cản trở sự phát triển của các nước thuộc địa và phụ thuộc trên con đường tiến bộ xã hội. Nền kinh tế các nước này hoàn toàn lệ thuộc vào chủ nghĩa

uongxua.vn

đế quốc và ngày một suy yếu. Nạn đói hoành hành ở tất cả các nước thuộc địa. Ở Ấn Độ trong thập kỉ 90 thế kỉ XIX, có 18 triệu người chết đói. Ở châu Phi, thân phận người dân lao động không khác gì người nô lệ thời cổ đại.

Sự thống trị và bóc lột của chủ nghĩa thực dân cũng làm nảy sinh các tầng lớp xã hội mới ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Giai cấp vô sản và giai cấp tư sản người bản xứ hình thành và có vai trò lớn trong cuộc đấu tranh của nhân dân vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

? *1. Những thủ đoạn khai thác, bóc lột thuộc địa qua các thời kì phát triển của chủ nghĩa tư bản ?*

2. Hậu quả của sự khai thác thuộc địa ? (Liên hệ với tình hình ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX).

Bài 6

BƯỚC ĐẦU CỦA PHONG TRÀO ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

thuongmaitr

Sự áp bức bóc lột thuộc địa của các nước đế quốc tất yếu dẫn đến cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân để giải phóng dân tộc. Giai cấp phong kiến, đến cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, đã trở thành tay sai cho bọn thực dân cướp nước. Giai cấp tư sản dân tộc còn non yếu, trong một chừng mực nhất định đã tổ chức và lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Giai cấp công nhân ngày một trưởng thành vươn lên đảm nhận sứ mệnh lịch sử của mình. Bọn thực dân đế quốc đã đàn áp dã man các cuộc đấu tranh của nhân dân thuộc địa, song không thể dập tắt được phong trào cách mạng.

1. Ở Ấn Độ

Sau khi đàn áp cuộc khởi nghĩa nhân dân năm 1857–1859, chính phủ Anh tăng cường bóc lột, áp bức và chia rẽ nhân dân Ấn Độ, mua chuộc các chúa phong kiến, đại địa chủ và bọn cho vay nặng lãi để làm cơ sở xã hội cho sự thống trị của mình. Thực dân Anh tìm mọi cách khơi sâu mối hằn thù về chủng tộc, tôn giáo, đẳng cấp, khôi phục những tập tục lạc hậu (như tệ tảo hôn) để làm suy yếu lực lượng đoàn kết đấu tranh chống Anh. Mâu thuẫn giữa nhân dân Ấn Độ với thực dân

Anh thêm sâu sắc. Giai cấp tư sản Ấn Độ ngày càng lớn mạnh cũng đấu tranh chống chính quyền thực dân. Trong hoàn cảnh xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ, giai cấp tư sản Ấn Độ là lực lượng tiên tiến, đứng ra tổ chức và lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc.

Những cuộc khởi nghĩa của công nhân và nông dân Ấn Độ nổ ra liên tiếp trong những năm 1875–1885 có tác dụng thúc đẩy giai cấp tư sản Ấn Độ mạnh dạn đứng lên chống thực dân Anh. Năm 1885, Đảng Quốc dân Đại hội (gọi tắt là Đảng Quốc Đại), chính đảng của giai cấp tư sản dân tộc Ấn Độ, được thành lập.

Trong 20 năm đầu (1885–1905), Đảng Quốc Đại chủ trương dùng phương pháp ôn hòa đòi chính phủ thực dân thực hiện cải cách. Thực dân Anh không những không thỏa mãn yêu cầu này mà còn tìm cách hạn chế ảnh hưởng của Đảng Quốc Đại. Bởi vậy, trong Đảng Quốc Đại, bên cạnh "phái ôn hòa", xuất hiện "phái cấp tiến" (hay "phái cực đoan") do Tilăc cầm đầu, phản đối chủ trương thỏa hiệp với thực dân Anh và đòi phải có thái độ đấu tranh kiên quyết.

Năm 1899, cuộc đấu tranh chính trị đầu tiên của vô sản Bombay nổ ra. Bước vào đầu thế kỉ XX, phong trào đấu tranh đòi độc lập ngày càng thu hút đông đảo nhân dân Ấn Độ. Năm 1906, công nhân đường sắt Bengan tổng bãi công. Phong trào tẩy chay hàng Anh rầm rộ khắp nơi. Nông dân nổi dậy nhiều nơi, mạnh nhất ở Pungiap ; họ chiếm được các cơ quan nhà nước, ga xe lửa ..., nhưng không duy trì được thắng lợi lâu dài.

Phong trào đấu tranh của nhân dân có ảnh hưởng đến nội bộ Đảng Quốc Đại. Phái Tilăc ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân.

Thực dân Anh một mặt đàn áp phong trào nhân dân, mặt khác tìm cách chia rẽ và mua chuộc giai cấp tư sản. Năm 1907, phái ôn hòa của Đảng Quốc Đại thỏa hiệp với thực dân, dựa vào cảnh sát Anh đuổi phái Tilăc ra khỏi đại hội của Đảng Quốc Đại. Tháng 6 – 1908, Tilăc và nhiều người khác bị bắt và bị kết án khổ sai chung thân.

Chính sách của thực dân Anh dẫn đến cao trào đấu tranh của công nhân Ấn Độ nổ ra vào tháng 7 – 8 năm 1908. Ở Bombay công nhân tổ chức nhiều cuộc bãi công chính trị, thành lập đơn vị chiến đấu, xây dựng chiến lũy chống lại quân đội Anh. Tuy bị đàn áp, cuộc khởi nghĩa của công nhân Bombay là sự kiện quan trọng nhất trong phong trào đấu tranh chống Anh vào đầu thế kỉ XX.

uongxua.vn

Chính quyền Anh một mặt thẳng tay đàn áp, mặt khác mua chuộc giai cấp tư sản Ấn Độ bằng những cải cách nhỏ (cho tham gia Hội đồng địa phương, thu hồi đạo luật chia cắt Bengan...). Song, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Ấn Độ vẫn tồn tại.

? – *Cuộc đấu tranh của nhân dân Ấn Độ chống Anh diễn ra như thế nào? Kết quả ?*

2. Ở Đông Nam Á

Đông Nam Á là vùng giàu tài nguyên, có nền văn minh lâu đời và có vị trí chiến lược quan trọng. Thực dân phương Tây lần lượt xâm chiếm các nước này, thi hành chính sách cai trị cổ truyền (vơ vét, đàn áp, chia để trị). Giai cấp phong kiến trong từng nước đã đầu hàng, làm tay sai cho thực dân. Cuộc đấu tranh của nhân dân chống xâm lược, giải phóng dân tộc nổ ra ở tất cả các nước, với mức độ mạnh yếu khác nhau.

Inđônêxia, một thuộc địa sớm nhất của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á, bị bóc lột thậm tệ. Phong trào yêu nước liên tục bùng nổ. Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, nhiều tổ chức yêu nước của trí thức tư sản tiến bộ ra đời, lôi cuốn nhân dân tham gia. Từ sau 1905, nhiều tổ chức công đoàn được thành lập và bước đầu truyền bá chủ nghĩa Mác vào Inđônêxia. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Inđônêxia lần lượt bị đàn áp song không thể bị dập tắt.

Ở *Philippin*, cuộc đấu tranh chống bọn thực dân Tây Ban Nha xâm lược kéo dài. Cuối thế kỉ XIX, cách mạng 1896 – 1898 bùng nổ. Nước Cộng hòa Philippin được độc lập tuyên bố thành lập. Núp dưới danh nghĩa "giúp đỡ" nhân dân Philippin, đế quốc Mĩ gây chiến với Tây Ban Nha và cướp lấy Philippin. Nhân dân Philippin anh dũng kháng chiến chống Mĩ song bị thất bại. Phong trào giải phóng dân tộc tạm lắng một thời gian.

Ở bán đảo Đông Dương, cuộc đấu tranh chống Pháp của nhân dân Việt Nam, Campuchia, Lào nổ ra mạnh mẽ.

Ở *Việt Nam* phong trào Cần vương thất bại, song cuộc đấu tranh chống Pháp của nhân dân vẫn phát triển, tiêu biểu là phong trào nông dân Yên Thế. Vào đầu thế kỉ XX, do những biến chuyển sâu sắc trong xã hội mà phong trào vận động cách mạng ở nước ta mang màu sắc mới.

thuongmaitr

Ở Campuchia, ngay sau khi vua Nôrôđôm kí hiệp ước thừa nhận nền đô hộ của Pháp (1863), nhiều cuộc khởi nghĩa của nhân dân nổ ra. Cuộc khởi nghĩa lớn do Acha Xoa lãnh đạo lan rộng ở Takeo và Campôt (1864 – 1865). Tiếp sau, cuộc khởi nghĩa dưới sự chỉ huy của nhà sư Pucômbô dấy lên ở Craché (1866 – 1878). Năm 1884, một hiệp ước mới xóa bỏ hoàn toàn chủ quyền độc lập của Campuchia, làm cho phong trào đấu tranh chống Pháp càng mạnh mẽ. Cuộc khởi nghĩa do hoàng thân Xivôtha lãnh đạo (1885 – 1895) gây cho Pháp nhiều thiệt hại nặng. Vào đầu thế kỉ XX, một cao trào chống thuế, chống bắt lính và bắt phu lan rộng khắp Campuchia.

Sau khi đánh chiếm Việt Nam và Campuchia, thực dân Pháp đem quân thôn tính *Lào*, lúc bấy giờ thuộc phạm vi ảnh hưởng của Xiêm. Năm 1893, Pháp cho hai tàu chiến đến Băngcôc gây sức ép buộc triều đình Xiêm kí hiệp ước thừa nhận nền đô hộ của Pháp ở Lào. Nhân dân Lào nổi dậy đấu tranh chống Pháp. Từ đầu thế kỉ XX, nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra. Nổi tiếng là cuộc khởi nghĩa của nhân dân Xavanakhet, do Phacađuôc lãnh đạo, năm 1901. Cũng năm đó, nhân dân cao nguyên Bôlôven đứng lên đánh Pháp, kéo dài mãi tới năm 1907. Đế quốc Pháp dùng nhiều biện pháp đàn áp dã man như bao vây không cho vận chuyển muối, lương thực, triệt hạ làng bản, tàn sát hàng loạt nhân dân...

ruongxua.vn

Nhân dân Việt Nam ở Nam Bộ và Tây Nguyên đã đoàn kết, phối hợp chiến đấu với nhân dân Campuchia và Lào chống Pháp. Đây là những biểu hiện bước đầu của liên minh chiến đấu ba dân tộc vì độc lập tự do của mỗi nước.

? – *Lập niên biểu về những sự kiện quan trọng trong phong trào chống thực dân đế quốc ở các nước châu Á.*

3. Ở các nơi khác

Ở *châu Phi* bọn thực dân đế quốc thi hành chính sách diệt chủng, cướp bóc, phân biệt chủng tộc và buôn bán nô lệ da đen. Ngay từ đầu, nhân dân châu Phi đã vùng dậy đấu tranh chống thực dân.

Ở *Ai Cập*, tháng 9–1881, dưới sự lãnh đạo của đại tá Arabi, binh sĩ nổi dậy chống quốc vương Ai Cập thỏa hiệp và đầu hàng đế quốc Anh – Pháp, đòi triệu tập quốc hội, thực hiện cải cách chính trị.

Angiêri trở thành thuộc địa của Pháp từ 1832. Bọn thực dân sang đây sinh cơ lập nghiệp, chiếm những vùng đất đai rộng lớn. Tiếp sau cuộc khởi nghĩa chống Pháp của Apđen Cađe (1832–1847), nhiều cuộc khởi nghĩa lớn nổ ra vào cuối thế kỉ XIX. Đầu thế kỉ XX, giai cấp tư sản dân tộc và giai cấp công nhân ra đời, tham gia công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Ở *Tây Phi* và *Trung Phi*, nhân dân chiến đấu anh dũng và bền bỉ chống thực dân xâm lược dưới sự lãnh đạo của lãnh chúa phong kiến, tù trưởng bộ lạc yêu nước.

Cuối thế kỉ XIX, Anh mở rộng việc xâm lược *Nam Phi*, đến năm 1910 thì thành lập Liên bang Nam Phi, thực hiện ở đây một chính sách phân biệt chủng tộc cực kì tàn bạo.

Ở *Đông Phi*, nhân dân cũng đấu tranh anh dũng chống thực dân xâm lược Anh, Pháp. Ở Xuđan , đã nổ ra một cuộc khởi nghĩa lớn do Mađi lãnh đạo.

Ở Mĩ la tinh, từ cuối thế kỉ XIX, công nhân và nhân dân lao động đã đứng dậy đấu tranh bảo vệ quyền lợi của mình, bãi công, lập các tổ chức công đoàn và các nhóm xã hội chủ nghĩa, nghiên cứu chủ nghĩa Mác.

Vào đầu những năm 70 thế kỉ XIX, ở *Achentina* đã có phân bộ Quốc tế thứ nhất ; rồi các nhóm cách mạng xã hội chủ nghĩa cũng xuất hiện ở Cuba.

Phong trào đấu tranh của nông dân, người Inđian và nô lệ da đen cũng rất mạnh mẽ. Cuộc khởi nghĩa ở *Braxin* đã buộc địa chủ và tư sản thủ tiêu chế độ quân chủ chuyên chế và thành lập nước cộng hòa (1889). Cuộc cách mạng ở Mêhicô (1910–1917) đã lật đổ chế độ phản động trong nước, xác lập nền dân chủ tư sản.

Nhân dân Mĩ la tinh không chỉ chống tư sản và địa chủ trong nước, mà còn chống đế quốc, nhằm giải phóng dân tộc.

Phong trào cách mạng ở các nước Mĩ la tinh không dẫn tới việc giải phóng nhân dân khỏi ách áp bức bóc lột của tư sản và phong kiến trong nước, khỏi sự lệ thuộc vào đế quốc bên ngoài. Song, đây là sự thức tỉnh của các lực lượng cách mạng.

? *1. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước Mĩ la tinh có đặc điểm gì?*

2. Đánh giá khái quát bước đầu của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mĩ la tinh.

Chương IV

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN QUỐC TẾ CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẦU THẾ KỈ XX

Bài 7

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN QUỐC TẾ CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẦU THẾ KỈ XX

Sau khi Công xã Pari thất bại (1871) và Quốc tế thứ nhất giải tán (1876), phong trào công nhân vẫn được duy trì, dẫn đến việc thành lập Quốc tế thứ hai và Cách mạng Nga 1905 – 1907.

I - PHONG TRÀO CÔNG NHÂN ÂU - MĨ

1. Phong trào công nhân Tây Âu và Bắc Mĩ

Chuyển sang giai đoạn độc quyền, chủ nghĩa tư bản tăng cường bóc lột giai cấp công nhân ; mâu thuẫn giai cấp giữa vô sản và tư sản ngày càng gay gắt. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở tất cả các nước đế quốc trở nên mạnh mẽ, có lúc quyết liệt. Giai cấp thống trị một mặt khủng bố và đàn áp phong trào, mặt khác mua chuộc và chia rẽ hàng ngũ công nhân. Ở Đức, thủ tướng Bixmac đưa ra "đạo luật đặc biệt" vào tháng 10–1878, đặt Đảng Xã hội Dân chủ và phong trào công nhân ra ngoài vòng pháp luật. Ở Anh, chủ tư bản điên cuồng chống phá phong trào đấu tranh của công nhân, đóng cửa xưởng, mua chuộc các lãnh tụ công đoàn, đòi các công đoàn phải bồi thường thiệt hại do đình công gây ra. Ở Mĩ, giai cấp tư sản lợi dụng thành phần dân tộc phức tạp trong hàng ngũ công nhân để xúi giục họ chống đối lẫn nhau và tạo ra lớp "công nhân quý tộc" (1) hòng phá hoại nội bộ phong trào công nhân.

Giai cấp công nhân ở các nước đã đấu tranh chống lại mọi thủ đoạn của giai cấp tư sản. Giai cấp vô sản *Đức* đã thu được thắng lợi lớn trong cuộc bầu cử quốc hội năm 1890. Cùng năm này, "đạo luật đặc biệt" bị bãi bỏ, vì giới cầm quyền thấy đàn áp vẫn không dập tắt được phong trào công nhân nên dùng thủ đoạn mua chuộc thay cho biện pháp vũ lực. Ở *Anh*, nhiều cuộc đình công lớn nổ ra, đặc biệt cuộc đấu tranh của công nhân khuân vác Luân Đôn đã buộc chủ phải tăng lương (1889). Ở *Pháp*, trong hai mươi năm cuối thế kỉ XIX có nhiều cuộc biểu

---

(1) Một số ít công nhân có trình độ kĩ thuật, hưởng lương cao, bị mua chuộc và làm tay sai cho tư sản.

uongxua.vn

tình và bãi công của công nhân ; năm 1893 công nhân thu được thắng lợi lớn trong cuộc bầu cử quốc hội (được 50 đại biểu). Công nhân Pháp cũng góp phần quyết định vào việc đánh bại các thế lực phản động định lập lại chế độ quân chủ. *Ở Mĩ,* trong những năm 70 – 90 của thế kỉ XIX, giai cấp vô sản cũng vùng lên đấu tranh mạnh mẽ. Cuộc bãi công ngày 1–5–1886 của 350 000 công nhân Sicagô, đề hưởng ứng cuộc vận động thực hiện chế độ ngày làm 8 giờ, là đỉnh cao của phong trào. Kết quả là 50 000 người được làm 8 giờ, còn số đông thì được giảm giờ. Từ năm 1889, ngày 1–5 được chọn làm ngày *Lao động Quốc tế*.

Sang đầu thế kỉ XX, nhất là sau Cách mạng Nga 1905, phong trào đấu tranh của công nhân các nước càng phát triển mạnh mẽ.

Sự phát triển của phong trào đấu tranh dẫn tới sự thành lập các tổ chức chính trị độc lập của công nhân ở mỗi nước. Năm 1875, *Đảng Xã hội Dân chủ Đức* ra đời. Ở Anh, trong quá trình bãi công, nhiều công đoàn mới được thành lập, khác hẳn những công đoàn cũ của "công nhân quý tộc" : chủ trương bãi công, tham gia đấu tranh chính trị (như đòi pháp luật quy định ngày làm 8 giờ) và bắt đầu chú ý đến vấn đề cải tạo xã hội. Năm 1890, *Ủy ban đại biểu công nhân* ra đời để bênh vực quyền lợi của giai cấp mình (năm 1906, chuyển thành Đảng Công nhân). Ở Pháp, năm 1879 *Đảng Công nhân* thành lập và năm 1905 các tổ chức xã hội chủ nghĩa thống nhất thành *Đảng Xã hội* nhưng đảng này trở thành một đảng cải lương, quyền lãnh đạo nằm trong tay những phần tử cơ hội chủ nghĩa. Ở Mĩ năm 1901 *Đảng Xã hội* được thành lập, nhưng không phải là một chính đảng thực sự cách mạng.

Tuy nhiên, một số xu hướng sai lầm (như phủ nhận đấu tranh giai cấp và chuyên chính cách mạng) đã xuất hiện và phát triển trong phong trào công nhân các nước. Bằng hoạt động lí luận và thực tiễn, C.Mác và Ph.Enghen đã đấu tranh không mệt mỏi chống các quan điểm sai lầm trong phong trào công nhân quốc tế. Tác phẩm "Tư bản" có ý nghĩa lí luận, tư tưởng và chính trị lớn. Hai ông có những đóng góp cụ thể đối với phong trào công nhân một số nước, như phê phán cương lĩnh của Đảng Xã hội Dân chủ Đức, hết sức giúp đỡ đảng này khắc phục dần sai lầm (như đánh giá quá cao đấu tranh nghị trường, phủ nhận chuyên chính cách mạng ...)

? – *Những sự kiện nào chứng tỏ phong trào công nhân thế giới vẫn được duy trì sau thất bại của Công xã Pari ?*

thuongmaitr

2. Quốc tế thứ hai (1889 - 1914)

Sau khi Quốc tế thứ nhất giải tán, phong trào cách mạng ở các nước vẫn phát triển. Trong những năm 70–80 của thế kỉ XIX, các chính đảng công nhân có tính chất quần chúng hoặc các nhóm xã hội chủ nghĩa lần lượt được thành lập ở nhiều nước. Tình hình đó khiến cho việc thành lập một Quốc tế mới thay cho Quốc tế thứ nhất trở nên cấp thiết. Ngày 14–3–1883, C.Mác qua đời. Một mình Ph.Enghen gánh lấy sự nghiệp lãnh đạo phong trào công nhân thế giới, trước hết là chuẩn bị thành lập một tổ chức quốc tế mới.

Ngày *14-7-1889*, kỉ niệm 100 năm ngày phá ngục Baxti trong cuộc Cách mạng Pháp 1789, gần 400 đại biểu công nhân của 22 nước họp đại hội ở Pari, tuyên bố thành lập *Quốc tế thứ hai* – tức Quốc tế Xã hội chủ nghĩa sau này. Đại hội nhất trí thông qua nghị quyết về sự cần thiết phải tăng cường phong trào công nhân có tính chất quần chúng ; phải thành lập chính đảng của giai cấp vô sản ở mỗi nước ; đấu tranh giành chính quyền ; đòi ngày làm 8 giờ và hằng năm lấy ngày 1–5 làm ngày đoàn kết và biểu dương lực lượng của giai cấp vô sản thế giới ; đòi tăng lương và bỏ chế độ trả công bằng hiện vật...

Cũng như Quốc tế thứ nhất, Quốc tế thứ hai tồn tại và hoạt động chủ yếu dưới hình thức những đại hội. Các đại hội đã thông qua một số nghị quyết đúng đắn (như lên án chính sách xâm lược của các nước đế quốc, kêu gọi chống chủ nghĩa quân phiệt...). Dưới sự lãnh đạo của Ph.Enghen, Quốc tế có những đóng góp quan trọng vào việc phát triển phong trào công nhân thế giới cuối thế kỉ XIX, vào việc thành lập các chính đảng vô sản ở các nước.

Trong Quốc tế thứ hai cũng diễn ra một cuộc đấu tranh gay gắt giữa khuynh hướng cách mạng và khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa trên những vấn đề cơ bản như vấn đề thuộc địa, vấn đề chiến tranh...

Những người cách mạng, như V.I.Lênin, kiên quyết lên án chính sách xâm lược thuộc địa và chiến tranh đế quốc.

Quốc tế thứ hai đi dần đến chỗ phân hóa khi Chiến tranh thế giới bùng nổ vào năm 1914. Các đảng của Quốc tế thứ hai (trừ Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga -thành lập năm 1898), ủng hộ các chính phủ tư sản đế quốc gây ra chiến tranh, dưới khẩu hiệu lừa bịp "bảo vệ Tổ quốc".

? *1. Những điều kiện lịch sử thành lập Quốc tế thứ hai ?*

2. Cuộc đấu tranh chống khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa trong Quốc tế thứ hai diễn ra như thế nào ?

II - PHONG TRÀO CÔNG NHÂN NGA ĐẦU THẾ KỈ XX - CÁCH MẠNG 1905

1. Sự thành lập đảng vô sản kiểu mới ở Nga

Sau cuộc cải cách nông nô (1861), nước Nga phong kiến đi lên con đường phát triển tư bản chủ nghĩa. Tuy có nhiều hạn chế vì sự tồn tại chế độ phong kiến, đầu thế kỉ XX chủ nghĩa tư bản Nga cũng chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

Nga là nước đế quốc phát triển chậm hơn các nước tư bản tiên tiến như Anh, Pháp, Mĩ. Song, công nghiệp Nga cũng có những bước tiến nhanh chóng. Do đó, số lượng công nhân tăng nhiều mà mức độ tập trung cao. Đầu thế kỉ XX, số lượng công nhân chuyên nghiệp gần 3,1 triệu người, và 50% tổng số công nhân làm việc trong các nhà máy lớn trên 2 000 thợ. Do sự bóc lột tư bản chủ nghĩa và những tàn tích phong kiến trong đời sống kinh tế và chính trị, giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc trong đế quốc Nga bị áp bức bóc lột tàn khốc. Công nhân Nga phải làm việc một ngày không dưới 14 giờ, có khi 16 giờ, tiền công ít ỏi, nhà ở chật chội. Họ không có một quyền lợi chính trị nào, không được pháp luật bảo vệ.

Vì vậy, mặc dù mới ra đời, công nhân Nga sớm có tinh thần đấu tranh cách mạng. Những cuộc bãi công và biểu tình đòi tăng lương, chống cúp phạt liên tiếp nổ ra. Những tổ chức đầu tiên của công nhân được thành lập tương đối sớm như "Hội Liên hiệp công nhân miền Nam nước Nga" (1875), "Hội Liên hiệp công nhân miền Bắc nước Nga" (1878).

Năm 1883, Plêkhanôp (người mác-xít Nga đầu tiên) đã tìm cách truyền bá chủ nghĩa Mác vào nước Nga. Nhưng, trên thực tế, chủ nghĩa Mác chưa thâm nhập được vào phong trào công nhân Nga.

V.I.Lênin (1), lãnh tụ vĩ đại của giai cấp vô sản Nga, đã thực hiện nhiệm vụ lịch sử kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân. Năm 1903, tại đại hội của Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga, đa số đại biểu tán thành đường lối cách mạng của Lênin (được gọi là những người Bônsêvich), còn một thiểu số thì theo khuynh hướng cơ hội (được gọi là những người Mensêvich) chống lại Lênin.

---

(1) Vlađimia Ilich Ulianôp tức Lênin sinh ngày 22–4–1870 trong một gia đình nhà giáo tiến bộ. Lênin đã tham gia phong trào cách mạng từ hồi còn là học sinh. Năm 1893, Lênin đến thủ đô Pêtecbua, và trở thành người cầm đầu nhóm công nhân mác–xít ở đây. Sau khi bị bắt và đày đi Xibia, sống ở nước ngoài một thời gian, đầu thế kỉ XX Lênin thành lập đảng kiểu mới của giai cấp vô sản Nga.

ruongxua.vn

Hình 6– V.I. Lênin

Thắng lợi của Lênin tại đại hội này đánh dấu thắng lợi của khuynh hướng cách mạng trong phong trào công nhân Nga, cũng như trong phong trào công nhân và cộng sản quốc tế. Khác với các Đảng Xã hội châu Âu trong Quốc tế thứ hai, Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga kiên quyết đấu tranh lật đổ chính quyền tư sản, thiết lập chuyên chính vô sản. Đây là đảng vô sản kiểu mới đầu tiên trên thế giới.

? – *Vai trò của V.I. Lênin trong phong trào công nhân ?*

2. Cuộc cách mạng Nga 1905-1907

Nhân dân Nga ngày càng căm ghét chế độ Nga hoàng, đại diện cho những thế lực phong kiến còn tồn tại. Nga hoàng lại còn đẩy nước Nga vào một cuộc chiến tranh với Nhật (1904 – 1905) để tranh giành thuộc địa, làm cho nhân dân càng thêm khổ cực và mâu thuẫn xã hội càng thêm quyết liệt.

Từ cuối năm 1904, nhiều cuộc bãi công và biểu tình đã nổ ra với khẩu hiệu "Đả đảo chuyên chế !", "Đả đảo chiến tranh !" "Ngày làm 8 giờ !". Tuy nhiên, do bị lừa gạt, nhiều người vẫn còn tin ở lòng tốt của Nga hoàng.

Ngày chủ nhật 9 – 1 – 1905, 140000 công nhân Pêtecbua cùng với gia đình không mang vũ khí, đi theo một thầy tu, trật tự kéo đến Cung điện Mùa đông (cung của Nga hoàng) đưa đơn thỉnh nguyện. Cuộc biểu tình hòa bình của công nhân bị Nga hoàng đàn áp dã man : hơn 1 200 người bị giết và hơn 5000 người bị thương. Ngày "Chủ nhật đẫm máu" đã làm tiêu tan mọi tin tưởng ngây thơ của nhân dân đối với Nga hoàng. Các chiến lũy lập tức được dựng lên ở thành phố. Cách mạng bùng nổ trong cả nước, lôi cuốn cả nông dân. Lênin gọi ngày 9– 1 là khởi đầu cách mạng. Để kịp thời lãnh đạo cách mạng, Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga thông qua luận cương cách mạng của Lênin. Luận cương nêu rõ nhiệm vụ của giai cấp công nhân Nga là lãnh đạo cuộc cách mạng dân chủ tư sản, thực hiện liên minh công nông, đánh đổ ách thống trị của Nga hoàng, sau đó tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

thuongmaitr

Mùa hè 1905, phong trào cách mạng tiếp tục dâng cao, từ công nhân và nông dân lan sang quân đội ; tháng 6–1905, thủy thủ trên thiết giáp hạm Pôtemkin khởi nghĩa. Mùa thu 1905, phong trào cách mạng tiến dần đến đỉnh cao, mở đầu là cuộc bãi công của công nhân nhà in Matxcơva (9–1905). Tháng 10, bãi công chính trị quần chúng lan nhanh cả nước, lôi cuốn các tầng lớp nhân dân và các dân tộc. Tháng 10 và 11 các xô viết (có nghĩa là ủy ban) đại biểu công nhân, mầm mống của chính quyền vô sản, được thành lập ở Pêtecbua và nhiều thành phố khác.

Cách mạng đạt đến đỉnh cao với *cuộc khởi nghĩa vũ trang* tháng 12–1905 ở Matxcơva, kéo dài gần hai tuần lễ. Cuộc khởi nghĩa cuối cùng thất bại, vì lực lượng so sánh quá chênh lệch. Phong trào cách mạng xuống dần và đến 1907 thì kết thúc.

Cách mạng 1905–1907 mang tính chất tư sản dân chủ, nhưng là cuộc cách mạng tư sản đầu tiên do giai cấp vô sản lãnh đạo trong thời đại đế quốc chủ nghĩa.

Cách mạng 1905–1907 thất bại là vì : – liên minh công nông chưa vững chắc ; – quân đội chưa ngả hẳn về phía cách mạng ; – sự hoạt động chia rẽ của những người Mensêvich làm cho Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga thiếu sự thống nhất, làm yếu sự lãnh đạo của giai cấp công nhân ; – các nước đế quốc Tây Âu giúp Nga hoàng đàn áp cách mạng, vì chúng sợ ảnh hưởng của cách mạng Nga lan ra khắp nơi.

Tuy thất bại, Cách mạng 1905–1907 đã giáng một đòn nặng nề vào chế độ Nga hoàng, thức tỉnh hàng triệu nhân dân lao động, để lại nhiều bài học đấu tranh quý báu (về tổng bãi công chính trị, khởi nghĩa vũ trang, thành lập xô viết) và khẳng định sự lãnh đạo của đảng của giai cấp công nhân là điều kiện quyết định thắng lợi của cách mạng.

Cách mạng 1905–1907 còn góp phần thúc đẩy phong trào đấu tranh của công nhân nhiều nước Âu–Mĩ, thức tỉnh nhân dân phương Đông chống phong kiến và đế quốc thực dân.

? *1. Nguyên nhân bùng nổ Cách mạng 1905–1907 ?*

2. Lập bảng so sánh cuộc Cách mạng Nga 1905–1907 với các cuộc cách mạng tư sản đã học (về động lực, lãnh đạo, mục đích, kết quả).

3. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng Nga 1905–1907 ?

ruongxua.vn

Chương V

QUAN HỆ QUỐC TẾ VÀ CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914-1918)

Bài 8

QUAN HỆ QUỐC TẾ VÀ CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 - 1918)

1. Quan hệ quốc tế trước chiến tranh

Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, sự phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản đang chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa phát huy tác dụng của nó một cách mạnh mẽ, và làm thay đổi so

sánh lực lượng giữa các nước đế quốc. Cũng vào cuối thế kỉ XIX, hầu hết đất đai trên thế giới đã bị các nước tư bản phát triển sớm cướp đoạt, từ đây nầy sinh cuộc đấu tranh gay gắt đề chia lại thế giới. Những điều này làm cho mâu thuẫn giữa các nước đế quốc trở nên vô cùng gay gắt. Sự ra đời và tiến lên chủ nghĩa đế quốc của nước Đức thống nhất làm thay đồi quan hệ quốc tế ở châu Âu. Đức có thế lực kinh tế mạnh nhất châu Âu nhưng thuộc địa thì quá ít, nên đòi chia lại thế giới. Thái độ hung hãn của nước Đức trở thành đầu mối của mọi mâu thuẫn, mọi sự tranh chấp phức tạp và căng thẳng giữa các nước đế quốc với nhau.

Do những mâu thuẫn và tranh chấp này, các nước đế quốc tập hợp thành hai khối quân sự kình địch nhau ở châu Âu : khối *Liên minh* (thành lập năm 1882) gồm Đức, Áo – Hung và Italia[1], và khối *Hiệp ước* (thành lập năm 1907) gồm Anh, Pháp và Nga (trên thực tế, khối này do Anh cầm đầu). Hai khối ráo riết chạy đua vũ trang và tích cực chuẩn bị chiến tranh thế giới.

Trước khi Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ, buổi đầu của giai đoạn đế quốc chủ nghĩa đã gắn liền với bốn cuộc chiến tranh : chiến tranh Mĩ – Tây Ban Nha (1898), dẫn đến việc Mĩ chiếm đoạt Cuba và Philippin của Tây Ban Nha ; chiến tranh Anh – Bôơ[2] (1899-1902), Anh thôn tính hai quốc gia của người Bôơ, sáp nhập vào Nam Phi ; cuộc can thiệp vũ trang vào Trung Quốc của liên quân tám nước đế quốc (1900) nhằm đàn áp phong trào Nghĩa hòa đoàn ; chiến tranh Nga-Nhật (1904-1905). Đây là những cuộc chiến tranh đế quốc nhằm hoàn thành hẳn việc phân chia và bước đầu chia lại thế giới.

Năm 1904, sau khi Anh và Pháp kí kết hiệp ước, mâu thuẫn giữa các nước đế quốc trở thành sự kình địch giữa hai khối quân sự và chính trị đối lập, giữa hai tập đoàn tư bản lớn ở châu Âu. Sự kình địch đã được biểu hiện ở một loạt tranh chấp dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ nhất.

? *Nguyên nhân hình thành hai khối quân sự ở châu Âu ?*

---

(1) Đầu thế kỉ XX, Italia rút ra khỏi khối này.

(2) Bôơ là con cháu của thực dân châu Âu đầu tiên đến Nam Phi, chủ yếu là người Hà Lan. Năm 1838, người Bôơ chiếm hầu hết đất của người Dube – thổ dân da đen và lập hai nước cộng hòa của người Bôơ.

2. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914- 1918)

Sự kình địch giữa hai khối quân sự đối lập nhằm chia lại mặt địa cầu đã làm cho chiến tranh thế giới nổ ra, vì cả hai khối – khối Liên minh và khối Hiệp ước – đều mong muốn thanh toán địch thủ của mình để làm bá chủ thế giới. Gây ra chiến tranh, các cường quốc đế quốc còn nhằm lợi dụng tình hình chiến tranh để tăng cường đàn áp phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc.

Từ 1912–1913, ở bán đảo Bancăng tình hình đã trở nên căng thẳng. Ngày 28-6-1914, hoàng thân thừa kế ngôi vua Áo–Hung bị một phần tử khủng bố ở Xecbi ám sát (Xecbi là nước được khối Hiệp ước ủng hộ). Bọn quân phiệt Đức và Áo chớp lấy cơ hội này để gây ra chiến tranh, vì tính rằng gây chiến lúc bấy giờ có lợi hơn là chờ vài năm nữa, khi Anh và Pháp đã chuẩn bị xong xuôi.

Ngày 28–7–1914, Áo–Hung đánh chiếm Xecbi, châm ngòi cho chiến tranh. Ngày 1–8, Đức tuyên chiến với Nga ; ngày 3–8 Đức tuyên chiến với Pháp. Ngày 4–8 Anh tuyên chiến với Đức.

Chiến tranh bùng nổ và nhanh chóng trở thành chiến tranh thế giới.

ruongxua.vn

Lúc đầu, chỉ có 5 cường quốc châu Âu tham chiến ; dần dần 38 nước trên thế giới và nhiều thuộc địa của các đế quốc bị lôi cuốn vào trong vòng khói lửa. Chiến sự diễn ra ở nhiều nơi trên nhiều lục địa, biển và đại dương, song chiến trường chính vẫn là châu Âu.

Cuộc Chiến tranh thế giới 1914–1918 đối với cả hai bên tham chiến là một cuộc *chiến tranh đế quốc, xâm lược, phi nghĩa.* Các nước đế quốc chủ yếu là Đức và Anh là thủ phạm gây ra cuộc chiến tranh này.

Khi chiến tranh nổ ra, lãnh tụ các Đảng Xã hội Dân chủ Tây Âu trong Quốc tế thứ hai ủng hộ giai cấp tư sản nước mình, phản bội quyền lợi của giai cấp công nhân. Riêng Đảng Bônsêvich Nga do Lênin lãnh đạo đã đấu tranh chống chiến tranh đế quốc.

Chiến tranh thế giới thứ nhất có thể chia làm hai giai đoạn : 1914 – 1916 và 1917 – 1918. Trong giai đoạn đầu, nói chung ưu thế thuộc về phe Đức – Áo ; trong giai đoạn thứ hai, ưu thế chuyển sang phe Hiệp ước.

Khởi đầu, Đức dùng "Kế hoạch chớp nhoáng" đánh chiếm Bỉ (một nước trung lập), rồi ồ ạt tấn công vào Pháp, uy hiếp Pari ; quân Pháp có nguy cơ bị tiêu diệt. Nhưng lúc đó, ở mặt trận Đông Âu, quân Nga tấn công vào Đông Phổ,

buộc Đức rút bớt quân ở mặt trận Tây Âu, cứu nguy cho Pari. Nhờ đó, Anh Pháp chuyển sang phản công. "Kế hoạch chớp nhoáng" của Đức thất bại.

Đến cuối năm 1914, ở mặt trận phía tây, chiến sự tạm lắng. Quân hai bên rút xuống chiến hào và cầm cự dai dẳng. Đức chiếm được Bỉ và 10 quận giàu có ở Đông Bắc Pháp.

Năm 1915, Đức dồn lực lượng sang mặt trận phía đông, cùng với quân Áo – Hung tấn công quyết liệt Nga, hòng buộc Nga kí hòa ước riêng lẻ với mình. Quân Nga chiến đấu mạnh mẽ làm thất bại kế hoạch của Đức và đến cuối năm 1915 quân hai bên ở vào thế cầm cự trên một mặt trận dài 1200km.

Năm 1916, Đức lại quay sang hoạt động mạnh ở mặt trận Tây Âu, tấn công pháo đài Vecđoong của Pháp. Chiến dịch kết thúc bằng thất bại của Đức. Chiến dịch này làm cho cả hai bên tổn thất nặng nề : 950000 người bị giết, bị thương và bị bắt.

Từ cuối năm 1916 trở đi, Đức và Áo–Hung từ thế chủ động chuyển sang phòng ngự ở cả hai mặt trận Đông và Tây.

Trong mấy năm đầu chiến tranh, bọn tư bản lái súng thu lãi lớn, còn nhân dân lao động thì chịu bao tai họa. Chỉ mới hơn hai năm chiến tranh, đã có gần 6 triệu người chết và 10 triệu người bị thương. Vì vậy, phong trào phản đối chiến tranh và chống bóc lột đàn áp lan rộng ở các nước đế quốc. Đến cuối năm 1916, tình thế cách mạng đã xuất hiện ở nhiều nước châu Âu. Lênin và những người Bônsêvích Nga kêu gọi giai cấp công nhân Nga và các nước "biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng".

Tháng 2–1917, cách mạng dân chủ tư sản Nga lần thứ hai thành công. Chế độ Nga hoàng bị lật đổ, nhưng Chính phủ lâm thời tư sản chủ trương tiếp tục chiến tranh đế quốc. Cách mạng ảnh hưởng mạnh mẽ đến phong trào đấu tranh chống chiến tranh, đòi độc lập ở các nước tư bản, thuộc địa và phụ thuộc.

Từ 1917, chiến tranh chuyển sang giai đoạn thứ hai và ưu thế chuyển hẳn sang phe Hiệp ước.

Trong những năm đầu, Mĩ chỉ bán vũ khí cho cả hai bên để thu lợi. Qua giai đoạn sau, nhìn rõ Đức sẽ thất bại, Mĩ nhảy vào vòng chiến (4–1917) bên cạnh phe Hiệp ước để chia phần sau chiến tranh. Các nước phe Hiệp ước tìm cách thắng nhanh.

Từ mùa xuân 1917, chiến sự chủ yếu diễn ra ở mặt trận Tây Âu. Nhưng ở mặt trận Đông, quân Nga liên tiếp thất bại, và Anh – Pháp cũng không đè bẹp được ngay Đức.

Ngày 7-11-1917, Cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi ở Nga. Nhà nước xô viết kí hòa ước với Đức (3-1918) và rút khỏi chiến tranh. Đức cố gắng mở cuộc phản công lớn ở Tây Âu, mong giành thắng lợi trước khi quân Mĩ đến Pháp tham chiến. Nhưng Đức không đạt được mục đích.

Tháng 7-1918, quân Anh-Pháp bắt đầu phản công, và đến tháng 9-1918, quân Anh - Pháp - Mĩ tổng tấn công ở khắp mặt trận. Các đồng minh của Đức lần lượt đầu hàng.

Ngày 9-11-1918, cách mạng bùng nổ ở Đức, lật đổ nền quân chủ và thành lập chế độ cộng hòa.

Ngày 11-11-1918, chính phủ mới ở Đức đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc với sự thất bại hoàn toàn của phe Đức, Áo - Hung.

Hòa ước Vecxai được kí kết ngày 28-6-1919. Các nước bại trận phải chịu những điều khoản rất nặng nề. Bọn đế quốc ở các nước thắng trận thu nhiều món lợi lớn.

uongxua.vn

Hình 7– Bản đồ chính trị châu Âu 1919

Chiến tranh đã gây nhiều tai họa cho nhận loại : 10 triệu người chết, trên 20 triệu người bị thương. Nhiều thành phố, làng mạc, đường sá, cầu cống, nhà máy bị phá hủy. Số tiền các nước tham chiến chi phí cho chiến tranh lên tới khoảng 85 tỉ đôla. Trong quá trình chiến tranh, phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc không ngừng phát triển, nổi bật là thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga.

Cách mạng tháng Mười Nga và Chiến tranh thế giới thứ nhất chấm dứt đã kết thúc thời cận đại, mở ra một kỉ nguyên mới trong lịch sử loài người.

? *1. Lập niên biểu diễn biến của chiến tranh.*

2. Trình bày diễn biến chiến sự trên bản đồ.

3. Nguyên nhân, tính chất và kết cục của Chiến tranh thế giới thứ nhất?

Bài 9

thuongmaitr

TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

Lịch sử thế giới cận đại mở đầu với cuộc Cách mạng tư sản Anh giữa thế kỉ XVII, và kết thúc với cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914–1918) và Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga 1917.

Gần 300 năm lịch sử của chủ nghĩa tư bản chia làm hai thời kì lớn : thời kì chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do (1640 – 1870) và thời kì chủ nghĩa tư bản độc quyền hay chủ nghĩa đế quốc (1871–1918).

Nội dung cơ bản của lịch sử cận đại bao gồm các vấn đề :

– Sự thắng lợi và phát triển của chủ nghĩa tư bản ;

– Sự phát triển của phong trào công nhân quốc tế ;

– Sự xâm lược của chủ nghĩa tư bản và phong trào đấu tranh của các dân tộc chống chủ nghĩa thực dân.

Thời kì thứ hai của Lịch sử thế giới cận đại có mốc mở đầu là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới : Công xã Pari năm 1871.

Ba mươi năm cuối của thế kỉ XIX là một thời kì phát triển nhanh chóng và sôi động của chủ nghĩa tư bản. Đây là thời kì chủ nghĩa tư bản "tự do" dần dần chuyển sang chủ nghĩa tư bản độc quyền tức chủ nghĩa đế quốc. Bước sang đầu thế kỉ XX, chủ nghĩa đế quốc hình thành hẳn ở những nước tư bản tiên tiến châu Âu, châu Mĩ và châu Á, với những đặc điểm chính : – các công ti độc quyền chi phối toàn bộ đời sống kinh tế của các nước ; – thế lực vạn năng của tư bản tài chính ; – các cường quốc hoàn thành phân chia lãnh thổ thế giới và mưu toan của những nước đế quốc ít thuộc địa đòi chia lại mặt địa cầu.

Các tổ chức độc quyền và bọn tài phiệt chi phối toàn bộ đời sống kinh tế, chính trị ở Đức, Anh, Pháp, Nga, Mĩ, Nhật..., và phát huy ảnh hưởng của chúng ra toàn thế giới.

Trong thời kì tiến lên chủ nghĩa đế quốc, giai cấp tư sản tăng cường bóc lột giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong nước, đẩy mạnh việc xâm lược và bóc lột các thuộc địa.

Những điều trên, cùng với sự phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản, dẫn đến hậu quả là :

– Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc ngày càng gay gắt, đưa đến sự thành lập những khối quân sự – chính trị đối lập, đưa đến chiến tranh để chia lại thị trường thế giới (cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất chứng minh rõ điều này).

– Mâu thuẫn giữa tư bản và lao động trở nên sâu sắc thêm, phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản ngày càng có tính chất quần chúng và tự giác. Cách mạng vô sản có điều kiện để giành thắng lợi.

– Phong trào giải phóng dân tộc bùng lên mạnh mẽ ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, nhất là từ sau Cách mạng Nga 1905–1907.

Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, những mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản phát triển cao độ và đòi hỏi phải được giải quyết.

Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914–1918) và Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 là cách giải quyết những mâu thuẫn trên, mở ra một kỉ nguyên mới của lịch sử loài người.

? *1. Nội dung cơ bản của Lịch sử thế giới cận đại ?*

2. Nội dung cơ bản của thời kì thứ hai của Lịch sử thế giới cận đại ?

3. Những mâu thuẫn cơ bản của thời kì thứ hai của Lịch sử thế giới cận đại là gì ?

4. Mốc kết thúc thời kì Lịch sử thế giới cận đại ?

xuongxua.vn

PHẦN HAI

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ 1917 ĐẾN 1945

Chương I

CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA THÁNG MƯỜI NGA

Bài 10

CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA THÁNG MƯỜI NGA

I - NHỮNG TIỀN ĐỀ CỦA CÁCH MẠNG - CÁCH MẠNG DÂN CHỦ TƯ SẢN THÁNG HAI NĂM 1917

1. Những tiền đề của cách mạng

Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, ở Nga, chủ nghĩa tư bản phát triển rất nhanh chóng. Sự phát triển nhanh chóng này do nhiều nguyên nhân, trong đó chính sách khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư vào Nga của chính phủ Nga hoàng đóng một vai trò quan trọng.

Tư bản Anh, Pháp, Đức... đầu tư mạnh mẽ vào nước Nga, riêng tư bản Pháp đầu tư tới hơn 5 tỉ rúp. Nhiều ngành công nghiệp quan trọng phát triển nhanh: luyện kim, khai khoáng, cơ khí, dầu lửa, dệt và đường sắt (chỉ trong 10 năm cuối thế kỉ XIX, xây dựng thêm 22000 kilômét). Nhiều công ti độc quyền xuất hiện. Sang đầu thế kỉ XX, ở Nga đã có 150 công ti độc quyền thao túng chặt chẽ mọi ngành kinh tế quốc dân, đã hình thành những tập đoàn tư bản tài chính trên cơ sở kết hợp tư bản ngân hàng và tư bản công nghiệp, như tập đoàn tư bản tài chính "Ngân hàng Nga – Á" khống chế nhiều ngành công nghiệp và nắm 1/5 tổng số vốn của các ngân hàng ở Nga.

Những đặc điểm trên đây chứng tỏ : đầu thế kỉ XX, ở Nga, chủ nghĩa tư bản đã phát triển sang giai đoạn tư bản độc quyền hay *chủ nghĩa đế quốc*. Chủ nghĩa đế quốc đã tạo ra những tiền đề kinh tế và

thuongmaitr

chính trị dẫn đến cách mạng xã hội chủ nghĩa bùng nổ và thắng lợi đầu tiên ở đế quốc Nga. Nhưng mặt khác, ở Nga vẫn tồn tại quan hệ sản xuất phong kiến với nền nông nghiệp lạc hậu và tuyệt đại bộ phận ruộng đất nằm trong tay địa chủ phong kiến.

Dưới chế độ quân chủ chuyên chế Nga hoàng – chế độ *đế quốc phong kiến quân phiệt* – nhân dân lao động Nga và hơn 100 dân tộc khác trong đế quốc Nga phải chịu nhiều tầng áp bức bóc lột : áp bức bóc lột theo kiểu phong kiến; áp bức bóc lột theo kiểu tư bản ; áp bức bóc lột theo kiểu thuộc địa. Đế quốc Nga là "nhà tù của các dân tộc". Nước Nga lúc này trở thành *nơi tập trung cao độ các mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc.*

Năm 1914, Nga hoàng đẩy nhân dân Nga vào cuộc chiến tranh đế quốc, gây nên những hậu quả nghiêm trọng cho đất nước : kinh tế suy sụp, bộ đội thiếu vũ khí đạn dược, liên tiếp bị thua trận, mất đất ; quần chúng nhân dân bất mãn nổi dậy đấu tranh chống chế độ, chống chiến tranh ở khắp mọi nơi ; triều đình Nga hoàng trở nên thối nát, bất lực. Nước Nga đã thực sự trở thành *khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền đế quốc chủ nghĩa* mà cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể "chọc thủng".

Ngay khi chiến tranh thế giới bùng nổ, Lênin và Đảng Bônsêvich Nga đã vạch rõ tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh đế quốc và lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng lật đổ chế độ phong kiến Nga hoàng.

| ? | – *Thế nào là tiền đề của cách mạng ? Những tiền đề dẫn tới cách mạng bùng nổ và thắng lợi ở Nga năm 1917 là những gì ?*

2. Cách mạng tháng Hai - cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới

Đầu năm 1917, nước Nga lâm vào một cuộc khủng hoảng trầm trọng. Quần chúng nhân dân tin rằng lúc này chỉ có một lối thoát : lật đổ chế độ Nga hoàng. *Tình thế cách mạng đã chín muồi.*

Ngày 18–2 (3–3)[1] 30 000 công nhân đình công ở nhà máy Putilôp, nhà máy lớn nhất nước Nga lúc này. Chủ xưởng quyết định đóng cửa nhà máy. Đình công lan rộng. Tình hình thủ đô Pêtơrôgrat căng thẳng.

Ngày 23–2 (8–3), nhân ngày Phụ nữ quốc tế, hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng Bônsêvich, 9 vạn nữ công nhân ở 50 xí nghiệp của thủ đô đã xuống đường biểu tình, sau đó chuyển sang bãi công. Hôm sau, cuộc đấu tranh của nữ công nhân

---

(1) Ở Nga, trước tháng 3–1918, dùng lịch cũ, so với lịch sử dụng hiện nay chậm hơn 13 ngày. Sách giáo khoa ghi những sự kiện trước năm 1918 theo lịch Nga cũ, có ghi chú thêm phần tính theo lịch hiện dùng.

đã lôi cuốn thêm 20 vạn công nhân tham gia bãi công. Đến ngày thứ ba thì công nhân toàn thành phố đã bãi công, sau đó chuyển thành tổng bãi công chính trị chống chế độ Nga hoàng.

Ngày 26–2 (11–3), dưới sự lãnh đạo của Đảng Bônsêvich, công nhân chuyển tổng bãi công chính trị thành khởi nghĩa vũ trang. Ngày 27–2 (12–3) cuộc khởi nghĩa lan ra khắp thành phố. Chính phủ huy động 60 000 lính đến cùng với cảnh sát đàn áp phong trào. Binh lính được nhân dân vận động, lôi kéo, đã bắn vào cảnh sát và đi theo cách mạng. Công nhân và binh lính khởi nghĩa chiếm các công sở, bắt các bộ trưởng và tướng tá của triều đình Nga hoàng. *Chế độ quân chủ chuyên chế Nga hoàng đến đây sụp đổ.*

Trong hai ngày 26 và 27, theo lời kêu gọi của Đảng Bônsêvich, tại các nhà máy, công xưởng và các đơn vị quân đội, các Xô viết đại biểu công nhân và Xô viết đại biểu binh lính đã được bầu ra để lãnh đạo cuộc khởi nghĩa. Chiều ngày 27–2 (12–3), hội nghị các Xô viết đại biểu công nhân và xô viết đại biểu binh lính toàn Pêtơrôgrat đã họp và bầu ra một cơ quan lãnh đạo thống nhất : *Xô viết đại biểu công nhân và binh lính Pêtơrôgrat*. Những ngày đầu sau khi Chính phủ Nga hoàng sụp đổ, Xô viết đại biểu công nhân và binh lính Pêtơrôgrat đã đứng ra điều hành mọi công việc đúng như chức năng của một chính quyền nhà nước.

Nhưng cùng lúc ấy, giai cấp tư sản cũng ra sức vận động để nắm chính quyền. Được những người Mensêvích và Xã hội – Cách mạng trong Xô viết Pêtơrôgrat ủng hộ, ngày 2–3 (15–3), họ đứng ra thành lập một chính phủ lâm thời gồm những đại tư sản và đại địa chủ tư sản hóa, do huân tước Lơvôp làm thủ tướng. Như thế, xuất hiện cục diện hai chính quyền song song tồn tại : chính quyền của giai cấp tư sản tức *Chính phủ lâm thời* ; chính quyền của giai cấp công nhân và nông dân tức là *các xô viết*.

Cuộc Cách mạng tháng Hai ở Nga, tuy cũng làm nhiệm vụ đánh đổ chế độ phong kiến quân chủ và thực hiện những cải cách dân chủ, nhưng nó mang những nét khác biệt : 1 – Giữ vai trò lãnh đạo cách mạng là giai cấp vô sản chứ không phải giai cấp tư sản ; 2 – Động lực chính của cách mạng là công nhân và nông dân (liên minh công nông) ; 3 – Chính quyền được thành lập sau cách mạng không phải là nền chuyên chính của giai cấp tư sản mà là nền chuyên chính của hai giai cấp cách mạng – công

nhân và nông dân (chuyên chính công nông) ; 4 – Hướng phát triển của cách mạng là tiến lên chủ nghĩa xã hội chứ không chỉ dừng lại ở chủ nghĩa tư bản. Người ta thường gọi đó là *cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.*

? – *Cuộc Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga có những nét khác biệt gì so với các cuộc cách mạng dân chủ tư sản ở các nước phương Tây thời kì cận đại ?*

3. Cách mạng chuyển từ dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa

Tối 3-4 (16-4), Lênin từ Thụy Sĩ trở về Pêtơrôgrat. Lênin vạch rõ nhiệm vụ chủ yếu lúc này là *chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa,* chủ trương "tuyệt đối không ủng hộ Chính phủ lâm thời" và thực hiện *"Tất cả chính quyền về tay Xô viết"*.

Lênin cho rằng có khả năng chuyển toàn bộ chính quyền vào tay các xô viết một cách hòa bình vì lúc này quần chúng công nông có trong tay chính quyền của mình là các xô viết, giai cấp tư sản chưa dám sử dụng bạo lực đối với quần chúng, vũ khí nằm trong tay nhân dân mà nhân dân lại ủng hộ các xô viết, và Đảng Bônsêvich có quyền tự do hoạt động trong quần chúng.

truongxua.vn

Ngày 18–4 (1–5), trong lúc nhân dân đang khao khát đòi hòa bình thì Chính phủ lâm thời gửi công hàm cho Đồng minh cam kết sẽ tiếp tục" đưa chiến tranh đến thắng lợi hoàn toàn". Công hàm tựa như một sự thách thức, gây phẫn nộ trong quần chúng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Bônsêvich, trong hai ngày 20 và 21 tháng 4, hàng chục vạn quần chúng đã xuống đường tiến hành biểu tình hòa bình, giương cao các khẩu hiệu : "Tất cả chính quyền về tay xô viết !" "Hòa bình, ruộng đất, bánh mì !" v.v.. Theo gương Pêtơrôgrat, nhân dân Matxcơva và nhiều thành phố khác cũng xuống đường biểu tình. Những cuộc biểu tình tháng Tư đã khiến Chính phủ lâm thời bị đổ và chính quyền của giai cấp tư sản bước đầu lâm vào cuộc khủng hoảng.

Đầu tháng 6, *Đại hội xô viết toàn Nga lần thứ nhất* được triệu tập. Những người Mensêvich và Xã hội – Cách mạng chiếm đa số tại hội nghị đã thông qua nghị quyết ủng hộ Chính phủ lâm thời và tán thành chính sách tiếp tục chiến tranh của chính phủ này. Ngày 18-6 (1-7), Chủ tịch đoàn Đại hội, do Mensêvich và Xã hội – Cách mạng khống chế, đã tổ chức một cuộc biểu tình với quy mô lớn nhằm lôi kéo quần

chúng ủng hộ nghị quyết sai lầm của họ, đồng thời gây thanh thế cho cuộc tấn công ở mặt trận Tây Nam mà Chính phủ lâm thời hạ lệnh cho quân đội tiến hành sáng 18-6. Đảng Bônsêvich đã lãnh đạo cuộc biểu tình do những người Mensêvich và Xã hội – Cách mạng tổ chức thành cuộc biểu tình chống lại nghị quyết sai lầm của Đại hội, chống lại cuộc chiến tranh đế quốc phi nghĩa. 50 vạn quần chúng diễu hành, hô to các khẩu hiệu "Tất cả chính quyền về tay xô viết !", "Đả đảo chiến tranh !" v.v..

Cuộc biểu tình tháng 6 đánh dấu sự tín nhiệm, tin theo của đông đảo quần chúng đối với đường lối, khẩu hiệu đấu tranh của Đảng Bônsêvich. Những người cơ hội Mensêvich, Xã hội – Cách mạng rõ ràng đã bị cô lập.

? – *Em hãy trình bày rõ đường lối do Lênin vạch ra nhằm chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.*

II - THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA - Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA

thuongmaitr

4. Thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười

Ngày 18-6 (1-7) bộ trưởng chiến tranh Kêrenxki ra lệnh quân đội mở cuộc tấn công ở vùng Lembe. Quân đội Nga bị thất bại lớn, 6 vạn quân bị tiêu diệt. Tin thất trận truyền về Pêtơrôgrat gây ra sự phẫn nộ sục sôi trong công nhân và binh lính. Ngày 3-7 (16-7), dưới sự lãnh đạo của Đảng, 50 vạn nhân dân Pêtơrôgrat xuống đường biểu tình một cách hòa bình và có tổ chức, đòi Xô viết toàn Nga và Xô viết Pêtơrôgrat phải nắm toàn bộ chính quyền và phải thực hiện hòa bình. Được sự đồng tình của những người Mensêvich và Xã hội – Cách mạng, Chính phủ lâm thời đã ra lệnh xả súng vào quần chúng, làm cho Pêtơrôgrat đẫm máu công nhân và binh lính. Sau đó, chúng đàn áp Đảng Bônsêvich, lùng bắt Lênin.

Sự kiện tháng Bảy đánh dấu bước ngoặt phát triển của cách mạng Nga. Đại hội Đảng lần thứ VI (họp bí mật và phải di chuyển qua nhiều địa điểm) quyết định tiến hành giành chính quyền bằng khởi nghĩa vũ trang.

Tuy tiến hành đàn áp quần chúng nhưng Chính phủ lâm thời một lần nữa lại bị đổ. Sau gần một tháng khủng hoảng, ngày 23–7 (5–8), giai cấp tư sản mới lập ra được Chính phủ lâm thời thứ ba do Kêrenxki, lãnh tụ Xã hội – Cách mạng đứng đầu.

Nhưng, không yên tâm với chính phủ Kêrenxki, ngày 27–8 (9–9), giai cấp tư sản lại đưa tên tướng phản động Coocnilôp đứng ra tổ chức cuộc đảo chính nhằm thiết lập chế độ độc tài quân sự để đàn áp cách mạng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Bônsêvich, công nhân và nhân dân Pêtơrôgrat đã nhanh chóng đập tan âm mưu bạo động phản cách mạng của Coocnilôp.

Sau vụ Coocnilôp, uy tín của Đảng Bônsêvich ngày càng lên cao. Quần chúng đã thấy rõ chân tướng của những người Mensêvich và Xã hội – Cách mạng. Quần chúng đã đuổi họ ra khỏi các xô viết. Một quá trình bônsêvich hóa các xô viết diễn ra nhanh chóng trong cả nước, nghĩa là các xô viết được chuyền sang tay những người Bônsêvich.

Sau tháng 10, làn sóng cách mạng dâng lên cuồn cuộn khắp nước Nga. Điều kiện khởi nghĩa đã chín muồi. Ngày 7–10 (20–10), Lênin bí mật từ Phần Lan trở về Pêtơrôgrat.

Ngày 10–10 (23–10), hội nghị Trung ương Đảng Bônsêvich họp, quyết định sẽ tiến hành khởi nghĩa vũ trang vào ngày 25–10 (7–11), tức ngày khai mạc Đại hội xô viết toàn Nga lần thứ II. Trong hội nghị, một số người không tán thành chủ trương khởi nghĩa vũ trang vì cho rằng nước Nga chưa chín muồi để làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Sau đó, họ đã đăng lên báo "Đời sống mới" (một tờ báo ngoài Đảng) bản tuyên bố của họ chống lại nghị quyết về khởi nghĩa vũ trang của hội nghị Trung ương Đảng.

truongxua.vn

Kẻ thù đã biết rõ kế hoạch và thời gian của cuộc khởi nghĩa vũ trang. Chúng điều những đơn vị đặc biệt về thủ đô, trấn giữ các địa điểm xung yếu và chuẩn bị đàn áp cách mạng.

Tình hình Pêtơrôgrat trở nên hết sức căng thẳng. Trước tình thế khẩn cấp, Lênin đã sáng suốt quyết định khởi nghĩa ngay ngày 24– 10 : "... Việc đó phải quyết định ngay chiều hôm nay hay đêm nay... Mọi sự chậm trễ có nghĩa là chết". Đêm 24–10, Lênin đến viện Xmônưi trực tiếp chỉ huy cuộc khởi nghĩa. Theo kế hoạch do Lênin đã vạch ra từ trước, các đơn vị Cận vệ đỏ của công nhân và binh sĩ cách mạng đã tập trung lực lượng đánh chiếm các khu vực đầu mối, trụ sở các bộ, tổng đài điện thoại, các nhà ga, các cầu bắc qua sông Nêva... Chỉ trong đêm 24–10, hầu như không bị tổn thất, quân khởi nghĩa đã chiếm được toàn bộ Pêtơrôgrat và bao vây Cung điện Mùa đông, nơi ẩn náu cuối cùng của chính phủ tư sản. Tối 25–10, chiến hạm Rạng Đông nổ loạt súng lệnh báo hiệu cuộc tấn công Cung điện Mùa Đông bắt đầu. Cuộc chiến đấu diễn ra đến 2 giờ sáng 26–10 thì chấm dứt. Toàn bộ Chính phủ lâm thời tư sản (trừ thủ tướng Kêrenxki) bị bắt. *Ngày 25-10 (7-11) đi vào lịch sử như ngày thắng lợi của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga vĩ đại.*

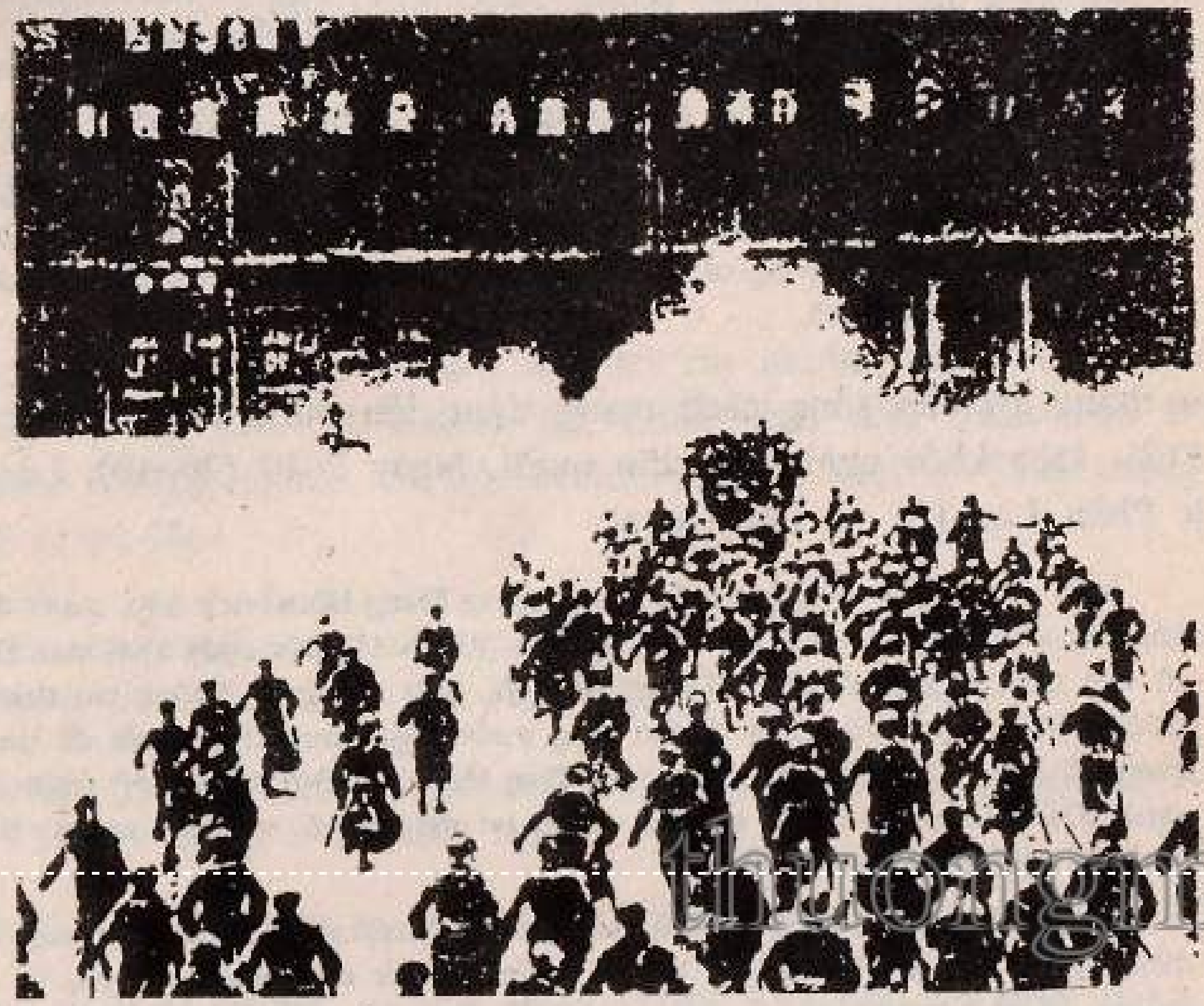

Hình 8 – Cách mạng tiến công vào Cung điện Mùa Đông 25–10 (7–11)–1917

Tiếp đó, khởi nghĩa thắng lợi ở Matxcơva (2–11 lịch Nga cũ) và đến đầu 1918, cách mạng đã giành được thắng lợi hoàn toàn trên toàn đất nước Nga rộng lớn.

? – *Hãy tường thuật diễn biến của cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Pêtơrôgrat.*

5. Xây dựng chính quyền xô viết và chống thù trong giặc ngoài (1917-1920)

Ngay trong đêm 25–10, Đại hội xô viết toàn Nga lần thứ II đã khai mạc trọng thể tại viện Xmônưi. Đại hội long trọng tuyên bố nước Nga là nước *Cộng hòa xô viết của công nhân và nông dân*, thành lập Chính phủ xô viết do Lênin làm Chủ tịch và thông qua hai sắc lệnh lịch sử : *Sắc lệnh về hòa bình* và *Sắc lệnh về ruộng đất.*

Sắc lệnh về hòa bình coi "chiến tranh là một tội ác lớn nhất đối với loài người", kêu gọi các nước chấm dứt chiến tranh, kí kết một hòa ước công bằng và dân chủ, không có thôn tính, không có bồi thường.

Sắc lệnh về ruộng đất quyết định tịch thu không bồi thường toàn bộ ruộng đất của địa chủ giao cho nông dân có quyền sử dụng không phải trả tiền.

Ngày 2-11 (15-11), Chính phủ xô viết ra bản "Tuyên bố về quyền của các dân tộc trong nước Nga", khẳng định quyền bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc cho đến tự do tách khỏi nước Nga nếu họ muốn, xóa bỏ mọi ách áp bức dân tộc của chế độ cũ. Thực hiện "Tuyên bố" này, Chính phủ xô viết công nhận nền độc lập quốc gia của Phần Lan và Ba Lan.

Nhiệm vụ đầu tiên và quan trọng nhất sau thắng lợi của cách mạng là *phải đập tan bộ máy nhà nước cũ* của tư sản và địa chủ, *thiết lập một bộ máy nhà nước vô sản mới : Nhà nước xô viết.* Trong hệ thống chính quyền mới này, *tòa án nhân dân* thay cho tòa án của Nga hoàng; *công an nhân dân* thay cho cảnh sát, mật vụ cũ ; quân đội được tổ chức lại thành quân đội cách mạng – *Hồng quân* (thành lập tháng 1-1918). Công nhân và nông dân được cử ra đảm nhiệm những chức vụ chủ chốt trong bộ máy chính quyền mới.

uongxua.vn

Chính phủ xô viết tuyên bố xóa bỏ các đẳng cấp xã hội, các tước vị phong kiến, những đặc quyền của Nhà thờ và tách Nhà thờ khỏi Nhà nước, trường học. Chính phủ xô viết còn công bố nam nữ bình quyền, thực hiện rộng rãi các quyền tự do dân chủ với mọi công dân xô viết.

Việc làm có ảnh hưởng sâu sắc là thực hiện Sắc lệnh về ruộng đất. Tới mùa hè 1918, việc tịch thu ruộng đất của địa chủ được hoàn thành. Tất cả ruộng đất trong nước là thuộc quyền sở hữu toàn dân, được chia cho nông dân sử dụng không phải trả tiền. Từ cuối năm 1917, chính quyền xô viết bắt đầu tiến hành quốc hữu hóa các xí nghiệp lớn, giao thông vận tải, ngân hàng và nắm độc quyền về ngoại thương. Những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội bước đầu được thiết lập.

Một nhiệm vụ cấp thiết lúc này là phải rút nước Nga ra khỏi cuộc chiến tranh đế quốc. Ngày 3-3-1918, sau những cuộc thương lượng gay go, Chính phủ xô viết đã kí với Đức hòa ước *Brest Litôp*. Tuy phải chịu những điều kiện nặng nề, song hòa ước đã tạo cho nước Nga một thời gian hòa hoãn để củng cố chính quyền và xây dựng lực lượng về mọi mặt. Để tránh sự uy hiếp của Đức, chính quyền xô viết dời thủ đô về Matxcơva.

Tháng 7–1918, bản *Hiến pháp xô viết* đầu tiên ra đời.

Cuối năm 1918, sau khi chiến tranh thế giới chấm dứt, quân đội 14 nước đế quốc (Anh, Pháp, Mĩ, Nhật, Đức, Thổ Nhĩ Kì...) đã câu kết với bọn bạch vệ trong nước mở cuộc tấn công can thiệp vũ trang vào nước Nga xô viết.

Nước Nga xô viết bị chia cắt, phong tỏa, lâm vào tình thế hết sức nguy ngập về mọi mặt, đặc biệt là về kinh tế. Trước tình thế khó khăn của chiến tranh, Chính phủ xô viết buộc phải thực hiện "*chính sách Cộng sản thời chiến*" : trưng thu lương thực thừa của nông dân ; quốc hữu hóa hết thảy các xí nghiệp ; nhà nước nắm độc quyền về kinh tế, quản lí và phân phối lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng ; thực hiện chế độ lao động cưỡng bức (ai không làm thì không ăn). Nhờ áp dụng chính sách này, Chính phủ xô viết đã huy động được của cải và nhân lực để xây dựng được đạo Hồng quân đông tới 3 triệu người, đủ sức đánh bại quân thù.

Hồng quân lần lượt đánh tan các cuộc tấn công của các đế quốc và bọn bạch vệ. Năm 1919, đánh bại quân của đô đốc Cônsăc ở mặt trận phía đông ; năm 1920, đánh tan đạo quân của tướng Đênhikin ở phía nam và tướng Iuđênhich ở phía bắc ; tiếp đó, đánh tan đạo quân của chính phủ tư sản Ba Lan và đạo quân của tướng Vrăngghen. Năm 1920, Hồng quân đã đánh tan được các cuộc tấn công của 14 nước đế quốc và các cuộc nổi loạn của bọn tướng tá bạch vệ. Nhà nước xô viết đã được bảo vệ và giữ vững.

? – *Việc xây dựng và củng cố chính quyền xô viết trong những năm 1917 – 1918 đã diễn ra như thế nào ?*

6. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười

Cách mạng tháng Mười đã đập tan ách áp bức, bóc lột của chủ nghĩa tư bản và chế độ phong kiến tồn tại lâu đời ở nước Nga. Lần đầu tiên trong lịch sử, trên một đất nước rộng lớn chiếm 1/6 diện tích thế giới, cách mạng đưa công nhân, nông dân lên nắm chính quyền, xây dựng chế độ mới xã hội chủ nghĩa.

Cách mạng tháng Mười đã đánh đổ chủ nghĩa tư bản ở một khâu quan trọng của nó là đế quốc Nga, làm cho chủ nghĩa tư bản không còn là hệ thống duy nhất trên toàn thế giới nữa.

Nhờ có Cách mạng tháng Mười, phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông và phong trào công nhân ở các nước tư bản đế quốc phương Tây đã có sự gắn bó mật thiết với nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.

Với thắng lợi của mình, Cách mạng tháng Mười đã cung cấp cho phong trào cách mạng thế giới những bài học kinh nghiệm cách mạng quý giá.

Cách mạng tháng Mười đã đi vào lịch sử nhân loại như một sự kiện trọng đại mở đầu một thời kì mới – *thời kì lịch sử thế giới hiện đại.*

?
1. Trình bày ngắn gọn ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười.
2. Em hãy phân tích công lao của Lênin đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Mười.
3. Hãy nêu những dẫn chứng mà em biết về ảnh hưởng to lớn của Cách mạng tháng Mười đối với cách mạng Việt Nam.

ruongxua.vn

Chương II

LIÊN XÔ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1921 - 1941)

Bài 11

LIÊN XÔ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1921 - 1941)

I - CÔNG CUỘC KHÔI PHỤC KINH TẾ VÀ BƯỚC ĐẦU CÔNG NGHIỆP HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1921 - 1929)

1. Chính sách Kinh tế mới và công cuộc khôi phục kinh tế (1921-1926)

Năm 1921, sau khi nội chiến chấm dứt, nước Nga xô viết bước vào thời kì hòa bình xây dựng chế độ mới. Bảy năm chiến tranh (1914–1920) đã tàn phá nền kinh tế quốc dân một cách trầm trọng. Năm 1920, sản lượng nông nghiệp chỉ bằng 1/2 mức trước chiến tranh, sản lượng công nghiệp chỉ còn bằng 1/7.

Nông dân được chia ruộng đất nhưng thiếu đủ thứ (nông cụ, hạt giống, phân bón...) ; 20 triệu hécta đất bị bỏ hoang. Năm 1920, mùa màng ở nhiều vùng bị mất, vấn đề lương thực trở nên căng thẳng. Công nghiệp còn ở trong tình trạng suy sụp, khó khăn hơn cả nông nghiệp. Bọn đế quốc và bạch vệ đã phá hoại ngành vận tải đường sắt, đường bộ, tàn phá phần lớn hầm mỏ ở Đônbat, vùng dầu lửa ở Bacu, phá phách nhiều nhà máy và công xưởng. Các xí nghiệp ngừng hoạt động vì thiếu nguyên liệu, nhiên liệu. Điện không đủ, thành phố tối tăm. Những hàng hóa cần thiết cho đời sống hàng ngày hết sức thiếu thốn : bánh mì, thịt, muối, vải, dầu hỏa, xà phòng v.v.. Công nhân, bộ đội mỗi ngày chỉ được cung cấp một suất bánh mì 100 gam. Nạn đói, bệnh dịch lan tràn khắp nơi, làm chết hàng triệu người.

Từ những khó khăn về kinh tế, lại nảy sinh những khó khăn về chính trị hết sức nghiêm trọng. Sau khi hòa bình lập lại, chính sách Cộng sản thời chiến trở nên không phù hợp, ngăn cản và kìm hãm sự phát triển kinh tế. Người nông dân bất mãn với chế độ trưng thu lương thực và không hào hứng sản xuất. Công nhân không có công ăn việc làm, số lượng công nhân giảm sút 1/2 so với trước chiến tranh. Bọn phản cách mạng lợi dụng tình hình khó khăn, kích động lòng bất mãn, gây rối loạn ở nhiều nơi.

Ở Đông Nam Matxcova, Ucraina, Xibia..., chúng kích động nông dân nổi dậy cướp chính quyền, sát hại những người cộng sản. Nghiêm trọng nhất là cuộc nổi loạn ở Cơrôngxtat ngày 28-2-1921, thủy thủ nghe theo bọn phản cách mạng đã nổi dậy chiếm giữ pháo đài, giết hại những người Bônsêvich, bắt giữ các đại biểu xô viết địa phương(1).

Nước Nga lúc này đã lâm vào một cuộc khủng hoảng chính trị lớn nhất và hết sức nghiêm trọng.

Trong bối cảnh đó, tháng 3-1921, Đại hội Đảng Cộng sản (Bônsêvich) Nga họp, quyết định chuyển từ chính sách Cộng sản thời chiến sang *chính sách Kinh tế mới* (NEP).

Chính sách Kinh tế mới do Lênin soạn thảo gồm những nội dung chủ yếu : bãi bỏ trưng thu lương thực thừa và thay thế bằng thuế lương thực cố định (thuế được quy định trước vụ gieo hạt mùa xuân, người nông dân sau khi nộp đủ thuế được tự do bán số lương thực thừa để mua hàng công nghiệp) ; cho tự do buôn bán trong nước, mở lại các chợ ; những xí nghiệp không quá 20 công nhân được trả lại cho tư nhân, tư nhân được phép thuê xí nghiệp, thuê ruộng đất và tự do mua nguyên liệu, bán hàng hóa ; cho tư

(1) Mặc dù đang họp Đại hội Đảng lần thứ X, ngày 8–3 Đảng phải cử Vôrôsilôp đến Cơrôngxtat dẹp bọn phiến loạn. Ngày 18–3 Hồng quân đã chiếm lại được pháo đài và cuộc nổi loạn bị dập tắt.

bản nước ngoài thuê xí nghiệp, khai thác hầm mỏ (dưới hình thức tô nhượng) để lợi dụng vốn, kĩ thuật của họ ; nhà nước nắm các mạch máu kinh tế : công nghiệp, ngân hàng, giao thông vận tải, nội và ngoại thương...

Thực chất của chính sách Kinh tế mới là chuyển từ nền kinh tế mà nhà nước nắm độc quyền về mọi mặt, dựa trên cơ sở cưỡng bức lao động, trưng thu và cung cấp theo kiểu "cộng sản thời chiến" (buộc phải thực hiện trong điều kiện đặc biệt của chiến tranh trước đây) sang một *nền kinh tế hàng hóa có sự điều tiết của nhà nước*, công nhận sự cùng tồn tại và phát triển trong một thời gian nhất định của nhiều thành phần kinh tế khác nhau, và sử dụng vốn, kĩ thuật, kinh nghiệm của tư bản trong và ngoài nước để thúc đẩy kinh tế phát triển.

Trong thời kì khôi phục kinh tế, chính sách Kinh tế mới lấy việc khôi phục và phát triển nông nghiệp làm khâu căn bản, qua đó thúc đẩy công nghiệp và các ngành kinh tế khác phát triển. Chính sách thuế nông nghiệp đã kích thích mạnh mẽ người tiểu nông trong việc làm ăn của họ ; thực chất của chính sách này là sự liên minh giữa công nhân và nông dân trên cơ sở mới về kinh tế.

Nhờ có đường lối đúng đắn, công cuộc khôi phục kinh tế tiến triển mạnh mẽ. Nông dân trở lại hào hứng sản xuất và tăng thêm diện tích trồng trọt. Năm 1922 được mùa lớn, thành thị đã có đủ thực phẩm, công nhân lành nghề trở về các nhà máy. Ngành đại công nghiệp bắt đầu phục hồi.

truongxua.vn

Cuối năm 1922, toàn thể lãnh thổ xô viết được giải phóng. Lúc này, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và củng cố quốc phòng đòi hỏi các dân tộc trong đất nước xô viết phải được liên minh khăng khít hơn nữa về mọi mặt. Ngày 20-12-1922, việc thống nhất các dân tộc tự nguyện sáp nhập lại thành một quốc gia duy nhất đã được thực hiện, *Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết* (gọi tắt là *Liên Xô*) chính thức thành lập, lúc đầu gồm bốn nước : Ucraina, Bêlarút , Nga, Ngoại Capcadơ. Đầu năm 1924, hiến pháp của Liên Xô được ban hành.

Đến cuối năm 1925, chỉ trong một thời gian ngắn, công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh đã hoàn thành về cơ bản. Nông nghiệp đạt 87% mức sản xuất trước chiến tranh, đại công nghiệp đạt 75% ; đời sống của công nhân, nông dân và nhân dân lao động được cải thiện rõ rệt. Năm 1926, sản xuất công, nông nghiệp đạt xấp xỉ mức trước chiến tranh, công cuộc khôi phục kinh tế đã hoàn thành. Nhân dân Liên Xô bắt đầu bước vào thời kì xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

? – *Nội dung chủ yếu của chính sách Kinh tế mới ?*

2. Bước đầu công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa (1926-1929)

Năm 1925, mặc dù kinh tế đã khôi phục lại xấp xỉ mức trước chiến tranh nhưng Liên Xô vẫn là một nước nông nghiệp lạc hậu so với các nước tư bản phương Tây. Nông nghiệp chiếm trên 2/3 tổng sản phẩm quốc dân. Công nghiệp vẫn dựa trên cơ sở cũ, kĩ thuật lạc hậu, thiếu công nghiệp nặng. Nằm trong vòng vây của chủ nghĩa tư bản, Liên Xô luôn luôn bị bao vây về kinh tế, uy hiếp về quân sự, do đó việc xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự lực sản xuất lấy những thiết bị cần thiết để không còn lệ thuộc vào tư bản nước ngoài và có thể củng cố quốc phòng có một ý nghĩa hết sức bức thiết.

Trước tình hình này, Đại hội Đảng Cộng sản (Bônsêvich) Liên Xô họp cuối năm 1925 đã đề ra nhiệm vụ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nhằm biến Liên Xô từ một nước nông nghiệp thành một nước công nghiệp có thể tự lực sản xuất lấy những máy móc và trang thiết bị cần thiết cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Căn cứ vào tình hình đất nước, Đại hội Đảng cũng chỉ rõ nền công nghiệp xã hội chủ nghĩa Liên Xô chủ yếu phải gồm : công nghiệp năng lượng (điện, than, dầu lửa...) để cung cấp năng lượng cho nền kinh tế quốc dân và đời sống của nhân dân ; công nghiệp chế tạo máy móc ; công nghiệp giao thông vận tải ; công nghiệp hóa chất ; công nghiệp quốc phòng v.v.. Việc công nghiệp hóa trong điều kiện của Liên Xô lúc này phải tiến hành với tốc độ nhanh và theo đường lối ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, vì có công nghiệp nặng mới thúc đẩy được công nghiệp nhẹ, nông nghiệp phát triển và củng cố quốc phòng.

Trong việc tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, Liên Xô phải vượt qua những khó khăn rất lớn.

Trong vòng vây của chủ nghĩa tư bản và với những điều kiện hết sức khó khăn, nhân dân Liên Xô đã lấy phương châm tự lực cánh sinh, phấn đấu gian khổ để tiến hành công nghiệp hóa đất nước. Nhờ vậy, công cuộc công nghiệp hóa tiến triển nhanh chóng. Năm 1928, tỉ trọng của công nghiệp chiếm 54,5% tổng sản lượng công, nông nghiệp. Năm 1929, công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô đã thu được những thành tựu quan trọng và bước đầu giải quyết được ba vấn đề cơ bản : vấn đề tích lũy vốn ; vấn đề xây dựng một nền công nghiệp nặng có thể tự sản xuất lấy những máy móc, thiết bị cần thiết ; vấn đề nâng cao năng suất lao động (vượt mức trước chiến tranh hơn 1,3 lần).

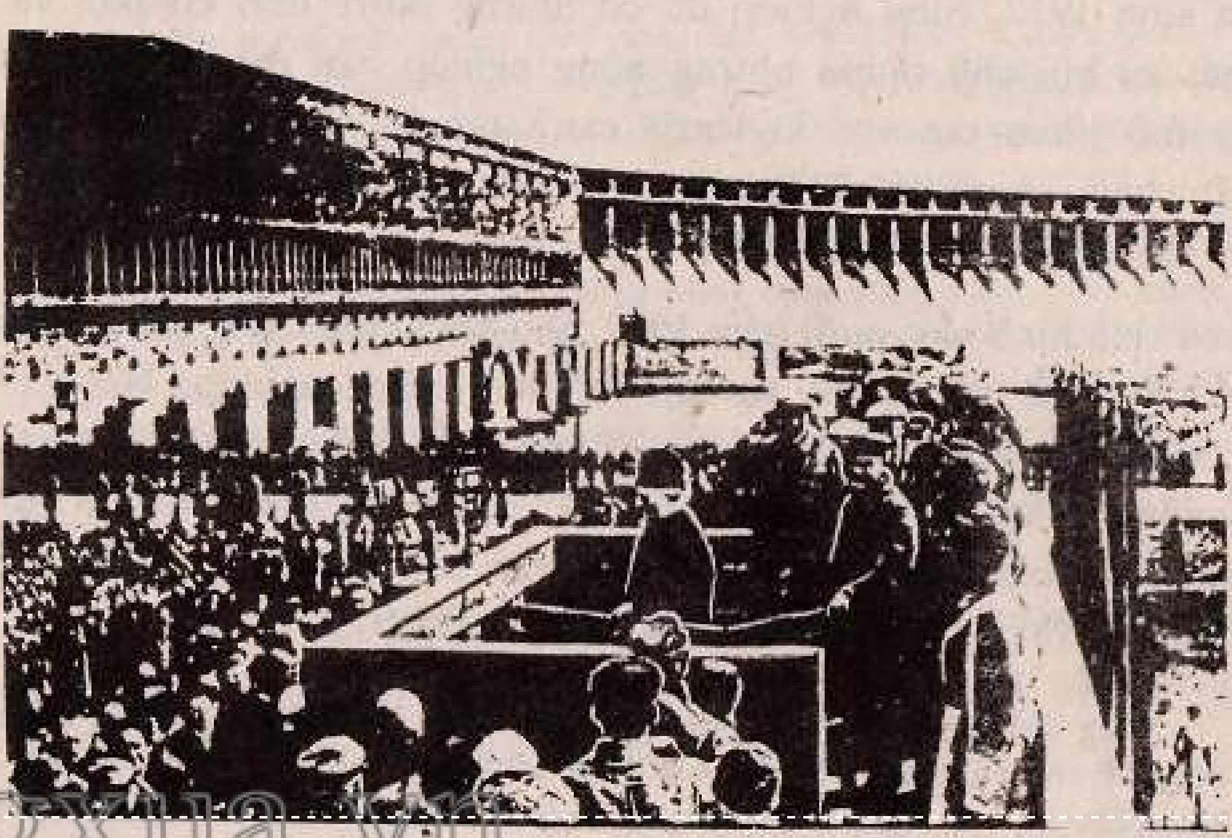

truongxua.vn

Hình 9 – Đập thủy điện Đơnhiep được hoàn thành

Những công trình khổng lồ đã được xây dựng : nhà máy thủy điện Đơnhiep, nhà máy ôtô Matxcơva, nhà máy kéo Xtalingrat, tuyến đường sắt Tuyêckixtan – Xibia.

? *1. Tại sao Liên Xô phải tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ngay sau khi hoàn thành khôi phục kinh tế ?*

2. Liên Xô tiến hành công nghiệp hóa trong hoàn cảnh quốc tế và trong nước như thế nào ? Tại sao lại phải tiến hành công nghiệp hóa với tốc độ nhanh và ưu tiên phát triển công nghiệp nặng ? Năm 1929, đã thu được những thành tựu như thế nào ?

3. Em hãy thử so sánh sự khác nhau giữa chính sách Kinh tế mới và chính sách Cộng sản thời chiến. Theo em, thực chất của chính sách Kinh tế mới là gì ?

II - BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG ĐƯỢC NHỮNG CƠ SỞ KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1929-1941)

1. Công cuộc tập thể hóa nông nghiệp và hoàn thành kế hoạch năm năm lần thứ nhất (1928-1933)

Đến năm 1929, công nghiệp đã có những bước tiến cơ bản và mang tính chất xã hội chủ nghĩa nhưng nông nghiệp vẫn dựa trên cơ sở sản xuất cá thể phân tán với kĩ thuật canh tác thô sơ, lạc hậu nên phát triển rất chậm chạp, có nhiều mặt hạn chế và không đáp ứng được yêu cầu xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trước tình hình này, cuối năm 1927, Đại hội Đảng Cộng sản (Bônsêvich) Liên Xô họp đề ra nhiệm vụ tập thể hóa nông nghiệp. Năm 1928 và 1929, Chính phủ xô viết thực hiện những biện pháp nhằm hạn chế kinh tế phú nông. Năm 1930, Chính phủ xô viết quyết định chuyển từ chính sách hạn chế sang chính sách tiêu diệt giai cấp phú nông, đồng thời mở rộng việc tập thể hóa toàn bộ nền nông nghiệp.

Nông dân được phép tịch thu ruộng đất, súc vật, nông cụ và tài sản của phú nông để chuyển thành sở hữu của nông trang tập thể. Phú nông bị đuổi ra khỏi khu vực tập thể hóa và đưa đi khai khẩn, cải tạo. Khi tiến hành tập thể hóa nông nghiệp ở nông thôn, đã diễn ra cuộc đấu tranh giai cấp hết sức quyết liệt. Phú nông đốt phá mùa màng, nhà cửa, đầu độc gia súc, gây ra những vụ rối loạn ở nông thôn. Mặt khác, nhiều địa phương đã mắc một số sai lầm, khuyết điểm, như : để chạy theo tốc độ, người ta đã vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc tự nguyện của Lênin, dùng phương pháp cưỡng bức, mệnh lệnh bắt nông dân lao động phải gia nhập nông trang tập thể ; đánh tràn lan cả vào đông đảo tầng lớp trung nông ; có nơi tập thể hóa cả nhà cửa, gia súc nhỏ, gà vịt v.v.. Cũng vì thế, nông dân bị kích động, giết hết gia súc để ăn trước khi vào nông trang tập thể. Riêng năm 1929–1930, nông dân đã giết 14 triệu 60 vạn súc vật lớn có sừng, làm ngành chăn nuôi bị thiệt hại nặng nề. Tháng 3–1930, Đảng và nhà nước xô viết đã có những biện pháp sửa chữa, uốn nắn những sai lầm, khuyết điểm này.

Năm 1931, nông trang tập thể và nông trường đã chiếm 2/3 diện tích trồng trọt và gần 53% tổng số nông hộ trong toàn quốc. Cuối năm 1932, công cuộc tập thể hóa đã căn bản hoàn thành. Đại hội Đảng năm 1927 cũng đã thông qua kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1928–1932), với nhiệm vụ tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nhằm trang bị lại nền kinh tế quốc dân về mặt kĩ thuật, hoàn thành tập thể hóa nông nghiệp, đẩy mạnh cuộc cách mạng văn hóa, và đẩy lùi rồi tiến tới tiêu diệt hoàn toàn thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa ở thành thị, nông thôn.

Với khẩu hiệu : "Hoàn thành kế hoạch 5 năm trong 4 năm !", đến năm 1933, nhân dân Liên Xô đã phấn đấu hoàn thành kế hoạch trước thời hạn trong 4 năm 3 tháng.

Liên Xô đã từ một nước nông nghiệp trở thành một nước công nghiệp : sản lượng công nghiệp đã chiếm 70% tổng sản lượng kinh tế quốc dân. Trong hơn bốn năm, 2 400 xí nghiệp mới được xây dựng. Nền công nghiệp Liên Xô lúc này đã có khả năng trang bị kĩ thuật mới không chỉ trong công nghiệp mà còn trong các ngành giao thông vận tải, xây dựng và nông nghiệp.

Cùng với việc trang bị nền kinh tế quốc dân về mặt kĩ thuật, cuộc cách mạng văn hóa đã được tiến hành sâu rộng trong toàn quốc. Năm 1930, chính phủ Liên Xô đã thực hiện chế độ giáo dục phổ thông cơ sở bắt buộc. Từ 1930–1932, có trên 30 triệu người được học tại các trường thanh toán nạn mù chữ. Trong thời gian kế hoạch 5 năm, số trường cao đẳng công nghiệp tăng 10 lần, số trường kĩ thuật trung cấp tăng 4 lần, ngành đại học đã cung cấp 10 vạn kĩ sư và cán bộ đại học.

Với việc hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, nhân dân Liên Xô đã đạt được những thành tựu quan trọng trong việc xây dựng những nền móng kinh tế – xã hội của chủ nghĩa xã hội.

uongxua.vn

? – *Hãy trình bày ngắn gọn những thành tựu mà nhân dân Liên Xô đã đạt được sau khi hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất*

2. Hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1933-1937)

Năm 1933, nhân dân Liên Xô bắt tay vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ *hai* (1933–1937). Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch này là tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa để thực hiện đổi mới kĩ thuật toàn bộ nền kinh tế quốc dân, củng cố và hoàn thành tập thể hóa nông nghiệp, đẩy mạnh cuộc cách mạng văn hóa và xóa bỏ những tàn dư của chủ nghĩa tư bản trong xã hội Liên Xô, nâng cao hơn một bước nữa đời sống của nhân dân Liên Xô. Kế hoạch quy định sản lượng công nghiệp sẽ tăng lên gần 8 lần mức trước chiến tranh, năng suất lao động tăng lên 63%.

Nhờ tinh thần lao động dũng cảm, sáng tạo của nhân dân Liên Xô, kế hoạch 5 năm lần thứ hai lại được hoàn thành trước thời hạn.

Mùa hè năm 1937, sản xuất công nghiệp của Liên Xô đã vượt 428% so với năm 1929 và bằng 8 lần năm 1913, năm cao nhất của chế độ Nga hoàng. Lúc này, tổng sản lượng công nghiệp của Liên Xô đã vượt quá Pháp, Anh, Đức.

vươn lên đứng đầu châu Âu và thứ hai trên thế giới (sau Mĩ), chiếm 14% sản lượng công nghiệp toàn thế giới. Việc thực hiện đổi mới kĩ thuật toàn bộ nền kinh tế quốc dân đã hoàn thành. Lúc này, từ một nước nông nghiệp, Liên Xô đã trở thành một cường quốc công nghiệp trên thế giới.

Đến năm 1937, việc tập thể hóa nông nghiệp đã hoàn thành trong cả nước: 93% tổng số nông hộ ở nông thôn đã gia nhập các nông trang tập thể, cày cấy trên 99% tổng số diện tích trồng trọt trong cả nước và trên 90% đất đai trồng trọt được cày cấy bằng máy móc nông nghiệp.

Qua cuộc cách mạng văn hóa, Liên Xô đã thanh toán được nạn mù chữ (trước cách mạng 76% dân số mù chữ), thực hiện xong nền giáo dục cấp I bắt buộc cho tất cả mọi người và phổ cập giáo dục phổ thông cấp II ở các thành phố. Số học sinh từ 8 triệu năm 1913 tăng lên 28 triệu năm 1937, số sinh viên cũng tăng từ 112 000 lên 542 000 người ; đến đầu năm 1937, đội ngũ trí thức xô viết đông tới 10 triệu người. Trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và văn học nghệ thuật cũng có nhiều thành tựu xuất sắc. Về mặt xã hội, các giai cấp bóc lột đã bị tiêu diệt, lúc này chỉ còn lại hai giai cấp lao động là công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức mới xã hội chủ nghĩa. Mối quan hệ giữa các dân tộc trở nên gắn bó, hữu nghị hơn trước.

Những thành tựu to lớn về mọi mặt trên đây chứng tỏ *nhân dân Liên Xô đã bước đầu xây dựng được những cơ sở kinh tế - xã hội của chủ nghĩa xã hội*, có nghĩa là bước đầu xây dựng được những nền móng kinh tế, chính trị và xã hội dẫn đến chế độ xã hội chủ nghĩa được xác lập ở Liên Xô. Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội vẫn còn phải trải qua một quá trình lâu dài, phải tiếp tục không ngừng củng cố, phát triển và hoàn thiện nó.

Sự phát triển nhanh chóng về mọi mặt của Liên Xô và những thành tựu to lớn mà nhân dân Liên Xô đã giành được trong công cuộc xây dựng chế độ mới có một ý nghĩa lịch sử trọng đại. Nhưng mặt khác, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô cũng chứa đựng một số sai lầm và thiếu sót.

Sau khi Lênin qua đời, những tư tưởng và nguyên tắc mà Lênin vạch ra trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đã bị vi phạm. Nhà nước nắm độc quyền về kinh tế và hình thành chế độ nhà nước bao cấp về kinh tế v.v.. Những sai lầm và nóng vội trong việc tập thể hóa nông nghiệp đã để lại những hậu quả tai hại lâu dài cho nền nông nghiệp Liên Xô. Nghiêm trọng hơn cả là nguyên tắc tập trung dân chủ và nền pháp chế xã hội chủ nghĩa đã bị coi thường, thay vào đó là tệ sùng bái cá nhân và nạn quan liêu độc đoán.

Những sai lầm và thiếu sót trên đây không phải do bản thân chế độ xã hội chủ nghĩa gây nên, mà do Liên Xô là nước đầu tiên tìm tòi khai

thuongmaitr

phá con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, nên khó tránh khỏi những sai lầm, thiếu sót, có khi còn do chính những người lãnh đạo Đảng và Nhà nước xô viết lúc ấy đã gây ra.

Năm 1938, nhân dân Liên Xô bắt tay vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ ba (1938–1942). Những nhiệm vụ của kế hoạch đang hoàn thành tốt đẹp thì tháng 6–1941 phát xít Đức tấn công xâm lược Liên Xô. Nhân dân Liên Xô buộc phải ngừng công cuộc hòa bình xây dựng đất nước để tiến hành cuộc *Chiến tranh giữ nước vĩ đại.*

?
1. Những thành tựu và biến đổi to lớn ở Liên Xô sau khi hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1933–1937) ?

2. Em hiểu như thế nào là bước đầu xây dựng được những nền móng của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô ?

3. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đã mắc những sai lầm và thiếu sót như thế nào ? Nguyên nhân ?

ruongxua.vn

Chương III

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG THẾ GIỚI TRONG NHỮNG NĂM 1918 - 1939

Bài 12

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG THẾ GIỚI TRONG NHỮNG NĂM 1918 - 1939

I - PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở CÁC NƯỚC TƯ BẢN - QUỐC TẾ CỘNG SẢN

1. Cao trào cách mạng 1918-1923 ở các nước tư bản

Chiến tranh thế giới thứ nhất và những hậu quả nặng nề của nó đã làm cho những mâu thuẫn xã hội ở các nước tư bản trở nên gay gắt, sâu sắc. Mặt khác, thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga đã cổ vũ và chỉ dẫn cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước con đường đấu tranh để tự giải phóng. Vì vậy, trong những năm 1918–1923 đã bùng lên một cao trào cách mạng ở hầu khắp các nước tư bản.

Mùa thu năm 1918, *nước Đức* đã coi như đứng bên bờ vực thất bại hoàn toàn về quân sự trong cuộc chiến tranh đế quốc phi nghĩa. Đất nước lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng về mọi mặt và nền thống trị của tư sản địa chủ đã bị lung lay tận gốc, do những cuộc bãi công to lớn của công nhân Beclin, Laixich, Hămbua... Tuy sắp bại trận, bộ chỉ huy quân đội Đức vẫn ra lệnh cho hạm đội Đức mạo hiểm tấn công hạm đội Anh, với âm mưu nếu may giành được thắng lợi, sẽ ngăn chặn được phong trào cách mạng và tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đàm phán sau này. Bị bắt buộc phải hi sinh tính mạng một cách vô nghĩa, ngày 3-11-1918, thủy binh hạm đội thứ nhất đóng ở quân cảng Kilơ nổi dậy khởi nghĩa, thành lập xô viết thủy binh. Cuộc khởi nghĩa của thủy binh Kilơ đã mở đầu cho Cách mạng tháng 11 ở Đức. Tiếp theo đó, ở hầu hết các thành phố như Lubêch, Hămbua, Hanôvơ, Muynich..., nhân dân và binh lính đã nổi dậy, thành lập các xô viết đại biểu công nhân binh lính. Ngày 9-11, theo lời kêu gọi của *"Liên minh Xpactacux"* (ra đời năm 1916, gồm những người cánh "tả" Đảng Xã hội Dân chủ), công nhân Beclin tổng bãi công, sau đó chuyển thành khởi nghĩa vũ trang, lập ra Xô viết đại biểu công nhân binh lính Beclin. Hoàng đế Vinhem II chạy trốn sang Hà Lan, *chế độ quân chủ bị lật đổ ở Đức.*

Lúc này, nước Đức hoàn toàn nằm trong tay quần chúng cách mạng. Cách mạng Đức chứa đựng những khả năng để chuyển biến từ dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa như ở Nga năm 1917. Nhưng nước Đức lúc này thiếu sự lãnh đạo của một đảng chân chính của giai cấp vô sản. Tự nhận là Đảng của giai cấp công nhân, nhưng Đảng Xã hội Dân chủ trên thực tế đã trở thành công cụ của giai cấp tư sản. Ngày 9-11, Đảng Xã hội Dân chủ thành lập một chính phủ cũng lấy tên là "Hội đồng các ủy viên nhân dân" (như Cách mạng tháng Mười Nga) do Êbe, lãnh tụ đảng này đứng đầu. Sau khi lên cầm quyền, chính phủ Êbe thực chất là chính phủ tư sản, đã đàn áp những cuộc bãi công, tàn sát những lãnh tụ cộng sản (Cac Lipnêch, Rôda Lucxămbua...), giải tán các xô viết và thiết lập chế độ cộng hòa tư sản (thường gọi là *chế độ Cộng hòa Vâyma*). *Cuộc Cách mạng tháng 11 ở Đức chỉ dừng lại ở tính chất dân chủ tư sản.*

Trong những năm 1919-1923, cao trào cách mạng vẫn tiếp diễn ở Đức. Ngày 30-12-1918, "Liên minh Xpactacux" họp đại hội, chính thức tách ra khỏi Đảng Xã hội Dân chủ, thành lập *Đảng Cộng sản Đức.*

Ở Hunggari, phong trào cách mạng cũng dâng cao mạnh mẽ. Xô viết được thành lập ở nhiều nơi trong nước. Tháng 1-1918, Đảng Cộng sản Hunggari thành lập.

Ngày 20-3-1919, phe Hiệp ước đòi chính phủ tư sản Hunggari phải cắt đất đai Hunggari cho Rumani, Nam Tư và Tiệp Khắc. Trước nguy cơ của dân tộc, chính phủ tư sản Hunggari sụp đổ. Chính quyền chuyền sang tay Đảng Xã hội Dân chủ. Nhưng dưới áp lực mạnh mẽ của quần chúng, Đảng Xã hội Dân chủ đã buộc phải thương lượng với những lãnh tụ Đảng Cộng sản đang bị giam giữ trong tù, thỏa thuận với họ hợp nhất hai đảng Cộng sản và Xã hội Dân chủ thành một đảng - Đảng Xã hội chủ nghĩa Hunggari - và thành lập Chính phủ xô viết Hunggari. Trên cơ sở đó, ngày 21-3-1919, *nước Cộng hòa xô viết Hunggari* ra đời. Chính phủ xô viết đã thi hành nhiều chính sách tiến bộ phục vụ lợi ích của công nông.

Nhưng nước Cộng hòa xô viết Hunggari ngay từ đầu đã bị tấn công và nằm trong vòng vây của các nước tư bản thù địch. Cuộc tấn công từ bên ngoài của các nước đế quốc, sự phá hoại bên trong của các phần tử xã hội dân chủ, rồi những sai lầm "ấu trĩ" của những người cộng sản đã dẫn đến sự sụp đồ của nước Cộng hòa xô viết ngày 1-8-1919, sau 133 ngày tồn tại.

Phong trào cách mạng của giai cấp công nhân cũng diễn ra sôi nổi ở các nước Anh, Pháp, Italia, Nhật Bản, Mĩ... Qua cao trào cách mạng 1918-1923, nhiều đảng cộng sản đã thành lập : Đảng Cộng sản Pháp (1920), Đảng Cộng sản Anh (1920), Đảng Cộng sản Italia (1921), Đảng Cộng sản Mĩ (1919) v.v..

? – *Hãy phân tích tính chất của cuộc Cách mạng tháng 11 ở Đức.*

2. Quốc tế Cộng sản thành lập

Thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga và sự ra đời của nhiều đảng cộng sản đã tạo những tiền đề đề tiến tới thành lập một tổ chức quốc tế mới đảm đương sứ mệnh lãnh đạo phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đang ngày càng phát triền mạnh mẽ lúc này.

Với sự hoạt động bền bỉ, tích cực của V.I. Lênin và Đảng Cộng sản (Bônsêvich) Nga, ngày 2-3-1919, *Đại hội thành lập Quốc tế Cộng sản* (thường gọi là Quốc tế thứ ba) đã khai mạc ở Matxcơva.

Trong suốt quá trình tồn tại của mình (1919–1943), Quốc tế Cộng sản đã tiến hành 7 lần đại hội, qua đó vạch ra đường lối chiến lược, sách lược cách mạng kịp thời cho từng thời kì phát triển của phong trào cách mạng thế giới. Tại Đại hội lần thứ II (1920), Quốc tế Cộng sản đã thông qua *Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* do Lênin dự thảo. Luận cương của Lênin đã vạch ra đường lối chiến lược, sách lược đúng đắn của cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại chúng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tìm thấy ở đó con đường cứu nước, giải phóng cho nhân dân Việt Nam.

Trước sự xuất hiện của chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh do bọn phát xít gây nên, tháng 7–1935, Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản đã họp, vạch rõ "*chủ nghĩa phát xít là nền chuyên chính khủng bố công khai của những phần tử phản động nhất, sô vanh nhất và đế quốc chủ nghĩa nhất của tư bản tài chính*", muốn chiến thắng chủ nghĩa phát xít phải thống nhất lực lượng giai cấp công nhân, trên cơ sở đó thành lập *Mặt trận nhân dân chống phát xít và chiến tranh.*

Năm 1943, nhận thấy sự tồn tại và hoạt động của mình không phù hợp với tình hình mới, Quốc tế Cộng sản tuyên bố tự giải tán. Quốc tế Cộng sản đã đóng góp nhiều công lao đối với cách mạng thế giới, nhất là trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít.

? – *Hãy nêu ngắn gọn hoàn cảnh ra đời và những hoạt động của Quốc tế Cộng sản mà em biết.*

3. Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và chiến tranh (1929-1939)

Trước thảm họa của chủ nghĩa phát xít và cuộc chiến tranh thế giới mới mà bọn phát xít đang cố tình gây ra, dưới sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, phong trào đấu tranh thành lập *Mặt trận nhân dân chống phát xít và chiến tranh* đã lan rộng ở nhiều nước tư bản.

Ở *Pháp*, ngày 6– 2– 1934, bọn phát xít "Chữ thập lửa" gồm 20 000 tên có vũ trang đã xông vào trụ sở Quốc hội, đòi giải tán quốc hội, lật đổ chính phủ và thiết lập chế độ phát xít. Trong khi chính phủ Pháp lúng túng, định nhượng bộ, Đảng Cộng sản Pháp đã kịp thời huy động công nhân xuống đường, đánh bại lực lượng phát xít. Tháng

5-1935, theo sáng kiến của Đảng Cộng sản, *Mặt trận nhân dân chống chủ nghĩa phát xít* được thành lập, bao gồm Đảng Cộng sản, Đảng Xã hội và nhiều đảng phái, đoàn thể chính trị khác. Tháng 1-1936, cương lĩnh của Mặt trận nhân dân được công bố với nhiều nội dung và điều khoản tiến bộ. Trong cuộc tổng tuyển cử tháng 5-1936, Mặt trận nhân dân thu được thắng lợi lớn và chính phủ của Mặt trận được thành lập, do Lêông Bơlum, lãnh tụ Đảng Xã hội đứng đầu. Chính phủ Lêông Bơlum đã thực hiện một số chính sách tiến bộ theo cương lĩnh của Mặt trận nhân dân. Thắng lợi của Mặt trận nhân dân Pháp đã nêu lên những bài học kinh nghiệm quý giá trong việc đánh bại chủ nghĩa phát xít.

Ở *Tây Ban Nha*, tháng 2-1936, Mặt trận nhân dân cũng thu được thắng lợi trong tổng tuyển cử và Chính phủ của Mặt trận nhân dân được thành lập. Tháng 7-1936, bọn phát xít Tây Ban Nha do tướng Phơrăngcô cầm đầu, đã nổi loạn trong toàn quốc. Để giúp đỡ bọn phát xít Tây Ban Nha, chính phủ phát xít Đức và Italia đã trắng trợn đưa hàng chục vạn quân với máy bay, xe tăng sang can thiệp, xâm lược nước Cộng hòa Tây Ban Nha. Chiến tranh Tây Ban Nha đã trở thành một cuộc đấu tranh giữa các lực lượng dân chủ và phát xít trên thế giới. Những người tình nguyện từ 54 nước đã sang chiến đấu bên cạnh các chiến sĩ cách mạng Tây Ban Nha.

Cuộc chiến tranh chống phát xít của nhân dân Tây Ban Nha tiếp diễn từ năm 1936 đến năm 1939, cuối cùng bị thất bại do Đảng Cộng sản chưa nắm được quyền lãnh đạo hoàn toàn trong chính phủ và quân đội, cũng do so sánh lực lượng trên trường quốc tế lúc này không có lợi cho cách mạng Tây Ban Nha.

?

1. *Tại sao nhân dân Pháp có thể đánh bại được chủ nghĩa phát xít ở Pháp ?*
2. *Em hãy nói ngắn gọn cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít của nhân dân Tây Ban Nha trong những năm 1936–1939. Nguyên nhân thất bại của chiến tranh cách mạng Tây Ban Nha ?*
3. *Giữa cao trào cách mạng 1918–1923 và phong trào cách mạng trong những năm 1929–1939, em thấy có sự khác nhau như thế nào về nội dung và tính chất ?*

II - PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC Ở CÁC NƯỚC THUỘC ĐỊA VÀ PHỤ THUỘC

4. Mông Cổ, Trung Quốc

Sau Cách mạng Tân Hợi năm 1911, thừa cơ triều đình Mãn Thanh sụp đổ, *Mông Cổ* tuyên bố tự trị, nhưng thực tế vẫn lệ thuộc chặt chẽ vào bọn phong kiến quân phiệt Trung Quốc. Tháng 9-1919, tên quân phiệt Từ Trụ Thanh lại đưa quân tiến vào thủ đô Uôcga (UlanBato ngày nay), buộc vua Mông Cổ Bôcđô Ghêghen phải từ bỏ quyền tự trị. Cuối năm 1920, được sự giúp đỡ của Nhật Bản, tướng bạch vệ Unghec tiến quân vào Mông Cổ, đánh đuổi bọn quân phiệt Trung Quốc ra khỏi Uôcga. Mông Cổ lại rơi vào ách thống trị của bọn bạch vệ Unghec và miền Bắc vẫn nằm dưới ách chiếm đóng của quân đội Trung Quốc.

Với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản Nga và chính phủ Nga xô viết, ngày 1-3-1921, Đảng Nhân dân cách mạng Mông Cổ thành lập. Sau đó, ngày 13-3, chính phủ nhân dân lâm thời Mông Cổ và quân đội nhân dân Mông Cổ cũng được thành lập. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân cách mạng và Tổng tư lệnh Xukhê Bato, quân đội cách mạng Mông Cổ đã đánh đuổi quân đội chiếm đóng Trung Quốc ra khỏi miền Bắc Mông Cổ. Tháng 7-1921, cùng phối hợp với Hồng quân Nga, quân đội Mông Cổ đã bắt được tướng bạch vệ Unghec, sau đó giải phóng toàn Mông Cổ.

Tháng 5-1924, sau khi vua Bôcđô Ghêghen chết, nhân dân Mông Cổ xóa bỏ chế độ quân chủ và thành lập nước *Cộng hòa nhân dân Mông Cổ*, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên trên thế giới. Đại hội Đảng Nhân dân cách mạng Mông Cổ họp năm 1924 đã vạch ra đường lối đưa Mông Cổ tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Ở Trung Quốc, phong trào Ngũ Tứ nổ ra ngày 4-5-1919, mở đầu bằng cuộc biểu tình của 5 000 học sinh yêu nước Bắc Kinh nhằm chống lại âm mưu xâu xé Trung Quốc của các đế quốc. Cuộc biểu tình của học sinh Bắc Kinh đã nhanh chóng lôi kéo theo đông đảo học sinh và các tầng lớp nhân dân trong nhiều thành phố xuống đường đấu tranh. Chính phủ quân phiệt Bắc Kinh tiến hành đàn áp, bắt giam hơn 1 000 học sinh yêu nước. Ngày 3-6, biết tin khủng bố của bọn cầm quyền, công nhân Thượng Hải quyết định bãi công. Hưởng ứng cuộc bãi công của công nhân Thượng

Hải, công nhân các ngành ở Thiên Tân, Nam Kinh, Vũ Hán,... cũng lần lượt bãi công, lôi kéo theo thương nhân bãi thị và học sinh bãi khóa, làm tê liệt mọi sinh hoạt trong các thành phố lớn. Phong trào bãi công to lớn và lan rộng của công nhân đã buộc chính phủ Trung Quốc phải thả tất cả các học sinh yêu nước bị giam giữ.

Phong trào Ngũ Tứ đánh dấu thời kì giai cấp công nhân Trung Quốc đã trở thành một lực lượng chính trị độc lập và bắt đầu bước lên vũ đài chính trị, tạo điều kiện cho chủ nghĩa Mác–Lênin được truyền bá rộng rãi ở Trung Quốc. Được sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản, *ngày 1-7-1921, Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập.*

Trong những năm 1925–1927, Đảng Cộng sản hợp tác với Quốc dân đảng để tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng nhằm đánh đổ bọn quân phiệt, tay sai của đế quốc, đang chia nhau thống trị các vùng khác nhau ở Trung Quốc.

Tháng 7–1926, quân đội cách mạng tiến lên phía bắc đánh bọn quân phiệt (do đó gọi là *chiến tranh Bắc phạt*). Được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân, chỉ trong vòng nửa năm, quân đội cách mạng đã giải phóng được khu vực rộng lớn ở miền Nam Trường Giang. Trong khi chiến tranh cách mạng đang tiến triển thắng lợi, thế lực cực hữu trong Quốc dân đảng do Tưởng Giới Thạch cầm đầu đã cấu kết với đế quốc, phong kiến để chống lại cách mạng. Ngày 12–4–1927, sau khi công nhân Thượng Hải tiến hành khởi nghĩa lật đổ bọn cầm quyền, đạo quân do Tưởng Giới Thạch chỉ huy đã tiến vào thành phố, tước vũ khí công nhân và gây ra vụ thảm sát đẫm máu, mở đầu cho những hoạt động công khai chống phá cách mạng. Sau đó, ở Quảng Đông, Giang Tô, Phúc Kiến v.v., phái phản động cũng liên tiếp gây ra những cuộc đảo chính đầy tội ác. Ngày 18–4–1927, Tưởng Giới Thạch thành lập chính phủ ở Nam Kinh. Đến tháng 7–1927, chính quyền đã hoàn toàn rơi vào tay Tưởng Giới Thạch, cuộc chiến tranh Bắc phạt đã thất bại.

Sau chiến tranh Bắc phạt, tập đoàn Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch đã thiết lập ở Trung Quốc một nền thống trị phản động đại diện cho quyền lợi của bọn phong kiến, tư sản mại bản và đế quốc, khủng bố dã man những người yêu nước và tàn sát hàng vạn chiến sĩ cộng sản. Trước tình hình này, tháng 8–1927, Trung ương Đảng Cộng sản họp hội nghị khẩn cấp, phê phán đường lối sai lầm hữu khuynh của Trần Độc Tú, bãi bỏ chức vụ lãnh đạo Đảng của Trần Độc Tú và quyết định khởi nghĩa vũ trang, tiến hành cách mạng ruộng đất ở nông thôn và lật đổ nền thống trị phản động Quốc dân đảng. Sau cuộc khởi nghĩa Nam Xương (1–8–1927) và những cuộc khởi nghĩa ở các thành thị miền Nam cuối năm 1927 bị thất bại, Đảng Cộng sản

truongxua.vn

chuyền về nông thôn, phát động nông dân nổi dậy, thành lập chính quyền xô viết, Hồng quân công nông và tiến hành cách mạng ruộng đất.

Trong những năm 1928–1930, Đảng Cộng sản đã lãnh đạo tiến hành cách mạng ruộng đất, phát động chiến tranh du kích và xây dựng được hơn mười khu xô viết (căn cứ địa cách mạng) ở 10 tỉnh Trung Quốc. Tưởng Giới Thạch đã tổ chức bốn lần vây quét lớn nhằm tiêu diệt các khu xô viết, nhưng đều thất bại. Trong cuộc vây quét lần thứ năm (1933–1934), do nội bộ Đảng Cộng sản bị chia rẽ thành nhiều phe phái tranh giành quyền lực lẫn nhau, mặt khác, do thực hiện đường lối quân sự sai lầm (nặng về rút lui, phòng ngự), cách mạng đã bị tổn thất nặng nề, các khu xô viết mất hết, lực lượng vũ trang cách mạng bị thiệt hại nghiêm trọng. Tháng 10–1934, Hồng quân công nông phải tiến hành cuộc phá vây, rút lên phía bắc (thường gọi là cuộc *Vạn lí trường chinh*). Trên đường hành quân, tại hội nghị Tuân Nghĩa (tỉnh Quý Châu) họp tháng 1–1935, Mao Trạch Đông đã lên nắm quyền lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Tháng 7–1937, Nhật Bản phát động cuộc chiến tranh xâm lược nhằm thôn tính toàn Trung Quốc. Trước nguy cơ dân tộc, Đảng Cộng sản Trung Quốc chủ động đề nghị với Quốc dân đảng đình chỉ nội chiến, lại cùng hợp tác với nhau chống Nhật. Trước áp lực đấu tranh của nhân dân, tháng 9–1937, Quốc dân đảng buộc phải hợp tác với Đảng Cộng sản thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật.

thuonghaitr

Cũng từ đó, cách mạng Trung Quốc chuyền sang thời kì kháng chiến chống Nhật Bản xâm lược.

? – *Cách mạng Mông Cổ đã diễn ra như thế nào và ý nghĩa của nó ?*

5. Ấn Độ, các nước Đông Nam Á

Ở Ấn Độ, nạn đói và dịch bệnh khủng khiếp năm 1919 làm chết 12 triệu người, rồi sau đó cuộc khủng hoảng kinh tế tai hại 1920–1921 do hậu quả của chiến tranh thế giới thứ nhất đã dẫn đến cao trào cách mạng bùng nổ ở Ấn Độ trong những năm 1919-1922.

Việc lãnh đạo cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Ấn Độ nằm trong tay giai cấp tư sản và chính đảng của nó là Đảng Quốc đại. Lãnh tụ : *M. Găngđi.* Xuất phát từ hai nguyên tắc căn bản của giáo lí Ấn Độ giáo – *"Không làm điều ác"* và *"Kiên trì chân lí"* –, M. Găngđi xây dựng thành tư tưởng triết học và đường lối cách mạng của mình : đường lối "không hợp tác", "không bạo lực", M. Găngđi kiên trì đấu tranh đòi đế quốc Anh trao trả độc lập cho dân tộc Ấn Độ.

Năm 1919, làn sóng bãi công lan rộng khắp Ấn Độ ; ở Bombay đã diễn ra tổng bãi công chính trị, và lần đầu tiên công nhân tham gia đấu tranh đã giương cao cờ đỏ.

> Ngày 30–3–1919, cuộc tổng bãi công, bãi thị, bãi khóa nổ ra ở Amritxa. Theo đường lối "không hợp tác" của Găngđi, không còn một hoạt động nào trong thành phố : công chức nghỉ làm việc, thương nhân không họp chợ, học sinh không đến trường, nhân dân "tẩy chay" không dùng hàng hóa của Anh và chỉ dùng hàng nội hóa. Cuộc đấu tranh của nhân dân Amritxa diễn ra một cách hòa bình. Ngày 12–4–1919, quân đội thực dân Anh bao vây và nổ súng bắn vào quần chúng biểu tình hòa bình, giết 379 người, làm bị thương 1 200 người.

Vụ thảm sát Amritxa đã gây nên căm phẫn sâu sắc trong nhân dân Ấn Độ và phong trào phản kháng lan ra khắp nơi. Trong tháng 4 và tháng 5 năm 1919, ở nhiều nơi đã nổ ra khởi nghĩa. Tháng 2–1922, ở thành phố Sêri Sôra, nhân dân nổi dậy đốt cháy đồn cảnh sát, làm 22 tên cảnh sát Anh bị chết.

Thấy cuộc đấu tranh của quần chúng lúc này đã vượt quá đường lối "không bạo lực" của Găngđi, Đảng Quốc đại ra lời kêu gọi quần chúng chấm dứt đấu tranh.

Năm 1930, khi cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới lan tới Ấn Độ, Găngđi và Đảng Quốc đại lại phát động phong trào "không hợp tác" để chống lại chính sách "trút gánh nặng khủng hoảng" cho nhân dân Ấn Độ của nhà cầm quyền Anh.

Để phản đối chính sách độc quyền muối của thực dân Anh, Găngđi phát động một phong trào "tự nấu muối để dùng".

Nhà cầm quyền Anh điều quân đội, cảnh sát tới đàn áp đẫm máu những người nấu muối và bán muối. 60 ngàn người đã bị bắt giữ và ngày 4–5–1930, bản thân Găngđi cũng bị bắt vào tù. Được tin, quần chúng phẫn nộ nổi dậy đấu tranh, vượt ra khỏi quỹ đạo "bất bạo động". Giữa năm 1930, ở hai thành phố Petsava và Sôlapua, đã nổ ra cuộc khởi nghĩa của nhân dân. Ở nông thôn, nông dân cũng liên tiếp nổi dậy đấu tranh quyết liệt.

Năm 1931, để xoa dịu phong trào cách mạng, nhà cầm quyền Anh đã mời Găngđi sang Luân Đôn đàm phán, kí kết hiệp ước trong đó

uongxua.vn

quy định chính phủ Anh sẽ triệu tập một hội nghị bàn về hiến pháp Ấn Độ và Đảng Quốc đại có trách nhiệm chấm dứt phong trào đấu tranh của quần chúng.

Cao trào cách mạng ở Ấn Độ đến đây chấm dứt.

Tại *Đông Nam Á*, phong trào cách mạng cũng lên cao ở nhiều nước. Ở *Inđônêxia*, phong trào công nhân phát triển và năm 1920, Đảng Cộng sản Inđônêxia được thành lập. Tháng 1 năm 1926, cuộc khởi nghĩa vũ trang lớn đã nổ ra ở thủ đô Giacacta, rồi lan ra toàn đảo Giava và đảo Xumatơra. Cuộc khởi nghĩa do Đảng lãnh đạo cuối cùng bị thất bại vì không được chuẩn bị đầy đủ và tình thế chưa chín muồi.

Ở *Miến Điện*, một phong trào khởi nghĩa nông dân to lớn đã diễn ra kéo dài từ cuối năm 1930 đến mùa xuân 1932.

Ở *Philippin*, cao trào đấu tranh chống sự thống trị của đế quốc và ách bóc lột của địa chủ đã bùng nổ năm 1931, buộc Mĩ phải trao trả quyền tự trị cho nước này.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1930 đánh dấu bước ngoặt phát triển của cách mạng *Việt Nam, Lào, Campuchia*. Cũng từ đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cách mạng ba nước Đông Dương có sự gắn bó mật thiết với nhau và không ngừng phát triển.

thuongmaitr

?

1. Em có nhận xét như thế nào về sự phát triển của cách mạng Ấn Độ và vai trò lãnh đạo của Đảng Quốc đại trong những năm 1918–1939 ?

2. Diễn biến và ý nghĩa của phong trào Ngũ Tứ ?

3. Tại sao hai cuộc nội chiến cách mạng 1926–1927 và 1927–1937 ở Trung Quốc bị thất bại ?

4. Từ sau Cách mạng tháng Mười, cách mạng thế giới đã có những chuyển biến gì mới ?

Chương IV

CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ YẾU TRONG NHỮNG NĂM 1918-1939

Bài 13

CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ YẾU TRONG NHỮNG NĂM 1918 - 1939

I - NHỮNG NÉT CHUNG

1. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong những năm 1918-1939

Trong thời kì giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918–1939), hệ thống tư bản chủ nghĩa đã trải qua những giai đoạn thăng trầm sau đây : giai đoạn khủng hoảng kinh tế, chính trị 1918– 1923 ; giai đoạn ổn định về chính trị và phát triển nhanh về kinh tế 1924–1929 ; giai đoạn khủng hoảng kinh tế thế giới 1929–1933 dẫn đến khủng hoảng chính trị, chủ nghĩa phát xít lên cầm quyền ở một số nước và Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

truongxua.vn

Giai đoạn 1918-1923 được đánh dấu bằng cuộc khủng hoảng kinh tế (1920–1921) và cao trào cách mạng bùng nổ ở hầu khắp các nước tư bản, đế quốc và các nước thuộc địa, nửa thuộc địa.

Chiến tranh thế giới 1914–1918 và thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga đã gây nên những hậu quả hết sức nặng nề đối với hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới.

Sau chiến tranh, các nước thắng trận và bại trận đều bị suy sụp về *kinh tế*. Nước *Pháp*, tuy chiến thắng nhưng bị tổn thất rất nặng nề với 1,5 triệu người chết, 10 tỉnh công nghiệp phát triển nhất bị tàn phá, tổng số thiệt hại lên tới 200 tỉ phơrăng. Nước *Đức* bại trận, với *"hòa ước Vecxai"* đã phải gánh chịu một hậu quả nặng nề nhất : mất hết thuộc địa, phải cắt nhượng cho nước ngoài 1/8 lãnh thổ nước mình và phải trả những khoản bồi thường chiến tranh to lớn. Tình hình Italia, Nhật, Anh... cũng tương tự.

Mặt khác, sau khi chiến tranh kết thúc, các đế quốc thắng trận đã triệu tập hội nghị Vecxai, rồi hội nghị Oasinhtơn, qua đó kí kết các hòa ước và hiệp ước bất bình đẳng(1), xâm phạm nghiêm trọng đến lãnh thổ, chủ quyền

---

(1) "Hội nghị hòa bình Pa ri" họp tại cung Vecxai (ngoại ô Pari) từ tháng 1–1919 đến tháng 1–1920. Qua tranh cãi gay gắt, cuối cùng các nước thắng trận đi đến thỏa thuận kí kết các hòa ước với các nước bại trận : hòa ước Vecxai với Đức ; hòa ước Xanh Giecmanh

dân tộc và quyền lợi kinh tế của các nước bại trận, nhằm tạo một hệ thống quy chế phân chia lại thế giới cho phù hợp với so sánh lực lượng mới, thường được gọi là *"hệ thống Vecxai - Oasinhtơn"*. Hệ thống này đã tạo ra những mâu thuẫn sâu sắc mới trong nội bộ các nước tư bản, đế quốc: những nước *"thỏa mãn"* với hệ thống này như Anh, Pháp, Mĩ..., và những nước *"bất mãn"* như Đức, Italia, Nhật Bản...

Trong những năm 1924-1929, bằng những biện pháp đàn áp và chia rẽ, mua chuộc về chính trị (thông qua các Đảng Xã hội Dân chủ), giai cấp tư sản cầm quyền ở các nước tư bản đã đẩy lùi được cao trào cách mạng và ổn định lại được nền thống trị của chúng. Cách mạng thế giới lúc này bước vào thời kì thoái trào, tuy ở một số ít nước thuộc địa và nửa thuộc địa, cách mạng tiếp tục phát triển. Về kinh tế, sau khi phục hồi lại được mức sản xuất trước chiến tranh, từ 1924 trở đi, nền sản xuất công nghiệp của các nước tư bản đã phát triển nhanh chóng (từ 1924 đến 1929 tăng 26%, nhanh nhất là *Mĩ*).

Đây là thời kì "hoàng kim" của tư bản Mĩ. Từ năm 1923 đến năm 1929, sản lượng công nghiệp Mĩ tăng 69%, năm 1928, vượt quá sản lượng công nghiệp của cả châu Âu và chiếm 48% tổng sản lượng công nghiệp toàn thế giới. Năm 1928, Mĩ sản xuất được 57% máy móc, 51,5% thép và 70% dầu lửa của thế giới. Về tài chính, Mĩ nắm trong tay 60% dự trữ vàng của thế giới, trở thành trung tâm kinh tế, tài chính thế giới.

Nhưng sự ổn định về chính trị và phát triển về kinh tế của các nước tư bản chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn.

Năm 1929, cuộc đại khủng hoảng kinh tế nổ ra trong toàn thế giới tư bản chủ nghĩa, đẩy hệ thống tư bản chủ nghĩa lâm vào một thời kì khó khăn, đen tối chưa từng có.

? – *Chiến tranh thế giới 1914–1918 và thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga đã gây nên những hậu quả nặng nề như thế nào đối với hệ thống tư bản chủ nghĩa ?*

---

với Áo ; hòa ước Nơii với Bungari ; hòa ước Trianông với Hunggari và hòa ước Xevơrơ với Thổ Nhĩ Kì.

Hội nghị Oasinhtơn, họp từ tháng 11-1921 đến tháng 2-1922, đã kí kết : hiệp ước 4 nước (Mĩ, Anh, Nhật, Pháp), hiệp ước 9 nước (Mĩ, Anh, Pháp, Italia, Bỉ, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Nhật Bản, Trung Quốc) và hiệp ước 5 nước (Mĩ, Anh, Pháp, Italia, Nhật Bản). Nội dung của những hòa ước, hiệp ước này nhằm phân chia lại thế giới sau chiến tranh, trong đó các nước Anh, Pháp, Mĩ giành được nhiều quyền lợi nhất.

thuongmaitr

2. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 và những hậu quả của nó

Ngày 24-10-1929 – *"ngày thứ năm đen tối"*, khủng hoảng kinh tế nổ ra đầu tiên ở Mĩ, sau đó lan ra khắp thế giới tư bản chủ nghĩa. Đây là cuộc khủng hoảng "thừa" do sản xuất ồ ạt, chạy đua theo lợi nhuận trong những năm phát triển kinh tế 1924–1929 dẫn đến tình trạng hàng hóa ế thừa, cung vượt quá xa cầu. Cuộc khủng hoảng kinh tế này kéo dài mãi đến năm 1933 mới chấm dứt, là cuộc khủng hoảng kéo dài nhất, tàn phá nặng nề nhất và gây nên những hậu quả chính trị, xã hội tai hại nhất trong lịch sử của chủ nghĩa tư bản.

Ở Mĩ, trong những năm 1929–1933, có 13 vạn công ti bị phá sản, 10 000 ngân hàng phải đóng cửa, sản lượng thép sụt 76%, sắt 79,4%, ô tô 80%. Thu nhập nông nghiệp năm 1932 chỉ bằng 1/2 năm 1929.

Để giữ giá cả hàng hóa cao, trong khi nhân dân lao động đang thiếu thốn, nghèo đói, bọn chủ tư bản đã phá hủy một khối lượng khổng lồ các phương tiện sản xuất và hàng hóa tiêu dùng. Ở Mĩ, năm 1931, người ta đã phá hủy những lò cao có thể sản xuất ra 1 triệu tấn thép trong một năm, đánh đắm 124 tàu biển (trọng tải khoảng 1 triệu tấn), phá bỏ 1/4 tổng số diện tích trồng bông, giết và vứt đi không sử dụng 6,4 triệu con lợn. Ở Braxin, năm 1933, 22 triệu bao cà phê bị liệng xuống biển ; ở Xâylan, gần 100 triệu kilôgam chè bị đốt v.v..

ruongxua.vn

Để đối phó lại cuộc khủng hoảng kinh tế và đàn áp phong trào cách mạng, ngoài những chính sách và biện pháp về kinh tế thông thường ra, giai cấp tư sản cầm quyền ở các nước tư bản đã lựa chọn hai lối thoát : 1– Các nước Đức, Italia, Nhật Bản... không có hoặc có ít thuộc địa, thiếu vốn, nguyên liệu và thị trường nên *đi theo con đường chủ nghĩa phát xít* để đối nội, đàn áp được phong trào cách mạng và đối ngoại, tiến hành chiến tranh phân chia lại thế giới ; 2– Các nước Mĩ, Anh, Pháp... vì có thuộc địa, vốn và thị trường, có thể thoát ra khỏi khủng hoảng bằng những chính sách cải cách kinh tế – xã hội một cách ôn hòa, cho nên chủ trương tiếp tục duy trì nền dân chủ đại nghị, duy trì nguyên trạng hệ thống Vecxai–Oasinhtơn.

Như thế, cuộc khủng hoảng kinh tế 1929–1933 đã dẫn đến sự ra đời của hai khối đế quốc đối lập, sự xuất hiện và lên cầm quyền của chủ nghĩa phát xít, và thảm họa chiến tranh do bọn phát xít gây ra để phân chia lại thế giới.

? *1. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929–1933 đã diễn ra với những đặc điểm như thế nào ?*

tinh thần Võ sĩ đạo, mang màu sắc phong kiến, tôn thờ Thiên hoàng, sùng bái sức mạnh, thích thú những hoạt động chém giết, khủng bố, nhưng thực chất đều là những tổ chức hoặc công cụ tay sai của các tập đoàn tư bản khác nhau.

Để phát xít hóa nền thống trị và tiến hành chiến tranh bành trướng ra bên ngoài, các tập đoàn tư bản lũng đoạn Nhật đã dựa vào các thế lực quân phiệt này để thực hiện âm mưu, ý đồ của chúng. Cũng vì thế, ở Nhật Bản, chủ nghĩa quân phiệt đã được phát xít hóa trong những năm 30 và nửa đầu 40.

Mặt khác, quá trình phát xít hóa ở Nhật Bản đã kéo dài nhiều năm, thông qua những cuộc đảo chính đẫm máu, do sự đấu tranh của các tập đoàn tư bản và các thế lực quân phiệt khác nhau gây nên. Cuộc đảo chính ngày 26-2-1936 do "Phái sĩ quan trẻ" làm nòng cốt đã sát hại 80 chính khách cao cấp, trong đó có cựu thủ tướng Saitô và 5 bộ trưởng đương nhiệm, đánh dấu sự hoàn thành quá trình phát xít hóa ở Nhật. Sau cuộc đảo chính này, ngày 25-11-1936 Nhật Bản kí với phát xít Đức "Hiệp ước chống Quốc tế Cộng sản", và ngày 7-7-1937, phát động cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn trên toàn Trung Quốc.

? – *Hãy nêu rõ những đặc điểm riêng biệt của quá trình phát xít hóa ở Nhật Bản.*

thuongmaitr

5. Chủ nghĩa phát xít Đức

Chủ nghĩa phát xít xuất hiện ở Đức vào thời điểm lịch sử khi cách mạng đã lật đổ chế độ quân chủ do vua Vinhem II cầm đầu và đang chứa đựng những khả năng để chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa như ở Nga năm 1917.

Tháng 8-1919, Hitle, nguyên là hạ sĩ trong quân đội, một người có nhiều dã tâm và tham vọng, đã gia nhập "Đảng Công nhân Đức". Sau đó không lâu, nhờ nhiều thủ đoạn, y trở thành thủ lĩnh của đảng này. Hitle cải tổ lại đảng, đổi tên thành "*Đảng Công nhân quốc gia xã hội chủ nghĩa*" (gọi tắt là Đảng Quốc xã) và đề ra "cương lĩnh 25 điều" của đảng.

Ngày 8-11-1923, đảng phát xít của Hitle tổ chức cuộc đảo chính ở Bayec (thường gọi "Vụ phiến loạn tiệm bia". Nhưng các tập đoàn tư bản lũng đoạn cầm quyền lúc này chưa ủng hộ Đảng Quốc xã cho nên cuộc đảo chính bị dập tắt. Hitle bị xử tội 5 năm tù. Ngồi trong tù hơn một năm (thực ra sống thoải mái trong một căn phòng sang trọng), Hitle viết cuốn "Cuộc chiến đấu của tôi", qua đó trình bày một cách hoàn chỉnh lí luận và đường lối của chủ nghĩa phát xít Đức. Sau đó y được thả.

Năm 1929, khủng hoảng kinh tế nổ ra ở Đức, đẩy nước Đức vào tình trạng suy sụp nghiêm trọng về mọi mặt. Sản xuất công nghiệp năm 1932 giảm sút 59,8% so với năm 1929 (tụt xuống mức năm 1896), công suất máy móc chỉ sử dụng hết 40%, tám triệu công nhân thất nghiệp (chiếm 22,2% tổng số công nhân), ngân hàng phá sản, tài chính hỗn loạn, mâu thuẫn xã hội và đấu tranh giai cấp trở nên hết sức gay gắt.

Trước tình hình này, bọn phát xít hoạt động ráo riết để lên nắm chính quyền. Còn bọn tư bản lũng đoạn cầm quyền thì thấy hình thức "Cộng hòa tư sản Vâyma" và "con bài" Đảng Xã hội Dân chủ không phù hợp với quyền lợi của chúng nữa nên quay sang ủng hộ Hitle và Đảng Quốc xã.

Ngày 30-1-1933, đúng lúc khủng hoảng kinh tế lên tới đỉnh cao nhất, dưới sức ép của "Câu lạc bộ các ông chủ", Tổng thống Hinđenbua mời Hitle làm thủ tướng chính phủ.

Vừa lên cầm quyền, Hitle dựng ngay lên "Vụ đốt cháy nhà Quốc hội" qua đó lấy cớ khủng bố, tàn sát những người cộng sản. Sau đấy, y cấm và khủng bố tất cả các đảng phái chính trị, kể cả công đoàn. Hitle giải tán Quốc hội và mọi cơ quan chính quyền cũ, thủ tiêu mọi quyền tự do dân chủ. Thay vào đó là một nền "chuyên chế độc tài khủng bố công khai" mà Hitle là *"thủ lĩnh tối cao và tuyệt đối"*. Dưới bàn tay "sắt" của Hitle, nước Đức biến thành *"một nhà tù và một trại lính"*. Năm 1935, với luật cưỡng bức tòng quân, Hitle đã xây dựng 36 sư đoàn quân thường trực, cùng các đơn vị S.A. (đơn vị xung kích) và S.S. (đơn vị cảnh vệ) rải ra khắp đất nước, bên cạnh đó là các nhà tù, trại giam, trại an trí (dưới thời Hitle, 2,5 triệu người bị cầm tù).

Về chính sách đối ngoại, ngay sau khi Hitle lên cầm quyền, Đức rút ra khỏi Hội Quốc Liên để tránh mọi sự ràng buộc quốc tế. Năm 1936, quân đội phát xít Đức đã tiến vào Tây Ban Nha để giúp đỡ bọn phát xít Phơrăngcô đàn áp cách mạng Tây Ban Nha. Ngày 25-11-1936, phát xít Đức kí với Nhật Bản "Hiệp ước chống Quốc tế Cộng sản", sau đó phát xít Italia tham gia hiệp ước này ; thế là hình thành khối phát xít Đức - Italia - Nhật Bản nhằm tiến tới phát động cuộc chiến tranh để phân chia lại thế giới.

ruongxua.vn

Như thế, tuy mang những hình thức và đặc điểm riêng biệt khác nhau, nhưng chủ nghĩa phát xít ở Italia, Đức, Nhật Bản đều có chung một bản chất thống nhất – đó là *nền chuyên chính khủng bố công khai của những phần tử phản động nhất, sô vanh nhất, đế quốc chủ nghĩa nhất của tư bản tài chính.* Chủ nghĩa phát xít có nghĩa là chiến tranh.

? *1. Sau khi lên cầm quyền, bọn phát xít Hitle đã thực hiện chính sách đối nội, đối ngoại như thế nào ?*

2. Em có nhận xét gì về sự khác nhau trong quá trình phát xít hóa ở Italia, Nhật Bản và Đức ?

3. Hãy nêu những dẫn chứng về tội ác mà chủ nghĩa phát xít Đức, Italia, Nhật Bản đã gây ra cho nhân loại mà em biết.

4. Em hiểu như thế nào về câu nói của Ecnet Tenlơman : "Chủ nghĩa phát xít có nghĩa là chiến tranh" ?

thuongmaitr

Chương V

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939-1945)

Bài 14

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939-1945)

I - NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN CHIẾN TRANH - TỪ NGÀY CHIẾN TRANH BÙNG NỔ ĐẾN CUỐI NĂM 1942

1. Quan hệ quốc tế dẫn đến chiến tranh

Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929–1933 đã phân chia các nước đế quốc thành hai khối đối lập : 1– Khối các nước phát xít Đức, Italia, Nhật Bản ; 2– Khối các nước Mĩ, Anh, Pháp. Mâu thuẫn về quyền lợi và đấu tranh trên mọi lĩnh vực giữa hai khối Đức – Italia – Nhật Bản và Mĩ – Anh – Pháp ngày càng trở nên sâu sắc, gay gắt. Nhưng bên cạnh đó, cả hai khối đế quốc này cùng thù địch với Liên Xô, coi Liên

Xô là kẻ thù cần tiêu diệt. Như thế, trong quan hệ quốc tế đã diễn ra cuộc đấu tranh chằng chéo, phức tạp giữa hai khối đế quốc đối lập với nhau, giữa hai khối đế quốc với Liên Xô. Trước nguy cơ chiến tranh và thảm họa phát xít, Liên Xô chủ trương cùng các nước Mĩ, Anh, Pháp thành lập Mặt trận thống nhất chống phát xít, chống chiến tranh để bảo vệ hòa bình, dân chủ cho toàn nhân loại. Phía các nước Mĩ, Anh, Pháp nhất mực khước từ đề nghị chính đáng của Liên Xô ; ngược lại họ theo đuổi chính sách "dung dưỡng" và "thỏa hiệp" với khối phát xít Đức–Italia–Nhật Bản, nhằm đẩy các nước này quay sang tấn công Liên Xô. Nhưng trên thực tế, Anh Pháp càng nhân nhượng, thỏa hiệp, bọn phát xít Đức, Italia, Nhật càng ngang ngược lấn tới.

Sau khi thôn tính xong Áo, Hitle hống hách đòi cắt vùng Xuyđet ra khỏi Tiệp Khắc.

Anh, Pháp đã bỏ rơi nước đồng minh Tiệp Khắc để kí kết với Đức, Italia *"Hiệp ước Muynich"* ngày 29–9–1938 [(1)], quyết định trao vùng Xuyđet của Tiệp cho Đức, để đổi lại việc Hitle hứa sẽ tấn công Liên Xô. Nhưng khi thôn tính xong vùng Xuyđet, ngày 15–3–1939, Hitle cho quân đội tràn vào chiếm đóng toàn bộ Tiệp Khắc, sau đó lại đòi đất đai của Ba Lan.

Thấy chưa đủ sức tấn công Liên Xô và thấy các nước Anh, Pháp... nhu nhược, thỏa hiệp, không chuẩn bị, Hitle đã quyết định đánh chiếm các nước châu Âu trước rồi sau đó mới dốc toàn lực đánh Liên Xô. Vì thế, Hitle chủ động đề nghị Liên Xô kí với Đức hiệp ước không xâm phạm lẫn nhau. Vì quyền lợi của đất nước và để nhằm phân hóa kẻ thù, tranh thủ thời gian tạm thời hòa hoãn để xây dựng lực lượng, củng cố quốc phòng, ngày 23–8–1939, Liên Xô đã kí kết với Đức "hiệp ước không xâm phạm lẫn nhau".

Cuối cùng, ngày 1–9–1939, Đức tấn công Ba Lan, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

? – *Hãy rút ra nguyên nhân của Chiến tranh thế giới thứ hai ?*

---

(1) Tại hội nghị Muynich, Mĩ chỉ cử quan sát viên, nhưng đóng vai trò "quân sư" quan trọng.

Hình 10 – Tại hội nghị Muynich (9–1938)

2. Chiến tranh bùng nổ, Đức đánh chiếm châu Âu (1-9-1939 - 22-6-1941)

Ngày 1–9–1939, không tuyên chiến, Đức bất ngờ tấn công xâm chiếm Ba Lan. Hai hôm sau, ngày 3–9–1939, Anh và Pháp tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

Với "Kế hoạch trắng" (Hitle cho thảo ra từ tháng 4–1939), phát xít Đức đã tung vào Ba Lan một lực lượng to lớn : 57 sư đoàn, 2 500 xe tăng, 3 000 máy bay. Do không chuẩn bị sẵn sàng lại bị tấn công bất ngờ, chính phủ tư sản Ba Lan hèn nhát bỏ chạy. Ngày 29–9–1939, thủ đô Vacxava rơi vào tay phát xít Đức.

Tuy đã tuyên chiến với Đức và cam kết giúp đỡ Ba Lan, Anh và Pháp vẫn mang ảo tưởng có thể đi tới một sự "dàn xếp" với Đức quốc xã, do đó không quan tâm lắm đến việc củng cố quốc phòng, tạo điều kiện cho Đức đánh chiếm một loạt các nước Tây Âu, kể cả Pháp.

Sau khi chuẩn bị xong xuôi, *từ tháng 4–1940 đến tháng 6–1940*, Đức tập trung lực lượng đánh chiếm các nước Tây Âu. Ngày 9–4–1940, quân Đức tiến đánh *Na Uy* và *Đan Mạch*. Chính phủ Đan Mạch không kháng cự, ra lệnh cho quân đội hạ vũ khí. Còn Na Uy nhanh chóng bị đánh bại.

Ngày 10–5–1940, quân Đức mở cuộc tấn công ào ạt vào Bỉ, Hà Lan, Lucxămbua và Pháp. Ngày 15–5, quân đội Hà Lan đầu hàng ; chính phủ Hà Lan chạy trốn sang Luân Đôn. Ngày 27–5, đến lượt Bỉ đầu hàng không điều kiện, sau đó là Lucxămbua.

Pháp chủ quan dựa vào "chiến lũy Maginô", nhưng quân Đức đã nhanh chóng vượt qua, sau đó lùa đạo quân Anh–Pháp vào cái "túi Đoongkec" (cực bắc nước Pháp). Gần 34 vạn quân Anh, Pháp bị đại bại, phải vứt lại toàn bộ vũ khí, nhảy xuống tàu chạy thoát thân về Anh. Sau trận thắng lớn này, quân Đức tiến như vũ bão về Pari. Chính phủ Pháp hoảng hốt tuyên bố "bỏ ngỏ" thủ đô và chạy về Boocđô ; rồi một bộ phận do tướng Đờ Gôn cầm đầu bỏ đất Pháp ra nước ngoài, dựa vào Anh, Mĩ tiến hành cuộc kháng chiến chống Đức. Bộ phận còn lại do Pêtanh đứng ra lập chính phủ mới, và ngày 22–6–1940, kí với Đức hiệp ước đầu hàng nhục nhã (Pháp bị tước vũ trang, hơn 3/4 lãnh thổ Pháp bị Đức chiếm đóng và Pháp phải nuôi toàn bộ quân đội chiếm đóng Đức).

Sau khi thắng Pháp và các nước Tây Âu, tháng 7–1940, Hitle tiến hành "Kế hoạch sư tử biển", vờ như dốc toàn lực đổ bộ lên nước Anh, nhưng thực ra chỉ là những đòn nghi binh, còn trên thực tế, Hitle tập trung sức lực chuẩn bị cuộc tấn công tổng lực vào Liên Xô.

Cuối năm 1940 và đầu 1941, để tạo địa bàn chiến lược cho cuộc tiến công Liên Xô, Đức còn lần lượt chiếm đóng các nước vùng Đông và Nam Âu : *Hunggari, Rumani, Bungari* (bằng áp lực ngoại giao) đánh chiếm *Hi Lạp, Nam Tư* và khống chế toàn bộ vùng bán đảo Ban Căng.

Trong khi Đức tấn công đánh bại các nước châu Âu, lợi dụng thời cơ, Italia đánh chiếm các thuộc địa của Anh, Pháp ở Bắc Phi (Xômali, Kênia, Xuđăng và vượt biên giới Libi tiến vào Ai Cập) ; ở Viễn Đông, Nhật tiến quân vào Đông Dương (9–1940) và đầu năm 1941, ép Thái Lan phải ngả theo phe cánh chúng.

? – *Tại sao các nước Tây Âu bị đánh bại nhanh chóng như vậy ?*

3. Đức tấn công Liên Xô. Chiến tranh lan rộng khắp thế giới (từ tháng 6-1941 đến cuối 1942)

Rạng sáng ngày 22–6–1941, không tuyên chiến và cũng không đưa

ra yêu sách gì, phát xít Đức bất thình lình mở cuộc tấn công trên khắp biên giới phía tây của Liên Xô trải dài từ biển Bantích đến biển Đen.

Với "Kế hoạch Bacbarôtxa"(1), Đức đã huy động 190 sư đoàn với 5,5 triệu quân, 3 712 xe tăng, 4 950 máy bay, chia làm ba đạo quân, tiến đánh theo ba hướng chiến lược : đạo phía bắc từ Đông Phổ qua vùng Bantich hướng tới Lêningrat ; đạo trung tâm, từ Đông Bắc Vacxava hướng tới Minxcơ, Xmôlenxcơ và Matxcơva ; đạo phía nam tiến từ Liubơlin hướng tới Kiep và Đônbat. Dự kiến của kế hoạch "sẽ đánh bại nước Nga bằng một cuộc chiến tranh chớp nhoáng trong vòng hai tháng".

Do yếu tố bất ngờ và chiếm ưu thế hơn hẳn về so sánh lực lượng và kinh nghiệm chiến đấu, cho nên quân Đức nhanh chóng tiến sâu vào lãnh thổ Liên Xô. Đến cuối tháng 10-1941, mũi phía bắc đã bao vây Lêningrat, mũi trung tâm tiến sát Matxcơva 20 kilômet, mũi phía nam tới Rôxtôp bên bờ biển Đen. Nhưng cũng là lần đầu tiên quân đội phát xít Đức đã gặp phải một sức kháng cự dũng cảm, ngoan cường của Hồng quân và nhân dân Liên Xô mà chúng không ngờ tới ; chỉ trong hai tháng đầu, chúng đã tổn thất tới 40 vạn người.

Trong tháng 10 và 11, quân đội phát xít ào ạt mở hai đợt tấn công đại quy mô vào Matxcơva, và Hitle đã quyết định ngày 7-11-1941 sẽ "chiếm xong Matxcơva và duyệt binh chiến thắng tại Hồng trường". Nhưng, trong những giờ phút nguy kịch của Tổ quốc, cả nước đã đứng lên bảo vệ thủ đô, trái tim của Tổ quốc xô viết. Các chiến sĩ sư đoàn cận vệ Panphilốp gan dạ chiến đấu, hầu hết đã anh dũng hi sinh với khẩu hiệu : *"Chúng ta quyết không lùi, vì đằng sau là Matxcơva"*.

Sáng 7-11-1941, kỉ niệm lần thứ 24 Cách mạng tháng Mười đã diễn ra cuộc duyệt binh đặc biệt. Những đơn vị duyệt binh, vũ khí và đạn dược sẵn sàng, diễu qua Hồng trường rồi tiến thẳng ra mặt trận.

Đến đầu tháng 12, do tổn thất quá nặng nề, cuộc tấn công của quân Đức buộc phải ngừng lại. Kế hoạch đánh chiếm Matxcơva của Hitle sụp đổ.

Ngày 6-12, Hồng quân Liên Xô chuyển sang phản công ở Matxcơva. Sau hai tháng chiến đấu, Hồng quân đã đẩy lùi quân đội phát xít ra xa Matxcơva, có nơi đến 400 kilômét, tiêu diệt gần nửa triệu quân địch, 1300 xe tăng và phá tan kế hoạch *"chiến tranh chớp nhoáng"* của Hitle.

Mùa hè năm 1942, nhận thấy không thể đánh chiếm Matxcơva bằng một cuộc tấn công trực diện, bộ chỉ huy Đức quyết định chuyển mũi nhọn tấn công xuống

---

(1) Bacbarôtxa có nghĩa là "Râu hung", biệt hiệu của hoàng đế Phêđêrich nổi tiếng thời trung cổ Đức.

phía nam ở khu vực sông Vônga và Capcadơ nhằm đánh chiếm vùng dầu lửa và vựa lúa mì lớn nhất của Liên Xô, rồi sẽ đánh chiếm Matxcơva từ phía sau. Mục tiêu chủ yếu của cuộc tấn công là nhằm chiếm bằng được Xtalingrat (nay là Vôngagrat).

Nhờ ưu thế về lực lượng –huy động 240 sư đoàn, sau tăng lên 266 sư đoàn – đến giữa tháng 8–1942, quân đội Đức đã tiến vào được nội thành Xtalingrat. Xtalingrat lúc này trở thành cái *"rún sống"* của Liên Xô. Với quyết tâm *"Không lùi một bước"* và phải giữ cho được Xtalingrat bằng bất cứ giá nào, quân và dân Liên Xô đã chiến đấu tới giọt máu cuối cùng, kiên cường bất khuất bảo vệ Xtalingrat.

Ở Viễn Đông, lợi dụng thời cơ Đức đang thắng thế ở châu Âu, ngày 7–12–1941, Nhật Bản không tuyên chiến, bất thình lình tấn công hạm đội Mĩ đóng ở cảng Trân Châu (Ha–oai), tiêu diệt gần hết hạm đội này. Tới lúc ấy, Mĩ mới chịu tuyên chiến với Đức, Italia, Nhật Bản và "*Chiến tranh Thái Bình Dương*" chính thức bùng nổ. Sau đó, chỉ trong vòng 6 tháng, quân đội Nhật Bản đã đánh chiếm được các thuộc địa của Mĩ, Anh, Pháp ở vùng Đông Nam Á trù phú và nhiều đảo ở Thái Bình Dương mà không vấp phải một sự kháng cự nào đáng kể.

Ở mặt trận Bắc Phi, trong thời gian đầu, quân Đức và Italia thắng thế. Nhưng sau thất bại Matxcơva, do phải tập trung lực lượng vào mặt trận Xô–Đức nên quân Đức – Italia trở nên yếu thế. Tháng 10–1942, quân Anh bất thình lình tấn công ở vùng En Alamen (Ai Cập), thu được thắng lợi to lớn, mở đầu cho cuộc phản công của phe Đồng minh ở Bắc Phi.

Việc Liên Xô tham gia chiến tranh đã làm thay đổi hẳn tính chất của chiến tranh thế giới. Nó trở thành cuộc chiến tranh chống phát xít. Ngay sau khi Đức tấn công Liên Xô, các chính phủ Anh và Mĩ ra tuyên bố ủng hộ Liên Xô chống phát xít Đức. Ngày 1–1–1942, bản "Tuyên bố của 26 nước liên hiệp hành động chung chống phát xít" (bao gồm Liên Xô, Mĩ, Anh...) được kí kết ở Oasinhtơn, đánh dấu *Mặt trận Đồng minh chống phát xít* được thành lập.

?

1. Tại sao mấy tháng đầu phát xít Đức lại có thể nhanh chóng tiến sâu vào lãnh thổ Liên Xô và thu được những thắng lợi đáng kể ?

2. Ý nghĩa của chiến thắng bảo vệ Matxcơva ?

3. Liên Xô tham chiến đã làm thay đổi hẳn tính chất của chiến tranh thế giới. Giải thích rõ điều đó.

II - TỪ CHIẾN THẮNG XTALINGRAT ĐẾN THẤT BẠI HOÀN TOÀN CỦA PHÁT XÍT ĐỨC, ITALIA, NHẬT BẢN (TỪ CUỐI NĂM 1942 ĐẾN THÁNG 8-1945)

4. Chiến thắng Xtalingrat và bước ngoặt của tiến trình chiến tranh thế giới.

Tại mặt trận Xô-Đức, sau khi kìm chặt chân địch và tiêu hao nặng nề sinh lực địch tại Xtalingrat, ngày 19-11-1942, Hồng quân Liên Xô chuyển sang tấn công.

Mở đầu bằng những đòn sấm sét của pháo binh, từ 19–11 đến 23–11, Hồng quân đã nhanh chóng khép kín vòng vây gần 35 vạn quân tinh nhuệ Đức ở Mặt trận Xtalingrat. Hoảng sợ, Hitle vội điều đạo quân của thống chế Manxten đến phá vây. Cuộc chiến đấu giữa phá vây (trong đánh ra, ngoài đánh vào của quân Đức) và xiết chặt vòng vây (của Hồng quân) đã diễn ra ác liệt suốt từ ngày 23–11 đến cuối tháng 12. Đạo quân của Manxten bị đẩy lùi ra xa và tổn thất nặng nề. Từ ngày 10–1–1943 đến ngày 2–2–1943, Hồng quân mở cuộc tấn công tiêu diệt đạo quân bị bao vây : 2/3 lực lượng đạo quân tinh nhuệ này bị giết, 1/3 bị bắt sống, trong đó có tư lệnh Paolut và 24 viên tướng.

Trận Xtalingrat đi vào lịch sử như một trong những trận đánh lớn và tiêu biểu nhất về nghệ thuật quân sự cũng như về ý nghĩa xoay chuyển toàn cục của nó. Chiến thắng này đánh dấu bước ngoặt căn bản của tiến trình chiến tranh thế giới – phe Đồng minh chuyển sang tấn công, còn quân đội phát xít Đức không thể nào phục hồi như cũ nữa, buộc phải chuyển từ tấn công sang phòng ngự, báo hiệu sự thất bại đối với phe phát xít.

thuongmaitr

Mùa hè 1943, sau chiến thắng lớn ở vòng cung Cuốcxcơ, Hồng quân tiếp tục mở những cuộc tấn công kế tiếp nhau trên các khu vực quan trọng nhất, giải phóng được 2/3 lãnh thổ xô viết đã bị quân thù chiếm đóng.

Ở mặt trận Bắc Phi, sau chiến thắng En Alamen, liên quân Mĩ – Anh đã đổ bộ lên Bắc Phi ngày 8-11-1942, nhanh chóng chiếm được Angiêri, Marôc và một phần Tuynidi. Sau chiến thắng Xtalingrat, ngày 20- 3- 1943, liên quân Mĩ – Anh mở lại cuộc tấn công, dồn quân Đức – Italia đến Đông Bắc Tuynidi, sau đó buộc chúng phải hạ khí giới ngày 12-5-1943. Chiến sự ở Bắc Phi đến đây chấm dứt.

Sau hai tháng chuẩn bị, ngày 10-7-1943, liên quân Mĩ – Anh từ Bắc Phi đổ bộ lên đảo Xixilia của Italia. Chiến dịch Xixilia diễn ra hơn một tháng, đến 17-8 kết thúc với thắng lợi của quân Đồng minh. Chính

quyền phát xít Italia tan rã. Ngày 25-7-1943, các thế lực dân chủ tống giam Mutxôlini. Chủ nghĩa phát xít Italia bị sụp đồ.

? – *Ý nghĩa quan trọng của chiến thắng Xtalingrat ?*

5. Chủ nghĩa phát xít Đức bị tiêu diệt

Tại *mặt trận Xô-Đức*, từ ngày 24-12-1943, Hồng quân Liên Xô đã chuyển từ những cuộc tấn công cục bộ sang *tổng tiến công trên khắp các mặt trận* từ Lêningrat đến Crưm.

Mở đầu, ở phía bắc, tháng 1 và 2-1944, Hồng quân mở cuộc tấn công giải phóng Lêningrat sau 900 ngày bị phát xít Đức bao vây, và đến mùa hè 1944, tiến vào giải phóng các nước vùng Bantich, đuổi quân Phần Lan ra khỏi biên giới.

Ở vùng Ucraina, trong năm 1944, Hồng quân đã mở 10 cuộc tấn công lớn, giải phóng hoàn toàn Ucraina ; Biêlôruxia. Cuối năm 1944, toàn bộ lãnh thổ Xô viết sạch bóng quân thù.

Sau khi giải phóng hoàn toàn Tổ quốc, trên đường truy kích bọn phát xít Đức, quân đội Liên Xô đã tiến qua lãnh thổ các nước Đông Âu, phối hợp và giúp đỡ nhân dân các nước Ba Lan, Rumani, Bungari, Nam Tư, Tiệp Khắc, Hunggari, Anbani và Áo lật đổ nền thống trị của bọn phát xít, giành lại độc lập và tự do cho đất nước.

truongxua.vn

Ngày 16- 4- 1945, *Liên Xô bắt đầu tấn công vào Beclin,* sào huyệt cuối cùng của phát xít Hitle.

Trên đường vào Beclin, Hitle đã bố trí hơn 90 sư đoàn với quân số trên 1 triệu người, 1 500 xe tăng, trên 3 000 máy bay và ngay trong thành phố, chúng lập ra đội dân quân phòng vệ đông 20 vạn người được trang bị đầy đủ vũ khí hiện đại. Để chiến thắng quân Đức, Bộ Tổng tư lệnh tối cao Liên Xô đã huy động lực lượng của hai phương diện quân gồm 2 triệu rưỡi người, 6 250 xe tăng, 7 500 máy bay. Từ 16-4 đến 30-4, cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt ở khu ngoại vi Beclin. Từ 23-4, cuộc chiến đấu diễn ra trong thành phố, càng tiến vào sâu, càng khó khăn, ác liệt. Quân phát xít ngoan cố bám chắc từng khu phố, từng ngôi nhà, căn hầm. Nhưng vòng vây của Hồng quân ngày càng khép chặt lại. Ngày 30-4, quân đội Liên Xô đã chiếm được bộ phận chủ yếu của tòa nhà Quốc hội Đức. Chiều 30-4, cờ Liên Xô đã cắm trên nóc nhà Quốc hội. Hitle tự sát. Ngày 2-5, Hồng quân chiếm toàn thành phố Beclin, quân Đức (còn lại hơn 7 vạn người) đã đầu hàng không điều kiện (1).

(1) Chỉ trong 16 ngày đêm, Hồng quân Liên Xô đã tiêu diệt đạo quân địch trên 1 triệu người điên cuồng cố thủ ; về phía mình, Liên Xô cũng phải chịu những hi sinh, tổn thất to lớn : gần 300.000 chiến sĩ Xô viết đã chết, bị thương hoặc mất tích trong trận chiến đấu cuối cùng này.

Ở mặt trận phía Tây, sau nhiều lần trì hoãn, ngày 6-6-1944, các nước Mĩ, Anh mới mở *"Mặt trận thứ hai"*.

Với lực lượng 2 876 000 quân, hơn 5 000 xe tăng, 6 483 tàu chiến các loại, gần 14 000 máy bay, quân Mĩ – Anh do tướng Mĩ Aixenhao làm Tổng tư lệnh đã đổ bộ lên Noocmăngđi, vùng bờ biển Bắc Pháp. Mặc dù có ưu thế hơn hẳn về lực lượng mọi mặt (trên cả chiến trường Tây Âu, Đức chỉ có 1 370 000 quân, 1 900 xe tăng, 500 máy bay), quân Mĩ – Anh tiến chậm chạp.

Tuy quá muộn (tổng thống Mĩ Rudơven nói với ngoại trưởng Liên Xô có thể mở Mặt trận thứ hai trong năm 1942), nhưng việc Mĩ, Anh mở Mặt trận thứ hai đã có tác dụng thúc đẩy chiến tranh nhanh chóng kết thúc ở châu Âu, làm cho phát xít Đức bị kẹp giữa hai gọng kìm phía đông và phía tây. Sau khi tiến vào Pháp và một số nước Tây Âu, quân Đồng minh Mĩ – Anh đã gặp Hồng quân Liên Xô ở Toocgâu, bên bờ sông Enbơ.

Đêm 8-5-1945, tại Beclin, chính phủ mới của Đức kí kết văn kiện đầu hàng không điều kiện trước đại biểu các nước Đồng minh. *Chiến tranh kết thúc ở châu Âu.*

? – *Phát xít Đức đã bị tiêu diệt như thế nào ?*

thuongmaitr

6. Chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản bị sụp đổ

Ở mặt trận Thái Bình Dương, mặc dù tuyên chiến với Nhật Bản từ cuối năm 1941 và có ưu thế hơn nhiều so với Nhật, nhưng quân Mĩ – Anh mãi tới cuối năm 1943 mới thực sự tiến hành những hoạt động quân sự, mở đầu bằng cuộc tấn công Miến Điện cuối năm 1943.

Mùa khô 1943, quân Mĩ – Hoa và quân Anh – Ấn tiến vào Miến Điện, quân Nhật kháng cự yếu ớt, thủ đô Răngun nhanh chóng rơi vào tay quân Đồng minh.

Cuộc tấn công trên mặt biển Thái Bình Dương của Mĩ, Anh đến đầu năm 1944 mới bắt đầu. Quân Mĩ từng bước chiếm đảo Ginbe, Macsan, quần đảo Marian... theo chiến thuật "nhảy cóc" (nhảy từ đảo này sang đảo khác), sau đó tấn công Philippin.

Phối hợp với Mĩ, Anh cũng mở chiến dịch đánh chiếm các đảo ở Inđônêxia.

Trận đánh cuối cùng của Mĩ ở Thái Bình Dương là cuộc đổ bộ lên đảo Ôkinaoa của Nhật Bản (tháng 3 – tháng 6 - 1945).

Thực hiện lời cam kết với các nước Đồng minh và để nhanh chóng kết thúc chiến tranh, giảm những đau thương cho nhân loại, ngày 9-8-1945, quân đội Liên Xô đã mở cuộc tấn công vào đạo quân Quan Đông của Nhật.

Ngày 8-8-1945, Chính phủ Liên Xô trao cho đại sứ Nhật ở Matxcova bản tuyên bố nói rõ rằng từ ngày 9-8, Liên Xô tự xem là ở trong tình trạng chiến tranh với Nhật. Ngày 9-8, các mũi tấn công của ba phương diện quân bắt đầu xuất phát, hướng vào các mục tiêu quân Nhật đóng trải dài ở Đông Bắc Trung Quốc, Triều Tiên, các đảo Curin và Xakhalin.

Bằng sức mạnh lớn lao của cả hải, lục, không quân, cuộc tấn công của Hồng quân diễn ra đúng như kế hoạch đã định. Sau gần một tuần lễ, đạo quân chủ lực với 1 triệu quân tinh nhuệ của Nhật Bản đã bị đánh tan.

Hình 11– Đại biểu Liên Xô kí vào văn kiện chấp nhận Nhật đầu hàng

Đến sát ngày Liên Xô tiến đánh quân Nhật, Mĩ đã ném hai quả bom nguyên tử xuống Hirôsima (6-8) và Nagadaki (9-8), hai thành phố đông dân cư, gây tai họa khủng khiếp đối với nhân dân ở hai thành phố này (hơn 40 vạn người chết).

Ngày 14-8-1945, Nhật Bản tuyên bố đầu hàng không điều kiện. *Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.*

? – *Hãy trình bày ngắn gọn diễn biến của mặt trận Thái Bình Dương từ cuối năm 1943 đến tháng 8-1945. Liên Xô đã giữ vai trò như thế nào trong việc tiêu diệt chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản ?*

7. Kết cục của Chiến tranh thế giới thứ hai

Chiến tranh thế giới thứ hai là cuộc chiến tranh lớn nhất, khốc liệt nhất và tàn phá nặng nề nhất trong lịch sử loài người (bằng tất cả các cuộc chiến tranh trong 1 000 năm trước cộng lại).

Tội phạm gây nên cuộc chiến tranh đẫm máu và đau thương này là bọn phát xít Đức, Italia, Nhật Bản, nhưng chúng có thể gây ra chiến tranh được là vì có những thế lực "dung dưỡng", "thỏa hiệp" với chúng.

Bảng so sánh hai cuộc chiến tranh thế giới

	Chiến tranh thế giới thứ nhất	Chiến tranh thế giới thứ hai
1. Những nước tuyên bố tình trạng chiến tranh	36	76
2. Số người bị động viên vào quân đội (triệu người)	74	110
3. Số người chết (triệu người)	10	53
4. Số người bị thương và tàn tật (triệu người)	20	90
5. Thiệt hại về vật chất (tỉ đô la)	338	4000
Trong đó chi phí quân sự trực tiếp	208	1384

"*Kẻ gieo gió, phải gặt bão*", chiến tranh kết thúc với sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa phát xít Đức, Italia, Nhật Bản – sự sụp đổ của chính những kẻ đã gây ra chiến tranh.

Thắng lợi của cuộc chiến tranh chống phát xít có ý nghĩa lịch sử trọng đại, làm thay đổi căn bản tình hình thế giới. Trong cuộc chiến tranh chống phát xít, *Liên Xô đã giữ vai trò một lực lượng đi đầu, và là một lực lượng chủ chốt góp phần quyết định thắng lợi.*

? *1. Kết cục của Chiến tranh thế giới thứ hai như thế nào ? Ý nghĩa của kết cục đó ?*

thuongmaitr

2. Trong cuộc chiến tranh chống phát xít, Liên Xô đã có một vai trò và công lao như thế nào ? Hãy lấy những dẫn chứng lịch sử minh họa cho nhận định của em.

3. Nên đánh giá vai trò của các nước Mĩ, Anh trong cuộc chiến tranh này như thế nào cho thỏa đáng ? Em có nhận xét gì về những cuộc ném bom nguyên tử của Mĩ ở Nhật Bản ?

Bài 15

SƠ KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ 1917 ĐẾN 1945

1. Nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới hiện đại

Nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới hiện đại từ 1917 đến 1945 và tiếp diễn đến ngày nay là cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp rộng lớn, quyết liệt, phức tạp giữa một bên là các nước xã hội chủ nghĩa, các dân tộc bị áp bức, giai cấp công nhân và nhân dân các nước với một bên là chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa quân phiệt, chủ nghĩa phát xít và các thế lực phản động khác nhằm giành bốn mục tiêu lớn của thời đại : *hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội*. Mặt khác, cũng là cuộc đấu tranh gay gắt, quyết liệt giữa các cường quốc lớn nhằm tranh giành, phân chia phạm vi thế lực và thiết lập một trật tự thế giới có lợi cho mình như sự thiết lập và sụp đổ của "*Hệ thống Vecxai-Oasinhtơn*" sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (từ 1918 đến 1945) và "*Trật tự thế giới hai cực Ianta*" sau Chiến tranh thế giới thứ hai (từ 1945 đến nay).

uongxua.vn

? – *Nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới hiện đại từ 1917 đến nay là gì ? Bốn mục tiêu lớn của thời đại ,là những mục tiêu nào ?*

2. Những vấn đề chính yếu của lịch sử thế giới hiện đại từ 1917 đến 1945

Từ 1917 đến 1945, lịch sử thế giới hiện đại bao gồm những nội dung chính yếu sau đây :

1. Chủ nghĩa xã hội được xác lập đầu tiên ở một nước, nằm giữa vòng vây của chủ nghĩa tư bản.

Để thiết lập được nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, nhân dân Liên Xô đã phải trải qua những chặng đường cách mạng khó khăn, gian khổ với không biết bao nhiêu hi sinh và tổn thất : cuộc Cách mạng tháng Hai lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế Nga hoàng ; cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười đánh đổ chủ nghĩa đế quốc Nga và đưa nước Nga lên con đường xã hội chủ nghĩa ; cuộc chiến tranh chống nội loạn và can thiệp vũ trang của 14 nước đế quốc (1918–1920) nhằm bảo vệ cách mạng ; công cuộc xây dựng chế độ mới trong những năm 1921–1941 dẫn đến bước đầu xây dựng được những nền móng của chủ nghĩa xã hội ; cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại 1941–1945 đánh bại chủ nghĩa phát xít, không chỉ bảo vệ được Tổ quốc xã hội chủ nghĩa mà còn góp phần to lớn vào sự nghiệp giải phóng nhân loại. Chỉ trong một thời gian rất ngắn, từ một nước nông nghiệp lạc hậu, Liên Xô đã vươn lên trở thành một cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới, có nền văn hóa, giáo dục và khoa học kĩ thuật tiên tiến vào hàng đầu thế giới. Trong những điều kiện hết sức khó khăn, nhân dân Liên Xô đã đánh bại mọi cuộc tấn công thù địch của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động luôn luôn chiếm ưu thế gấp bội về sức mạnh kinh tế và quân sự. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới những thành tựu và thắng lợi kì diệu này, nhưng cơ bản nhất là do tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội.

Sự tồn tại và phát triển của nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên – *Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết* – là nét chủ đạo, có ảnh hưởng và tác động sâu sắc tới tiến trình của lịch sử thế giới.

2. Bước chuyển biến của cách mạng thế giới từ sau Cách mạng tháng Mười.

Trước Cách mạng tháng Mười, cách mạng thế giới đang lâm vào tình trạng khó khăn : ở các nước tư bản Âu–Mĩ, phong trào công nhân bị bất đồng về tư tưởng, không thống nhất về đường lối cách mạng, bị chia rẽ về tổ chức ; ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, phong trào

thuongmaitr

giải phóng dân tộc lâm vào tình trạng khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo và chưa tìm ra được con đường đưa cách mạng đi đến thắng lợi ; giữa phong trào công nhân ở các nước tư bản, đế quốc và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, phụ thuộc hầu như không có mối liên quan gì. Cách mạng tháng Mười, bằng lí luận và thực tiễn thắng lợi của mình, đã thúc đẩy và dẫn tới *bước chuyển biến mới của cách mạng thế giới về nội dung, đường lối và phương hướng phát triển.* Ở nhiều nước, các Đảng Cộng sản ra đời đảm nhiệm sứ mạng lãnh đạo cách mạng đi theo con đường Cách mạng tháng Mười đã vạch ra, tức *con đường xã hội chủ nghĩa.* Phong trào công nhân ở các nước tư bản đế quốc và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, phụ thuộc đã trở nên gắn bó, phối hợp mật thiết với nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc. Bước chuyển biến mới này đã thúc đẩy cách mạng thế giới không ngừng phát triển : cao trào cách mạng 1918–1923 ; cao trào cách mạng trong những năm khủng hoảng kinh tế 1929–1933 ; phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít trong những năm 1936–1939 ; cuộc chiến tranh chống phát xít trong những năm 1939–1945. Quá trình phát triển này là bước tập dượt và chuẩn bị cơ sở cho thắng lợi của cách mạng thế giới những năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

3. Chủ nghĩa tư bản không còn là hệ thống duy nhất trên toàn thế giới.

Cách mạng tháng Mười đã đánh đổ chủ nghĩa tư bản ở một khâu quan trọng của nó là đế quốc Nga, chiếm 1/6 diện tích trái đất. Cũng từ đó, một xã hội mới ra đời – xã hội xã hội chủ nghĩa mà mỗi bước phát triển của nó đều đã tạo nên một sự tương phản đối lập với hệ thống tư bản chủ nghĩa. Mặt khác, cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất không chỉ gây ra những tổn thất nặng nề về của cải, sinh mạng, làm cho tất cả các nước thắng trận và bại trận đều bị suy yếu (trừ Mĩ), nhưng nghiêm trọng hơn, dẫn đến sự phân chia lại thế giới theo *"hệ thống Vecxai-Oasinhtơn"*, làm nảy sinh những mâu thuẫn mới hết sức sâu sắc giữa các đế quốc, từ đó dẫn tới Chiến tranh thế giới thứ hai. Từ 1918 đến 1945, chủ nghĩa tư bản không có những thời kì ổn định

về chính trị, phát triển về kinh tế kéo dài như trước đây nữa mà chỉ có một thời gian ngắn ngủi trong những năm 1924–1929, rồi sau đó lâm vào đại khủng hoảng kinh tế thế giới 1929–1933, dẫn tới sự lên cầm quyền của chủ nghĩa phát xít ở nhiều nước (Italia, Đức, Nhật Bản, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Bungari, Hunggari...). Kết quả, chủ nghĩa đế quốc đã phân chia thành hai khối đế quốc đối lập, "hệ thống Vecxai–Oasinhtơn" bị phá vỡ. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, kết thúc một thời kì phát triển và mở ra một thời kì mới của lịch sử thế giới hiện đại.

? – *Chủ nghĩa xã hội được xác lập đầu tiên ở một nước (Liên Xô) đã phải trải qua quá trình như thế nào ? Những thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của nó ?*

– *Cách mạng thế giới từ sau Cách mạng tháng Mười đã có bước phát triển mới như thế nào ?*

– *Chủ nghĩa tư bản đã chịu tác động của Cách mạng tháng Mười Nga và Chiến tranh thế giới thứ nhất ra sao ? Dẫn chứng.*

thuongmaitr

3. Xu thế phát triển của lịch sử thế giới hiện đại

Từ 1917 đến 1945 cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội đối lập – hệ thống xã hội chủ nghĩa và hệ thống tư bản chủ nghĩa – cũng như cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc trong phạm vi từng nước và trên phạm vi toàn thế giới đã diễn ra gay gắt, quyết liệt. Tuy lúc đầu ở thế yếu và nằm trong vòng vây của chủ nghĩa tư bản, nhưng chủ nghĩa xã hội đã không ngừng phát triển, lớn mạnh và ngày càng phát huy ảnh hưởng của nó đối với thế giới. Phong trào cách mạng thế giới đã chuyển sang một thời kì phát triển mới, đặt nền móng cho thắng lợi to lớn ở giai đoạn sau này. Chủ nghĩa tư bản đã mất đi một khâu quan trọng và địa vị của nó bị suy giảm nhiều so với trước kia.

? –*Xu thế phát triển của lịch sử thế giới hiện đại sẽ diễn ra như thế nào ?.*

PHẦN BA

VIỆT NAM TỪ NGUYÊN THỦY ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX

Chương I

VĂN HÓA VÀ TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC

Bài 16

NỀN VĂN MINH VĂN LANG - ÂU LẠC CỦA NGƯỜI VIỆT CỔ

uongxua.vn

1. Quá trình hình thành nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc của người Việt cổ

Từ rất xa xưa, cách đây khoảng chừng 300, 400 ngàn năm, con người đã từng có mặt trên vùng đất thuộc lãnh thổ Việt Nam ngày nay. Trải qua thời nguyên thủy mông muội lâu dài, tới khoảng chừng thế kỉ VII trước CN, người Việt cổ đã bước vào thời dựng nước, với sự ra đời nền văn minh đầu tiên của mình. Đó là nền *văn minh Văn Lang - Âu Lạc*, còn gọi là nền *văn minh sông Hồng*.

Lúc đó, người Việt cổ đã chuyển từ *thời đại đồ đá* (các nền văn hóa Hòa Bình, Bắc Sơn, Hạ Long, Bàu Tró) sang *thời đại đồ đồng thau* có một ít đồ sắt (đỉnh cao là nền văn hóa Đông Sơn). Kim loại đồng thau phổ biến đã làm sản xuất gia tăng và làm thay đổi các mặt của đời sống.

Đồng thời, con người cũng từ vùng núi cao dần dần tràn qua vùng gò đồi trung du để tới định cư, khai phá các vùng đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, lúc đó còn ngập nước, ra đến tận bờ biển Đông. Họ thường quần tụ bên những triền sông lớn như sông Hồng, sông Mã, sông Cả.

Trên địa bàn đó, trải qua một quá trình hỗn chủng lâu dài của các

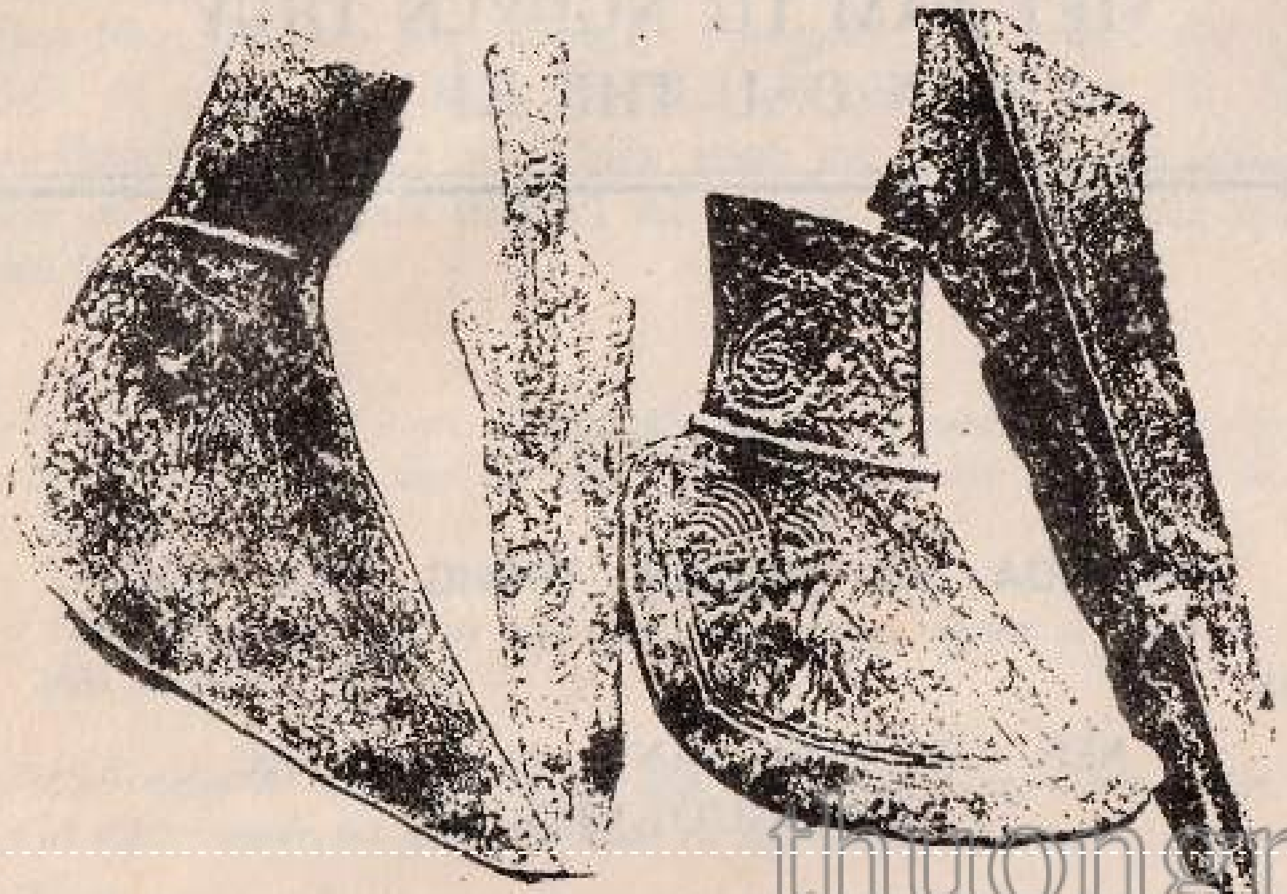

Hình 12– Rìu đồng. dao đồng

nhóm người thuộc hai đại chủng Môngôlôit da vàng và Ôxtralôit da sẫm màu, một cộng đồng dân cư người Việt cổ đã dần dần được hình thành, sử cũ gọi là những nhóm người Lạc Việt và Tây Âu. Để cùng nhau khai phá ruộng nương, chống hạn lụt và chống xâm lấn từ bên ngoài, họ đã dựng nên một *nhà nước sơ khai :* nước Văn Lang của các vua Hùng (sử cũ gọi là họ Hồng Bàng) tiếp đến là nước Âu Lạc của vua Thục.

? *– Nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc của người Việt cổ đã được hình thành trên những cơ sở nào ? Tại sao còn gọi là nền văn minh sông Hồng?*

2. Đời sống kinh tế vật chất của người Việt cổ trong xã hội Văn Lang - Âu Lạc

Dựa vào một số truyền thuyết và kí ức được ghi lại trong các sử sách cũ, phân tích các tài liệu khảo cổ học (các di vật thuộc văn hóa

Đông Sơn, đặc biệt các hình khắc họa trên trống đồng), tài liệu dân tộc học và văn hóa dân gian (một số phong tục cổ truyền của các tộc người miền núi), ngày nay chúng ta còn có thể biết được phần nào về cuộc sống của tổ tiên chúng ta cách đây hàng ngàn năm.

Thích ứng với thiên nhiên Việt Nam và những vùng tự nhiên khác nhau, người Việt cổ đã duy trì một nền kinh tế nông nghiệp đa dạng, với những công cụ chủ yếu bằng đồng thau và một ít đồ sắt. Trên các vùng cao, họ đốt nương làm rẫy. Ở vùng đồng bằng, họ dùng trâu bò và lưỡi cày kim loại cày ruộng lúa nước, đắp đê phòng lụt, cấy hái theo mùa. Đây là bước tiến bộ nổi bật về nông nghiệp so với kĩ thuật canh tác bằng cuốc trước đó. Ở các vùng sông suối đầm hồ, người Việt cổ đánh bắt cá, mò cua ốc. Khắp nơi trồng nhiều rau củ, hoa quả. Ngoài ra, họ còn chăn nuôi gia súc gia cầm, trồng bông, dâu tằm, dệt vải lụa, nung đồ gốm, đan lát, đúc đồng, rèn sắt, làm cung nỏ, đóng thuyền...

Nghề đúc đồng trong xã hội Văn Lang – Âu Lạc đã đạt tới một trình độ kĩ thuật điêu luyện và mĩ thuật tinh vi, tiêu biểu là chiếc trống đồng Ngọc Lũ nổi tiếng thế giới. Trống cao 0,63m, đường kính mặt trống 0,80m. Giữa mặt trống là ngôi sao nổi có tua dài và nhọn. Chung quanh có 12 vành trang trí khác nhau, có khắc hình các động vật như hươu,

uongxua.vn

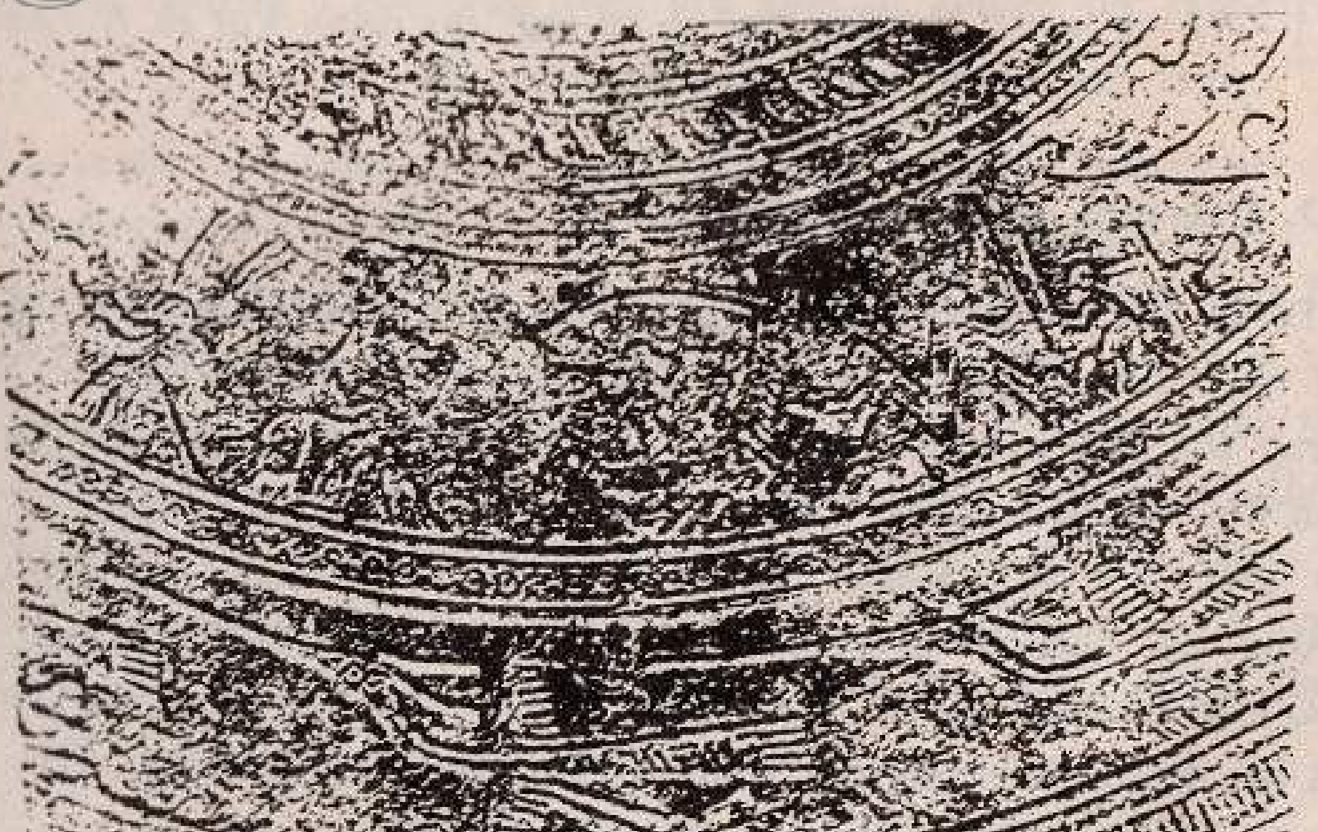

Hình 13 – Một số hình khắc trên trống đồng

nai, chim, một loại cò (chim lạc ?), hình người hóa trang lông chim, đang múa hoặc đang giã cối, và các hình hình học. Trên tang trống, có khắc hình những thuyền mũi cong, trên thuyền có những người đội mũ lông chim, cầm cung tên giáo mác, đứng trên chòi canh như đang ở tư thế chiến đấu. Trống đồng có thể là một nhạc khí chủ yếu của người Việt cổ trong các buổi tế lễ, hội hè, đình đám, ma chay, lôi cuốn thúc giục lòng người theo những nhịp điệu dồn dập và những âm thanh vang vọng.

Ở một xứ nóng ẩm nhiều cây cối, người Việt cổ thường ở nhà sàn hoặc nhà tranh tre thoáng đãng, đón hướng gió mát. Ở nhà, họ cởi trần, đóng khố (nữ thì mặc váy), búi tó hoặc chít khăn đầu rìu, đi chân đất. Khi lạnh, họ mặc áo chui đầu ; trong những ngày hội, người ta mặc quần áo hóa trang, đội mũ có đính lông chim. Thức ăn hàng ngày của người Việt cổ chủ yếu là gạo nếp, gạo tẻ thổi thành cơm, có cá, mắm tôm tép, các loại rau quả là những thứ phổ biến, dễ kiếm tìm.

Cuộc sống vật chất đó đã sớm tạo nên truyền thống sinh hoạt giản dị, thích ứng và hòa nhập với thiên nhiên, chịu đựng gian khổ, đương đầu được với những thiên tai thường hay xảy ra như hạn, lụt, dông bão, mất mùa.

thuongmaitr

? – *Kể vài nét về đời sống kinh tế vật chất của người Việt cổ. Họ đã sống thích ứng và hòa nhập với thiên nhiên như thế nào ?*

3. Đời sống xã hội tinh thần

Đứng đầu nhà nước Văn Lang – Âu Lạc là một nhà vua, cha truyền con nối, theo dã sử có tới 18 đời Hùng Vương. Thực chất, đó chỉ là những thủ lĩnh của liên minh các bộ lạc Việt, sống còn rất gần gũi, chan hòa với dân chúng. Giúp việc có các Lạc hầu Lạc tướng, là tầng lớp quý tộc trong xã hội Văn Lang – Âu Lạc. Đã có một đội quân thường trực, với những vũ khí bằng đồng như rìu chiến, giáo mác, dao găm. Đặc biệt, họ biết sử dụng thành thạo các loại cung nỏ, có loại bắn một lần được nhiều mũi tên. Thời Âu Lạc, nhà vua đóng đô ở Cổ Loa, là một tòa thành độc đáo với ba vòng lũy đất, có hào sâu che chở, được bố trí không đều theo hình trôn ốc.

Đơn vị xã hội cơ sở của người Việt cổ là các làng bản, đứng đầu

là các Bồ chính, thường là một người già làng. Bình dân làng xã gọi là *Lạc dân*. Trong làng bản, tinh thần cộng đồng rất sâu đậm. Họ sống quây quần giúp đỡ lẫn nhau, đoàn kết cùng chống lại những kẻ thù đến xâm lấn. Người Việt cổ có tục thờ cúng tổ tiên, thờ cúng các thần linh sông núi trong thiên nhiên và các thủ lĩnh anh hùng hào kiệt như Tản Viên, Thánh Gióng. Họ còn có tục ăn trầu nhuộm răng, nấu bánh giầy, bánh chưng, xăm mình.

Truyền thuyết kể : "Bấy giờ, dân ở chân núi làm nghề đánh cá, thường bị giao long (thuồng luồng) làm hại, bèn tâu với vua. Vua nói : "Loài ở núi và giống ở nước, giống kia ưa kẻ giống mình mà ghét kẻ khác mình, cho nên làm hại". Nhà vua bèn sai lấy mực xăm vào mình theo hình thủy quái. Từ đấy không có nạn giao long làm hại nữa."

Sử cũ cũng chép : "Hồi quốc sơ, quân sĩ đều xăm hình rồng ở bụng, ở lưng và hai bắp đùi". (Các vua đầu nhà Trần đều có tục xăm mình ở đùi "để tỏ lòng không quên gốc". Đến năm 1299, đời Trần Anh Tông tục xăm mình mới bị bãi bỏ).

Trong một năm, có nhiều lễ hội, mọi người cùng nhau ca hát nhảy múa các điệu vũ tập thể hóa trang và vũ trang, theo các nhịp trống đồng, cồng chiêng. Cuộc sống bình yên giản dị, phong tục thuần hậu, chất phác.

ruongxua.vn

Văn minh Văn Lang – Âu Lạc là nền văn minh của những cư dân nông nghiệp trồng lúa nước, sống trong các cộng đồng làng xóm. Nền văn minh đầu tiên thời dựng nước đó của người Việt cổ đã phác họa định hình những bản sắc, truyền thống dân tộc ban đầu, tạo dựng nền móng cho toàn bộ đời sống kinh tế – văn hóa Việt Nam ở những thời kì lịch sử sau. Trong một ngàn năm Bắc thuộc, bản sắc và truyền thống dân tộc của nền văn minh đó chỉ bị che lấp, ẩn giấu đi, chứ không hề bị đồng hóa, tiêu diệt. Tới thế kỉ X, khi đất nước giành lại được quyền tự chủ, những giá trị của nền văn minh cổ truyền đó lại có dịp được khôi phục, bừng nở trong đà phát triển mới.

? *1. Vì sao người Việt cổ đã sớm có một truyền thống cộng đồng ?*

2. Đặc điểm của nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc ? Vị trí của nó trong lịch sử văn hóa Việt Nam ?

Bài 17

VĂN MINH ĐẠI VIỆT

1. Khái quát tiến trình phát triển của lịch sử và văn minh Đại Việt

Sau một ngàn năm Bắc thuộc, với chiến thắng Bạch Đằng (938) của Ngô Quyền diệt quân Nam Hán, nước Việt đã giành lại được chủ quyền độc lập. Trong thế kỉ X, các triều Ngô, Đinh, Tiền Lê kế tiếp nhau, đã củng cố nền độc lập ấy, đồng thời tiến hành công cuộc thống nhất đất nước. Đầu thế kỉ XI, Lý Công Uẩn dựng vương triều Lý, định đô ở Thăng Long, lập nên quốc gia Đại Việt. Quốc gia này khá vững chắc dưới hai triều Lý – Trần. Dân số gia tăng, lãnh thổ mở rộng về phương Nam, một số tộc ít người đã hòa nhập vào cộng đồng dân tộc Việt. Qua thế kỉ XV, Đại Việt còn có điều kiện phát triển trong một thời gian nữa, sau đó dần dần trở nên suy yếu và lâm vào khủng hoảng sâu sắc trong nửa cuối thế kỉ XVIII.

Cùng với sự tồn tại của quốc gia Đại Việt, một nền văn minh mới xuất hiện : *Văn minh Đại Việt.* Nền văn minh này đã khôi phục những bản sắc của người Việt cổ trong nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc trước kia, phát triển nâng cao hơn. Mặt khác, nó cũng tiếp thu và đồng hóa một số yếu tố ảnh hưởng bên ngoài, chủ yếu là ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa ở phương Bắc và văn hóa Champa ở phía nam. Văn minh Đại Việt ra đời và phát triển qua một tiến trình : giai đoạn sơ kì ở thế kỉ X, giai đoạn thịnh đạt trong bốn thế kỉ XI, XII, XIII, XIV dưới hai vương triều Lý – Trần, tiếp theo là giai đoạn muộn từ thế kỉ XV đến cuối thế kỉ XVIII, dưới thời Lê sơ và Lê mạt.

? – *Tại sao ta lại gọi là nền văn minh Đại Việt ?*

2. Những thành tựu chủ yếu của văn minh Đại Việt

Trong nền văn minh Đại Việt, qua nhiều thế kỉ, một thiết chế nhà nước phong kiến – quan liêu đã tồn tại, bao trùm lên một hệ thống cộng đồng các làng xã cổ truyền. Về cơ bản, Việt Nam vẫn là một xã hội nông thôn, đô thị phát triển chậm, mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa không nảy sinh được. Đời sống vật chất – kinh tế của người Việt vì vậy không có những thay đổi lớn, những chuyển biến về chất, tuy có lúc nền kinh tế hàng hóa, các ngành nghề thủ công và hoạt động buôn bán đã khá phồn thịnh. Ngược lại, đời sống

văn hóa – tinh thần của họ đã có nhiều chuyển biến, văn minh Đại Việt đạt được nhiều thành tựu rực rỡ.

Nổi bật trong nền văn minh Đại Việt là những thành tựu văn hóa chịu ảnh hưởng Phật giáo. Được du nhập từ lâu, đến thế kỉ X, đạo Phật ở Việt Nam đã được truyền bá rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân, quý tộc và bình dân, thịnh vượng nhất dưới hai triều Lý–Trần. Người Việt đã xây dựng nhiều chùa tháp, tô tượng đúc chuông, khắc in kinh sách Phật, để lại nhiều công trình nổi tiếng như chùa Diên Hựu (Một Cột), tháp Báo Thiên, chuông Quy Điền, tượng Phật Quỳnh Lâm thời Lý, chùa tháp Phổ Minh, tháp Bình Sơn thời Trần.

– *Chuông Quy Điền* là quả chuông đồng khổng lồ đúc năm 1080, khi vua Lý cho sửa chữa chùa Diên Hựu ở Thăng Long. Nhà nước phải xuất kho hơn một vạn cân đồng để đúc quả chuông này, và phải chuẩn bị một tòa nhà bằng đá xanh cao hơn 8 trượng (khoảng 26m) để treo chuông. Nhưng khi đúc xong, chuông quá to không treo được, đánh lại không kêu, nên phải để ở một thửa ruộng lầy thấp gần chùa, có nhiều rùa, nên gọi là chuông Quy Điền (Ruộng Rùa). Năm 1426, giặc Minh đã phá chuông để lấy đồng đúc súng đạn.

– *Tháp Phổ Minh :* Thời Trần, sau khi nhường ngôi, các vua cha thường lui về nghỉ tại quê nhà (ở Mĩ Lộc, ngoại thành Nam Định), đi chùa thờ Phật. Ở đây, có ngôi chùa Phổ Minh, nổi tiếng với ngọn tháp đẹp và chiếc vạc lớn. Tháp dựng năm 1305, giữa một hồ nước vuông, trên một bệ đá, gồm 14 tầng (khoảng 21m) xây bằng gạch mộc có mái cuốn. Trước kia, trên đỉnh tháp còn có một chóp bằng đồng. Tương truyền trong tháp có chứa tro xương của vua Trần Nhân Tông.

tuongxua.vn

Trong những thế kỉ sau, tuy không còn được triều đình phong kiến ưu ái, đạo Phật vẫn tiếp tục thịnh hành trong các làng xã và các tầng lớp quần chúng nhân dân.

Do ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa, đạo Nho đã du nhập vào Việt Nam từ thời Bắc thuộc và được triều đình nhà Lý chính thức thừa nhận khi cho xây dựng Văn Miếu thờ Khổng Tử ở Thăng Long (1070). Thời Trần, đạo Nho tiếp tục phát triển, cạnh tranh và dần dần lấn át đạo Phật. Từ thời Lê trở đi, đạo Nho chiếm địa vị độc tôn và trở thành hệ tư tưởng chính thống của đẳng cấp thống trị.

Gắn liền với đạo Nho, chữ Hán đã trở thành văn tự chính thức dùng trong chế độ khoa cử để tuyển chọn quan lại các cấp. Thời Lý – Trần, đã có nhiều áng thơ văn chữ Hán xuất sắc, thấm đượm tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc như các bài thơ của Lý Thường Kiệt, hịch

Hình 14 – Nguyễn Trãi

của Trần Quốc Tuấn. Cũng đã có nhiều nho sĩ nổi tiếng sáng tác bằng chữ Hán như Trương Hán Siêu, Chu Văn An.

Cũng trong thời gian này, chữ Nôm có nguồn gốc từ trước, đã chính thức được sử dụng. Đó là một loại chữ gốc Hán, được cải biến cho phù hợp với cách nói và cách đọc của người Việt, mang nhiều tính dân tộc.

Trong giai đoạn muộn của nền văn hóa Thăng Long, gương mặt nho sĩ – nhà văn hóa nổi bật về tư tưởng và văn tài – là Nguyễn Trãi.

Chịu ảnh hưởng của cả Phật giáo và Nho giáo, dòng văn hóa dân gian làng xã trong nền văn minh Đại Việt đã có nhiều thành tựu đáng kể. Nhiều trò vui dân gian được phổ biến trong làng xã, được mọi người ưa thích như ca hát, múa rối nước, đá cầu, đấu vật, đánh đu, hát chèo, đánh phết, đua thuyền. Ở các chùa chiền, người ta chạm khắc nhiều kiểu hoa văn trang trí có đường nét mềm mại, uyển chuyển dịu dàng, độc đáo Việt Nam. Trong dân gian, đã nung được nhiều loại men gốm bền đẹp như các loại men ngọc, men hoa nâu, men nhiều màu... Dòng văn hóa dân gian thời Lý – Trần đã có nhiều ảnh hưởng trong cả các tầng lớp vua quan quý tộc.

? – *Trong nền văn minh Đại Việt, đã tồn tại những dòng văn hóa nào ?*

3. Đặc điểm và vị trí lịch sử của văn minh Đại Việt

Tiếp nối và phát triển nền văn minh Việt cổ, gắn liền với những cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ đất nước, văn minh Đại Việt đã mang đậm tính dân tộc, giữ được những bản sắc truyền thống, thấm đượm tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc.

uongxua.vn

Văn minh Đại Việt được phát triển ở thời kì lịch sử trong đó những mâu thuẫn xã hội còn hòa dịu, đời sống đẳng cấp vua quan còn khá gần gũi với quần chúng nhân dân, do đó nó còn mang đậm tính dân gian. Trong những giai đoạn đầu, văn hóa cung đình và văn hóa làng xã còn hòa nhập, đan xen nhau, chưa thật cách biệt nhau. Đến giai đoạn muộn của văn minh Đại Việt, dòng văn hóa cung đình ngày càng bị gò bó trong những khuôn khổ của hệ tư tưởng Nho giáo phong kiến, li khai dần với dòng văn hóa dân gian.

Nhìn chung văn minh Đại Việt có ảnh hưởng sâu đậm tới tính cách con người Việt, giữ lại được những nét tích cực cơ bản trong đời sống văn hóa Việt Nam truyền thống thời trung đại.

? *1. Văn minh Đại Việt đã tiếp thu những ảnh hưởng văn hóa bên trong và bên ngoài như thế nào ? Nền văn minh này hưng thịnh nhất ở thời kì lịch sử nào ?*

2. Một vài thành tựu chủ yếu của văn minh Đại Việt qua các dòng văn hóa Phật giáo, Nho giáo, cung đình và dân gian ?

3. Đặc điểm của nền văn minh Đại Việt ? Xu hướng chuyển hóa của nó ?

Bài 18

VĂN HÓA CỦA CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

1. Văn hóa của các tộc người thiểu số trong cộng đồng dân tộc Việt

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, hay nói cho đúng hơn, là một dân tộc bao gồm nhiều tộc người. Ngoài người Kinh (hay người Việt) là thành phần chủ thể chiếm đa số, còn có trên 50 tộc người thiểu số khác nhau, phần lớn sống trên các vùng núi cao. Tồn tại trong những không gian có điều kiện tự nhiên khác nhau và trải qua một thời gian lịch sử lâu dài, các tộc người này đã có một đời sống kinh tế – vật chất và văn hóa – tinh thần khác nhau, tạo nên những vùng văn hóa địa phương đa dạng có sắc thái riêng biệt. Xếp theo hệ ngôn ngữ, ta thấy có các nhóm Việt – Mường, Môn – Khơ me, Tày – Thái, H'mông – Dao, Mã Lai – Đa Đảo, Hoa – Hán, Tạng – Miến. Người Champa đã từng tạo nên một quốc gia riêng trên vùng đất miền Trung và miền Nam Việt Nam, cũng đã có một nền văn hóa độc đáo.

Tuy nhiên, tất cả những văn hóa của các tộc người thiểu số đó lại đều mang ít nhiều những nét chung giống nhau, do các mối quan hệ xã hội và giao lưu văn hóa. Hơn nữa, trong quá trình lịch sử, các tộc người thiểu số và văn hóa của họ đã có xu hướng hòa nhập vào một cộng đồng dân tộc và văn hóa chung Việt Nam. Các huyền thoại của các dân tộc đều nói lên nguồn gốc chung cho tất cả các tộc người trên lãnh thổ Việt Nam. Có thể nói rằng Việt Nam đã có một nền văn hóa "đa dạng trong thống nhất".

? – *Thế nào là một nền văn hóa "đa dạng trong thống nhất" ?*

2. Đời sống kinh tế - vật chất của các tộc người thiểu số

Các tộc người thiểu số sống chủ yếu dựa vào nông, lâm nghiệp. Ở các vùng cao, họ trồng lúa trên nương rẫy, dùng các nông cụ như gậy chọc lỗ, rựa, rìu, cuốc, cày. Ở vùng thấp hơn, họ cày ruộng lúa nước, đào mương máng tưới tiêu. Nhiều dân tộc đã dùng một loại guồng chuyền nước thông dụng, gọi là xe nước. Người thiểu số còn vào rừng đẵn gỗ, dùng các loại bẫy và cung nỏ săn muông thú. Chăn nuôi phát triển, đặc biệt có hình thức chăn nuôi trâu bò theo đàn, có khi tới hàng trăm con thả ngoài bìa rừng. Ở ven sông suối, họ làm nghề chài lưới, thường đi trên các loại thuyền độc mộc, có khi dùng xiên xiên cá. Về

thủ công nghiệp, người thiểu số có các nghề mộc (họ thường sử dụng rìu thay cho cưa, bào), đan lát, dệt, thêu. Người miền núi rất thích dệt và thêu các loại hoa văn trang trí trên vải lụa, màu sắc sặc sỡ.

Người thiểu số Việt Nam sống ở các làng miền núi có nhiều tên gọi khác nhau tùy theo từng địa phương như bản, buôn, phum, sóc. Tính cộng đồng trong làng rất cao, đứng đầu thường là những bậc phụ lão có kinh nghiệm và uy tín, gọi là trùm làng hoặc già làng. Bên cạnh đó, thời phong kiến còn có những tầng lớp cường hào thống trị tàn bạo như các lang đạo (Mường), thổ ti (Tày), phìa tạo (Thái).

Người miền núi thường ở nhà sàn (để tránh thú dữ và ẩm thấp, thích hợp với độ dốc), bếp lửa đặt ngay trong nhà. Ở Tây Nguyên có loại nhà rông.

uongxua.vn

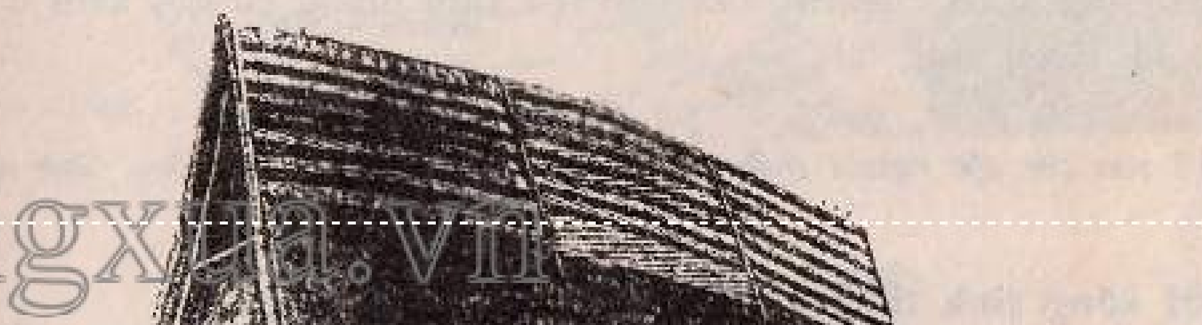

Hình 15 – Nhà rông

Nhà rông là loại hình kiến trúc độc đáo của các dân tộc Tây Nguyên. Nhà rông biểu hiện sự giàu có của buôn làng. Làng càng to, giàu thì nhà rông càng lớn, đẹp. Nhà rông của người Bana có mái vút cao như một lưỡi rìu khổng lồ chĩa lên trời, dựng trên những cột vững, có sàn rộng, chắc chắn. Trong nhà có dàn để chiêng trống, có chỗ đặt các ché rượu cần theo thứ tự to nhỏ. Vách nhà treo đầy giáo mác, cung nỏ và những bộ da thú, đầu thú, xương thú qua những cuộc săn bắn. Nhà rông là câu lạc bộ của các chàng trai chưa vợ, chỗ hội họp vui chơi của dân làng, là nhà khách và nơi hành lễ.

Một số tộc người thiểu số thích ăn cơm nếp, uống rượu cần, hút thuốc bằng tẩu dài. Đàn ông trang phục nhiều kiểu khác nhau, một số tộc người thường chít khăn, mặc áo màu xanh chàm. Ở Tây Nguyên, một số nơi đàn ông đóng khố, cởi trần. Đàn bà thường mặc áo, váy (một số tộc gọi là xà rông), thêu hoa văn nhiều màu sắc, đường nét đẹp và tỉ mỉ, đeo nhiều đồ trang sức như các vòng khuyên bằng bạc, đồng, ngà. Một số tộc người vẫn còn tục xăm mình, có nơi xăm cả mặt, hoặc tục cà răng căng tai.

? – *Vì sao các tộc người thiểu số sống chủ yếu dựa vào nông, lâm nghiệp?*

3. Đời sống tinh thần - văn hóa của người thiểu số

Trong xã hội các tộc người thiểu số ở Việt Nam, đời sống tình cảm tín ngưỡng rất được coi trọng. Phần lớn họ đã sống trong các gia đình phụ quyền, một số dân tộc vẫn còn những tàn dư của chế độ mẫu quyền như tục nối dõi theo dòng mẹ, tục ở rể, tục nhà gái dẫn cưới. Việc hôn nhân, ma chay thường có nhiều lễ nghi tục lệ khá phức tạp và tốn kém.

Đa số người miền núi còn tin ở linh hồn, ma quỷ, ở những thế lực siêu phàm ban phúc giáng họa cho con người. Họ thường thờ các vật linh như hòn đá, gốc cây, dòng suối, thú vật. Người thiểu số hay tổ chức các dịp cúng tế, do các thày mo, thày cúng đảm nhiệm, đôi khi có phần mê tín dị đoan. Đó là một loại tín ngưỡng đa thần giáo.

Lễ hội và nghệ thuật múa của các tộc người thiểu số khá phát triển. Có nhiều dịp lễ hội trong năm, đáng kể là các dịp Tết nguyên đán đầu năm, các lễ hội mùa xuân (có các hội tung còn của người Thái, hội lồng tồng của người Tày – Nùng). Trong các lễ hội đó, mọi người múa hát nhiều điệu đặc sắc, như các điệu múa xòe nón (Thái), múa sạp (Mường), múa sư tử (Nùng), múa rông – chiêng (Bana, Giarai), múa quạt (Chăm)...

thuongmaitr

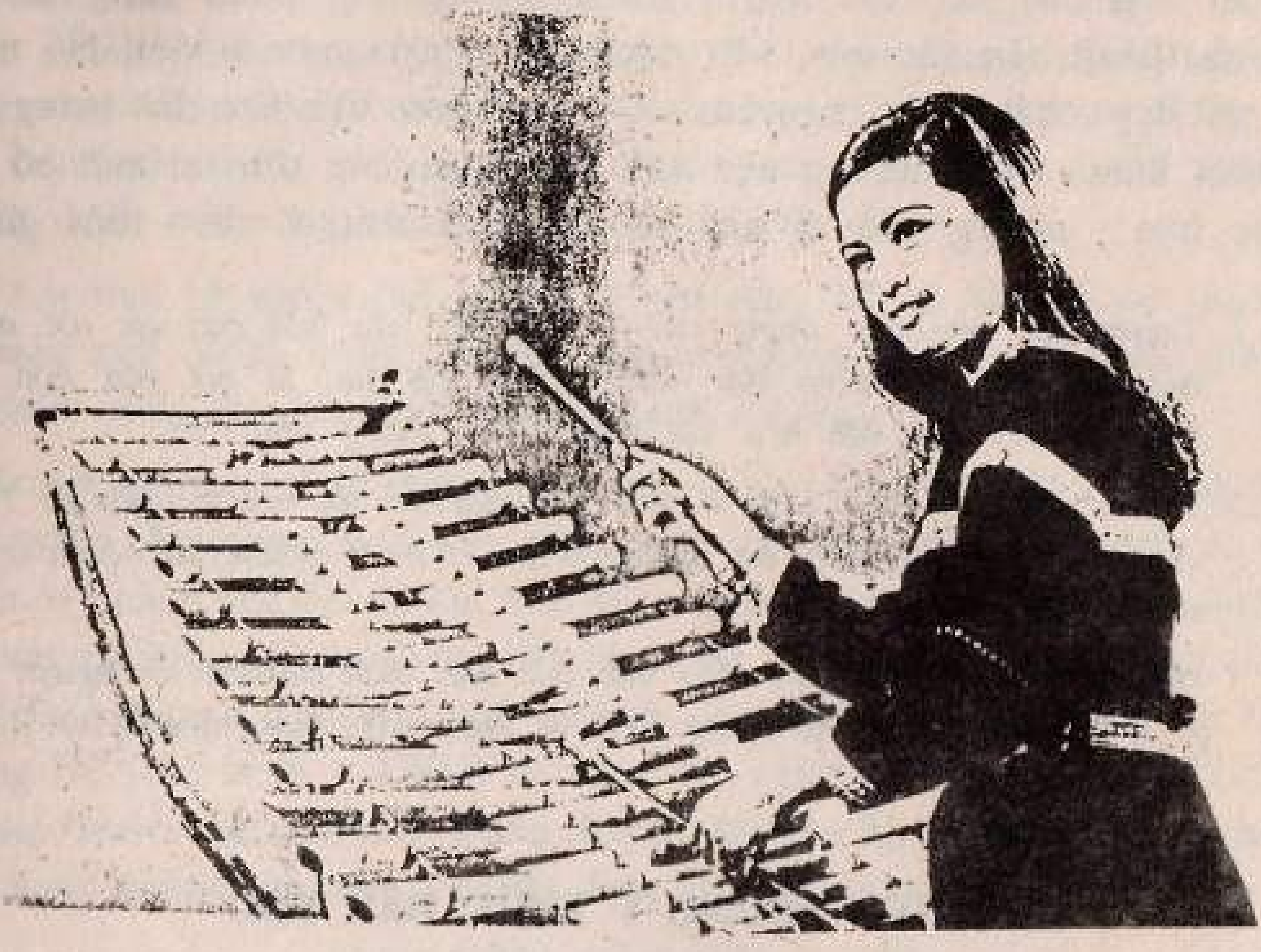

uongxua.vn

Hình 16 – Đàn t'rưng Tây Nguyên

hoặc các điệu hát lượn, hát si (Tày – Nùng), hát ví (Mường), theo âm thanh nhịp điệu của các nhạc cụ dân tộc độc đáo như khèn (Thái, Mường), đàn môi (H'mông), cồng chiêng, đàn tơ–rưng (các dân tộc Tây Nguyên).

Một số loại hình kiến trúc, điêu khắc của các tộc người thiểu số cũng trở thành nổi tiếng như các tháp Chàm của người Chăm xưa kia, các tượng gỗ nhà mồ của người Tây Nguyên.

> Tháp Chàm là những kiến trúc độc đáo nổi tiếng của người Chăm trước kia, một số nay còn lại ở các vùng Quảng Nam – Đà Nẵng và Khánh Hòa, Thuận Hải. Đó là những tháp – miếu thờ thần, có kích thước tương đối nhỏ (cao khoảng 10m–30m), được xây trên những đồi cao, kĩ thuật và phong cách gần giống nhau. Tháp đáy vuông gồm khoảng 3 – 4 tầng, thon dần, xây bằng gạch đỏ thẫm, gắn bằng một thứ vữa đặc biệt cùng màu không tách ra được, người xem có cảm tưởng như đó là một ngọn tháp nguyên khối. Tháp Chàm chịu ảnh hưởng của kiến trúc các nước trong khu vực, nhất là của các đền tháp miền Nam Ấn.

Họ cũng để lại một số tác phẩm văn học truyền miệng có giá trị như các trường ca "Đẻ đất đẻ nước" (Mường), trường ca "Đăm San" (Êđê) và trường ca "Xinh Nhã" (Êđê, Giarai)...

Văn hóa của các tộc người thiểu số đã góp phần đáng kể vào sự hình thành nền văn hóa, văn minh chung của người Việt. Nó mang một vẻ đẹp chất phác, nguyên sơ, được bảo tồn lâu dài trong lịch sử. Mặt khác, trong những nền văn hóa này cũng tồn tại một số yếu tố lạc hậu ; những yếu tố này sẽ dần dần mất đi theo thời gian.

? *1. Trong nền văn hóa chung của Việt Nam, văn hóa của các tộc người thiểu số đã có những đặc điểm gì ? Tại sao ta nói văn hóa Việt Nam là một nền văn hóa "đa dạng trong thống nhất" ?*

2. Vài nét về đời sống kinh tế, vật chất của các tộc người thiểu số ? Đời sống đó đã phù hợp với những điều kiện tự nhiên, xã hội như thế nào ?

3. Những nét chính về đời sống văn hóa tinh thần của các tộc người thiểu số ? Tại sao ta nói nó mang một vẻ đẹp chất phác, nguyên sơ ?

Bài 19

TRUYỀN THỐNG Ý THỨC DÂN TỘC CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM

thuongmaitr

Truyền thống ý thức dân tộc là một nét nổi bật trong đời sống văn hóa tinh thần của người Việt. Hình thành từ rất sớm, truyền thống đó đã được củng cố và phát huy qua hàng ngàn năm lịch sử. Truyền thống đó đã được biểu hiện ở sự sớm hình thành và phát triển của một quốc gia - dân tộc, ở công cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập và củng cố thống nhất đất nước, ở sự giữ gìn và lưu truyền nền văn hóa truyền thống.

1. Hình thành và phát triển quốc gia - dân tộc

Ngay từ những ngày đầu dựng nước, nhân dân ta đã sớm có ý thức về một dòng giống chung (con Rồng, cháu Tiên). Ý thức đó chính là chất men cố kết ban đầu của những cộng đồng cư dân tiến tới một cộng đồng dân tộc.

Sách cổ *Lĩnh nam chích quái* chép về truyện họ Hồng Bàng, kể rằng Lạc Long Quân (nguồn gốc Rồng, ở dưới nước) đã lấy nàng Âu Cơ (nguồn gốc Tiên, ở trên đất), đẻ ra một bọc trăm trứng, nở ra trăm người con trai, về sau một nửa theo mẹ lên núi, một nửa theo cha xuống biển, thành ra tổ tiên các tộc người Việt.

Trong những thế kỉ sau, ý thức đó đã phát triển trở thành tinh thần dân tộc và lòng yêu nước của con người Việt Nam.

Nhân dân ta cũng sớm có tinh thần đoàn kết trong công cuộc đấu tranh chinh phục thiên nhiên (đắp đê, đào kênh phòng chống lụt, hạn), cũng như trong công cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Cũng qua quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, các tộc người đa số và thiểu số đã đoàn kết cùng nhau trong sản xuất và chiến đấu.

Phôi thai từ nhiều thế kỉ trước, tới đầu thế kỉ XI, với sự thiết lập bộ máy nhà nước quân chủ tập quyền tương đối hoàn chỉnh của nhà Lý, một quốc gia-dân tộc Việt đã hình thành.

Trong những thế kỉ tiếp theo, quốc gia – dân tộc Việt đã từng bước phát triển về quy mô lãnh thổ. Nhân dân đã cùng nhau khai phá các vùng đất mới hoang hóa ở ven núi, ven biển. Mặt khác, trong quá trình lịch sử, các vương triều phong kiến Việt Nam đã dần dần mở rộng lãnh thổ từ vùng Đèo Ngang (Quảng Bình) tiến về phía nam, qua các phần đất thuộc Trung Bộ (thế kỉ X – XVII) và Nam Bộ ngày nay (thế kỉ XVIII). Cùng với việc mở rộng lãnh thổ, nhiều đợt di dân lập ấp, khai phá ruộng hoang tạo dựng những thị trấn cũng đã diễn ra trên các vùng đất mới.

? *– Quá trình hình thành và phát triển của quốc gia – dân tộc Việt ?*

uongxua.vn

2. Bảo vệ độc lập và củng cố thống nhất đất nước

Trong suốt chiều dài lịch sử, dân tộc Việt Nam đã phải trải qua nhiều cuộc thử thách trước các thế lực ngoại xâm để bảo vệ nền độc lập dân tộc của mình, đặc biệt đối với các vương triều phong kiến phương Bắc. Sau khi thoát khỏi một ngàn năm Bắc thuộc, các vương triều Việt như Lý, Trần, Lê, Tây Sơn, Nguyễn đã phải liên tiếp đương đầu chống lại sự xâm lược và đô hộ của các thế lực nước ngoài. Truyền thống dân tộc, tinh thần yêu nước đoàn kết toàn dân đã góp phần quyết định vào những thắng lợi chống xâm lăng. Từ giữa thế kỉ XIX, nhân dân ta lại tiếp tục đấu tranh bảo vệ nền độc lập dân tộc chống lại những thế lực xâm lược tư bản phương Tây.

Gắn liền với quá trình bảo vệ độc lập dân tộc là quá trình củng cố thống nhất đất nước. Sau cuộc loạn 12 sứ quân, về cơ bản, nền thống nhất đất nước đã được xây dựng với sự tồn tại một nhà nước quân chủ tập quyền. Khi chính quyền trung ương suy yếu, ở Việt Nam cũng đã xảy ra những hiện tượng phân liệt, như tình trạng Nam Bắc triều (thời Lê – Mạc) hoặc cục diện Trịnh – Nguyễn phân tranh. Tuy nhiên, xu thế thống nhất đất nước vẫn là cơ bản. Cuối thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XIX, Nguyễn

Huệ rồi sau đó là Gia Long đã hoàn thành công cuộc thống nhất quốc gia.

Trong lịch sử, yếu tố thống nhất đất nước còn được củng cố thêm bằng một chính quyền quân chủ tập trung sớm được thành lập. Dưới các triều đại phong kiến, cơ quan quyền lực tối cao là triều đình, đứng đầu là một nhà vua tối thượng, có bộ máy quan liêu giúp việc. Các cấp chính quyền cơ sở ở trong cộng đồng các làng xã tuy có quyền tự trị nhất định nhưng vẫn bị ràng buộc và phục tùng nhà nước trung ương (nộp thuế, giao phu, tuyển lính). Ở Việt Nam, không có tình trạng cát cứ phân quyền như ở Tây Âu thời trung đại, đặc điểm này tạo điều kiện thuận lợi cho tinh thần dân tộc nảy nở.

? – *Về mặt chính trị, truyền thống về ý thức dân tộc đã biểu hiện ra ở những khía cạnh nào trong lịch sử ?*

3. Gìn giữ và lưu truyền nền văn hóa truyền thống

Văn hóa truyền thống Việt Nam được nảy sinh và định hình với nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc, nảy nở và phát triển qua nền văn minh Đại Việt, đó là một yếu tố quan trọng trong việc gìn giữ và phát huy truyền thống dân tộc.

thuongmaitr

Nằm trong khu vực ảnh hưởng của văn minh Trung Hoa, lại đã từng chịu sự đô hộ chính trị của quốc gia láng giềng này trong nhiều thế kỉ, nhưng Việt Nam vẫn giữ được những bản sắc văn hóa dân tộc của mình. Nhân dân ta vẫn giữ gìn được lối sống, phong tục, tập quán, tiếng nói riêng của dân tộc, nhất là trong các làng xã. Từ thời Lý – Trần, lối chữ viết riêng của người Việt (chữ Nôm) cũng đã được dùng phổ biến trong nhiều tầng lớp xã hội.

> Nguyễn Trãi đã viết trong "Bình Ngô đại cáo": "Nước Đại Việt ta từ trước, vốn xây nền văn hiến đã lâu. Cõi bờ sông núi đã riêng, phong tục Bắc – Nam cũng khác".

Văn hóa truyền thống của người Việt đã được lưu truyền từ đời này qua đời khác, có tiếp thu những ảnh hưởng bên ngoài, nhưng đã có khả năng hòa nhập những ảnh hưởng đó vào dòng chảy của mình. Những thể chế chính trị, lễ nghi đạo đức Nho giáo Trung quốc du nhập từ phương Bắc, đạo Phật có nguồn gốc Ấn Độ vào Việt Nam theo cả hai đường biển và đường bộ, một số yếu tố của nghệ thuật Chăm du nhập từ phương Nam, tất cả đều đã được nhân dân ta đồng hóa, cải biến đi cho thích hợp với điều kiện sống, đặc điểm xã hội và tâm lí dân tộc của người Việt.

Người bình dân Việt Nam tiếp thu những học thuyết, tôn giáo từ bên ngoài du nhập vào chủ yếu không qua những lí luận phức tạp, cao siêu mà là ở mặt thực tiễn, ứng xử xã hội, phù hợp với những tình cảm và đạo lí cổ truyền của dân tộc. Đạo Nho dạy cho họ lòng nhân nghĩa, thương yêu con người, cũng như đạo Phật truyền cho họ tinh thần từ bi hỉ xả, gắng làm điều thiện.

Chính nhờ ở tinh thần dân tộc thể hiện trong nền văn hóa truyền thống nên Việt Nam tuy đã có những thời kì bị nước ngoài chinh phục, đô hộ nhưng chưa bao giờ bị khuất phục, để cuối cùng vẫn khôi phục lại được đất nước và nền văn hóa lâu đời của mình.

? *1. Tại sao ta nói : "Qua những thời kì bị nước ngoài đô hộ, nhân dân Việt Nam vẫn giữ gìn và bảo vệ được nền văn hóa dân tộc truyền thống" ?*

2. Trong lịch sử, người Việt Nam đã tiếp thu những ảnh hưởng văn hóa du nhập từ bên ngoài vào như thế nào ?

uongxua.vn

Chương II

KHÁI QUÁT TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ GIỮA THẾ KỈ XIX ĐẾN HẾT CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

Bài 20

SỰ KHỦNG HOẢNG CỦA CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN VIỆT NAM NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX VÀ CUỘC XÂM LƯỢC VIỆT NAM CỦA THỰC DÂN PHÁP

1. Sự khủng hoảng của chế độ phong kiến Việt Nam dưới triều Nguyễn

Nửa sau thế kỉ XVIII, chế độ phong kiến Việt Nam đã lâm vào một cuộc khủng hoảng trầm trọng. Tới đầu thế kỉ XIX, nhà Nguyễn được thiết lập. Các nhà vua của triều đại này bằng nhiều biện pháp đã cố gắng khôi phục lại mô hình nhà nước quân chủ chuyên chế đến lúc này đã trở nên

lỗi thời và kìm hãm lịch sử phát triển. Mặc dù có đạt được một số thành tựu, nhưng nhìn chung triều Nguyễn đã không cứu vãn được mà chỉ làm cho cuộc khủng hoảng xã hội Việt Nam sâu sắc thêm, trở nên đặc biệt nghiêm trọng vào giữa thế kỉ XIX dưới triều vua Tự Đức.

Trước hết, khủng hoảng diễn ra ở mặt kinh tế. Ở Việt Nam lúc này, sản xuất nông nghiệp trì trệ, ruộng đất bị cường hào địa chủ chấp chiếm, nông dân lưu tán, thiên tai mất mùa cùng nạn đói đã liên tiếp xảy ra. Thủ công nghiệp trong các làng chuyên nghề và ở một số đô thị tuy phát triển hơn trước, có những mặt hàng đạt trình độ tinh xảo, nhưng đã bị nhà nước phong kiến kìm hãm nặng nề bằng chính sách thuế má và trưng tập thợ khéo.

Về chính trị, triều đình phong kiến Nguyễn đã thi hành một chính sách cai trị chuyên chế ở mức độ cao, dùng những điều luật hà khắc để trừng trị mọi hành vi bị coi là phản nghịch, chống đối. Nhà nước cũng thi hành một chính sách cấm đạo Giatô ngặt nghèo. Thêm vào đó, , tệ quan lại tham nhũng và nạn cường hào hà hiếp đã phổ biến khắp nơi, làm dân tình điêu đứng.

Nhà nho Nguyễn Tư Giản thời Tự Đức viết về tệ tham quan ô lại : "Họ ngày đêm tính toán, chỉ tiền là ham, hoặc lấy tiền công khai, hoặc lấy tiền lén lút. Khi tuyển dụng người thì lấy tiền làm sự tuyển trước hay tuyển sau ; khi xét hỏi hình án thì lấy tiền làm mức nặng mức nhẹ ; khi xử kiện thì lấy tiền làm lẽ ngay lẽ cong ; khi thu thuế của dân thì lấy tiền làm mức thu nhanh hay thu chậm. Họ dùng danh nghĩa chung của triều đình làm cái túi riêng của cá nhân họ, thế mà vẫn trông cao bước rộng, tự mệnh danh cho mình là văn thần..."

Mâu thuẫn xã hội giữa đẳng cấp thứ dân và đẳng cấp quan liêu, giữa nông dân và cường hào địa chủ ngày càng trở nên gay gắt. Trong nửa đầu thế kỉ XIX, có đến 500 cuộc khởi nghĩa, bạo loạn lớn nhỏ của nông dân đã bùng nổ. Một tác giả phương Tây viết về triều Nguyễn : "Đó là một xã hội đang lên cơn sốt trầm trọng".

? – *Giải thích câu nói : "Xã hội thời Nguyễn là một xã hội đang lên cơn sốt trầm trọng".*

2. Những thách thức lịch sử và chính sách bảo thủ của triều Nguyễn

Trong lúc đó, các nước tư bản phương Tây, sau những cuộc cách mạng chính trị và cách mạng công nghiệp, đang trên đà phát triển thế lực về mọi mặt, đẩy mạnh công cuộc chinh phục thuộc địa để tìm kiếm nguyên liệu và thị trường. Nhiều nước ở châu Á đã bị xâm lược. Việt Nam trở thành miếng mồi béo bở cho đế quốc thực dân, chủ yếu là đế quốc Pháp.

thuongmaitr

Những thử thách lịch sử đó đặt ra cho Việt Nam hai con đường lựa chọn : hoặc là tiến hành cải cách nhằm thoát khỏi tình trạng khủng hoảng ở trong nước, mở rộng quan hệ bang giao để khôn khéo bảo toàn chủ quyền độc lập, hoặc là chìm đắm trong chính sách thủ cựu và tự cô lập nhằm cố gắng bằng mọi cách duy trì chế độ quân chủ chuyên chế lạc hậu và phản động. Một số nho sĩ thức thời lúc đó, tiêu biểu là Nguyễn Trường Tộ, đã nhìn thấy nguy cơ, kịp thời đưa ra những đề nghị cải cách và mở cửa nhằm cứu vãn tình thế, nhưng đều không được chấp nhận.

Nguyễn Trường Tộ (1828–1871) sinh tại Nghệ An, trong một gia đình công giáo. Thuở nhỏ, ông học chữ Nho, rất thông minh chăm chỉ ; sau được một cố đạo gửi sang Pháp theo học các ngành khoa học kĩ thuật. Trở về Sài Gòn (1861) làm phiên dịch một thời gian, sau đó lui về quê nhà. Ông đã gửi một loạt các bản điều trần lên triều đình Huế, đề nghị tiến hành cải cách đất nước về mọi mặt như khuyến khích kĩ nghệ, khoa học, chống tham nhũng, sửa đổi chế độ thi cử, mở rộng quan hệ buôn bán và ngoại giao với nước ngoài, làm cho dân giàu nước mạnh. Tuy nhiên, triều đình Nguyễn và giới quan lại thủ cựu đã khước từ những đề nghị tiến bộ đó của ông.

Dựa vào hệ tư tưởng Nho giáo và đám quan lại nho sĩ cổ hủ, triều Nguyễn đã thi hành một đường lối hết sức bảo thủ, lạc hậu. Đối nội, nhà Nguyễn cự tuyệt những đề nghị cải cách, khăng khăng duy trì chính sách cai trị cũ kĩ. Đối ngoại, nhà Nguyễn thi hành chính sách "bế quan tỏa cảng", độc quyền ngoại thương, cấm đoán nhân dân không được tiếp xúc giao lưu với thế giới bên ngoài, đặc biệt là với các nước phương Tây.

uongxua.vn

Năm 1876, trong đầu đề của một bài văn sách của khoa thi Đình, có câu : "Nước Nhật Bản theo học các nước Thái Tây mà nên được phú cường. Vậy nước ta có nên bắt chước không ?" Nhất loạt các nho sĩ dự thi đều tâu rằng : "Nhật Bản thuở trước vẫn theo văn minh của nước Tàu, mà bây giờ thay đổi thói cũ theo nước Thái Tây, thì dẫu là có nên phú cường, về sau này cũng hóa ra loài mọi rợ !"

Hậu quả dẫn đến là tiềm lực đất nước ngày càng suy yếu kiệt quệ, mối nguy cơ đe dọa từ bên ngoài càng gia tăng, tạo điều kiện thuận lợi cho thực dân Pháp kiếm cớ tiến hành xâm lược nước ta.

? – *Nhà Nguyễn đã duy trì một chính sách bảo thủ phản động như thế nào về đối nội và đối ngoại ?*

3. Cuộc xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp

Từ lâu, thực dân Pháp đã dòm ngó Việt Nam. Trong những năm 40 của thế kỉ XIX, tàu chiến Pháp nhiều lần kéo đến đe dọa, thị uy ngoài

cửa biển Đà Nẵng.

Sau khi can thiệp vũ trang vào miền Nam Trung Quốc, tháng 8 năm 1858, vin cớ nhà Nguyễn khủng bố đạo Gia tô, thực dân Pháp phối hợp với Tây Ban Nha đã đem tàu chiến đến bắn phá cảng Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm lược nước ta.

Năm 1859, bị sa lầy ở mặt trận Đà Nẵng, Pháp đã chuyển đại quân vào Nam Kì, đánh chiếm thành Gia Định. Sau đó, dùng thủ đoạn vừa đánh vừa hòa, thực dân Pháp lần lượt thôn tính trọn vẹn sáu tỉnh Nam Kì.

Bước sang giai đoạn hai thực dân Pháp đã đem quân ra miền Bắc, hai lần đánh chiếm thành Hà Nội (1873, 1882), rồi sau đó, thôn tính một số tỉnh Bắc Kì, gây chiến với nhà Thanh để loại bỏ ảnh hưởng của Trung Quốc đối với Việt Nam. Tháng 8 năm 1883, lợi dụng lúc triều đình Huế rối ren sau khi vua Tự Đức chết, thực dân Pháp đem tàu chiến tấn công kinh đô Huế, buộc nhà Nguyễn phải thừa nhận quyền thống trị của Pháp bằng những hòa ước 1883, 1884.

Sau gần 30 năm, với chủ trương lấn dần từng bước, kết hợp việc dùng vũ lực với những thủ đoạn chính trị, thực dân Pháp đã cơ bản hoàn thành công cuộc chinh phục Việt Nam.

?

1. Cuộc khủng hoảng của chế độ phong kiến Việt Nam dưới triều Nguyễn đã diễn ra như thế nào ? Tại sao ta nói chế độ quân chủ chuyên chế lúc này đã trở nên lỗi thời và kìm hãm lịch sử phát triển ?

2. Những khả năng nào đặt ra cho Việt Nam trước cuộc khủng hoảng trong nước và mối nguy cơ đe dọa từ bên ngoài ? Tại sao triều đình Nguyễn lại cố tình duy trì đường lối bảo thủ, phản động ?

3. Nguyên nhân và duyên cớ của việc thực dân Pháp xâm lược Việt Nam ? Chúng đã tiến hành những thủ đoạn gì trong cuộc xâm lược đó ?

Bài 21

QUÁ TRÌNH ĐẤU TRANH CHỐNG XÂM LƯỢC CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM - TỔ CHỨC VÀ CHÍNH SÁCH CAI TRỊ CỦA THỰC DÂN PHÁP

1. Các cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược

Trong suốt quá trình xâm lược Việt Nam gần 30 năm, thực dân Pháp đã vấp phải sự kháng cự mạnh mẽ của các tầng lớp nhân dân ta đứng lên chống xâm lược.

thuongmaitr

Một số quan lại yêu nước của triều đình Huế đã nêu những tấm gương sáng về lòng căm thù, bất khuất. Ngay từ khi Pháp đánh chiếm Đà Nẵng, đốc học Phạm Văn Nghị đã đem 300 quân tình nguyện từ Bắc vào kinh đô Huế xin được lên đường giết giặc. Tổng đốc Nguyễn Tri Phương cùng con trai đã anh dũng hi sinh khi bảo vệ thành Hà Nội năm 1873. Tổng đốc Hoàng Diệu cũng đã kiên cường chiến đấu khi Pháp đánh thành Hà Nội lần thứ hai (1882) và đã tuẫn tiết, không chịu để sa vào tay giặc.

Nhiều cuộc kháng chiến tự động của nhân dân đã nổ ra khi Pháp xâm lược Nam Kì và Bắc Kì. Trương Định và con là Trương Quyền đã trở thành những thủ lĩnh nghĩa quân Nam Kì từng làm quân giặc phải kinh sợ. Tên tuổi Nguyễn Trung Trực vang lừng với những chiến công mưu trí đốt tàu giặc trên sông và lời thề khẳng khái trước lúc hi sinh, bên cạnh những thủ lĩnh khác của Nam Kì kháng Pháp như Võ Duy Dương, hai anh em Phan Tôn và Phan Liêm, Nguyễn Hữu Huân. Ngoài Bắc, nghĩa quân Cờ đen đã hai lần lập chiến công giết tướng giặc trong những trận phục kích ở Cầu Giấy, vùng ven Hà Nội.

Nhiều trí thức nho sĩ đã dùng ngòi bút của mình làm vũ khí tố cáo quân cướp nước và bán nước, như người thầy giáo "đui mắt sáng lòng" Nguyễn Đình Chiểu với bài "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" rung cảm thiết tha, nhà thơ yêu nước Phan Văn Trị với những bài thơ bút chiến nảy lửa, vạch mặt phường bán nước.

truongxua.vn

? – *Kể một số tên tuổi tiêu biểu trong cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống Pháp xâm lược ?*

2. Phong trào khởi nghĩa Cần Vương

Sau khi thực dân Pháp căn bản hoàn thành cuộc xâm lược Việt Nam với hòa ước 1884, cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống xâm lược đã chuyển qua một giai đoạn mới. Mở đầu là cuộc tấn công trại lính Pháp nằm cạnh kinh thành Huế, dưới sự chỉ huy của Tôn Thất Thuyết lấy danh nghĩa nhà vua yêu nước trẻ tuổi Hàm Nghi. Bị thất bại, Tôn Thất Thuyết đã phò Hàm Nghi lánh vào vùng rừng núi, thảo chiếu Cần Vương, kêu gọi các sĩ phu văn thân cùng toàn dân tiếp tục chiến đấu. Mặc dù sau đó vua Hàm Nghi đã bị bắt và bị đẩy ra nước ngoài (1888), phong trào khởi nghĩa vũ trang Cần Vương vẫn tiếp tục phát triển trong nhiều địa phương ở Trung Kì và Bắc Kì, cho đến tận những năm cuối của thế kỉ XIX.

Ở Trung Kì, có các cuộc khởi nghĩa chính như khởi nghĩa Ba Đình, Hùng Lĩnh, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Hương Khê (Hà Tĩnh) của Phan Đình Phùng, kéo dài 10 năm (1885–1895).

Phan Đình Phùng (1847–1895), người huyện Đức Thọ tỉnh Hà Tĩnh, năm 30 tuổi đỗ tiến sĩ thủ khoa, được bổ đến chức Ngự sử ở triều đình Huế. Năm 1883, vì dùng lời nói thẳng can ngăn, ông bị cách chức về làng. Nhưng đến khi phong trào Cần Vương bùng nổ ông lại được vời ra chỉ huy việc quân, tiếp tục chiến đấu, xây dựng căn cứ chống Pháp ở Hương Khê, sau khi vua Hàm Nghi bị bắt. Giặc Pháp đã nhiều lần tấn công, uy hiếp ông, dùng Hoàng Cao Khải là người cùng quê với ông viết thư mua chuộc dụ dỗ, nhưng đều thất bại trước thái độ khẳng khái kiên cường của ông. Ông bị thương và sau đó lâm bệnh mất vào cuối năm 1895.

Ở Bắc Kì, có những cuộc khởi nghĩa có địa bàn rộng lớn như các cuộc khởi nghĩa sông Đà, khởi nghĩa Bãi Sậy. Cuộc khởi nghĩa nông dân Yên Thế trong thời gian này không mang tính chất Cần Vương, nhưng đã kéo dài trên 30 năm, gây nhiều lúng túng cho thực dân Pháp.

Trong phong trào Cần Vương, các thủ lĩnh sĩ phu văn thân, liên kết với các thổ hào địa phương, đã tập hợp đông đảo quần chúng nông dân trong vùng, dùng những vũ khí thô sơ nổi dậy chống lại cuộc bình định của thực dân Pháp. Các sĩ phu muốn khôi phục một vương triều phong kiến có chủ quyền, các thổ hào muốn giành lại những thế lực bị tước đoạt, nông dân chống lại sự bóc lột thuế má và cướp đoạt ruộng đất, tất cả được gắn bó lại trên danh nghĩa của một phong trào yêu nước chống xâm lược mang tính chất truyền thống.

Phong trào yêu nước Cần Vương thất bại, nằm chung trong so sánh lực lượng giữa các thế lực phong kiến Việt Nam đang suy tàn và lực lượng tư bản thực dân Pháp đã củng cố được nền thống trị thuộc địa. Tuy nhiên, đó là nguồn cổ vũ tinh thần to lớn cho những trào lưu dân tộc chủ nghĩa mới ra đời trong những thập kỉ đầu của thế kỉ XX.

? – *Kể tên một vài cuộc khởi nghĩa Cần Vương tiêu biểu ?*

3. Buổi đầu tổ chức việc cai trị của thực dân Pháp

Ngay từ khi bắt đầu chinh phục sáu tỉnh Nam Kì, thực dân Pháp đã thiết lập bộ máy thống trị và tiến hành vơ vét bóc lột ở những vùng chúng chiếm đóng. Sau năm 1884, Pháp mở rộng bộ máy thống trị đó ra toàn cõi Việt Nam.

Về chính trị, thực dân Pháp ra sức thi hành chính sách "chia để trị". Chúng coi Nam Kì là đất thuộc địa với chế độ trực trị, đứng đầu là một viên Thống đốc. Cai trị mỗi tỉnh là một viên Chủ tỉnh. Tất cả các quan chức đó đều là người Pháp.

Bắc Kì và Trung Kì được coi như những xứ nửa bảo hộ và bảo hộ. Mỗi xứ có một viên Thống sứ (Bắc Kì) hoặc Khâm sứ (Trung Kì) người Pháp đứng đầu. Quan chức Pháp cai trị cấp tỉnh là các viên Công sứ.

Để lừa bịp dư luận, thực dân Pháp đã duy trì bên cạnh các quan chức Pháp một bộ máy chính quyền bù nhìn người Việt. Trên danh nghĩa, triều đình Huế còn cai trị Trung Kì và cử viên Kinh lược sứ làm đại diện ở Bắc Kì. Ở cấp tỉnh vẫn có các Tổng đốc và Tuần phủ người Việt, nhưng đều phải làm theo Công sứ Pháp. Thực dân Pháp chủ trương duy trì, dung dưỡng bộ máy chính quyền người Việt ở cấp huyện và xã. Cai trị các xã là lí trưởng và hội đồng kì mục.

Về kinh tế, thời gian này Pháp chưa tiến hành khai thác quy mô, mà chủ trương gia tăng thuế má, vơ vét lúa gạo, chiếm đoạt ruộng đất làm đồn điền. Pháp đã duy trì nền kinh tế phong kiến địa chủ – tá điền ở nông thôn, dựa vào tầng lớp cường hào làng xã để tăng cường bóc lột dân chúng.

ruongxua.vn

?

1. Khi Pháp xâm lược Việt Nam, chúng đã vấp phải sự kháng cự của các tầng lớp nhân dân ta như thế nào ?

2. Tại sao lại gọi là phong trào Cần Vương ? Vì sao phong trào này đã tập hợp được nhiều tầng lớp xã hội khác nhau tham gia ?

3. Nói qua vài nét về bộ máy thống trị Pháp ở Việt Nam sau khi chúng hoàn thành xâm lược. Vì sao chúng đã duy trì cơ cấu làng xã và nền kinh tế địa chủ phong kiến ?

Bài 22
SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA XÃ HỘI VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỈ XX - SỰ RA ĐỜI CỦA TRÀO LƯU DÂN TỘC CHỦ NGHĨA

1. Sự chuyển biến của xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX

Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, sau khi dập tắt được phong trào khởi nghĩa Cần Vương, cơ bản hoàn thành công cuộc bình định, thực dân Pháp đã chuyển hướng trong chính sách cai trị. Chúng từng bước

kiện toàn bộ máy thống trị hoàn chỉnh, tiến hành *cuộc khai thác kinh tế lần thứ nhất* một cách có hệ thống, bước đầu xây dựng những cơ sở văn hóa phục vụ lâu dài cho chính sách thuộc địa thực dân.

Về chính trị, thực dân Pháp đã thành lập một chính phủ chung cai trị 5 xứ Đông Dương (Bắc Kì, Trung Kì, Nam Kì, Miên và Lào), đứng đầu là một viên Toàn quyền người Pháp. Chúng lập ra những đội quân thuộc địa người ngoại quốc và những đội lính cơ người Việt, những tòa án Tây và tòa án Nam, nhiều nhà tù để đàn áp mọi cuộc nổi dậy. Về kinh tế, chúng xây dựng một hệ thống giao thông đường sắt, bộ, cầu cống phục vụ cho việc bình định và khai thác, đẩy mạnh khai mỏ và lập đồn điền, mở rộng các đô thị, hải cảng. Về văn hóa, bên cạnh việc duy trì nền giáo dục Hán học cũ, chúng mở một số công sở và trường chuyên nghiệp dạy chữ Pháp và quốc ngữ, nhằm đào tạo một tầng lớp tay sai.

Chính sách cai trị mới của thực dân Pháp đã làm cơ cấu xã hội truyền thống Việt Nam biến đổi. Giai cấp công nhân Việt Nam (chủ yếu trong các công trường và hầm mỏ) hình thành. Ở các đô thị, xuất hiện một tầng lớp công thương và tiểu tư sản thành thị.

Các sĩ phu nho học cũng có nhiều chuyển biến về tư tưởng chính trị và kinh tế.

Bên cạnh việc đọc các kinh sách Nho giáo, các nho sĩ này cũng đã đọc những cuốn sách mới của các tác giả châu Âu và Trung Quốc, đồng thời lập nên những nhà hàng và công ti để kinh doanh, sản xuất.

? – *Thực dân Pháp đã chuyển hướng chính sách cai trị của chúng ở Việt Nam trong hoàn cảnh nào ?*

2. Những ảnh hưởng bên ngoài tác động vào Việt Nam

Trong khi đó, những thông tin về tình hình chính trị các nước trên thế giới, nhất là ở các quốc gia châu Á gần gũi với Việt Nam như Trung Quốc và Nhật Bản, đã có điều kiện thâm nhập vào Việt Nam, đặc biệt tới giới trí thức sĩ phu và các tầng lớp dân đô thị.

Phong trào cải cách chính trị – văn hóa ở Trung Quốc (với những gương mặt tiêu biểu như Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu), cùng với nó là những tư tưởng cách mạng Pháp được dịch qua chữ Hán (như

các tác phầm của Môngtexkiơ, Rutxô...) đã tác động vào Việt Nam. Giới sĩ phu lúc này thấy được thế suy tàn của các chế độ phong kiến châu Á và sự cần thiết phải cải cách xã hội. Cách mạng Tân Hợi nổ ra ở Trung Quốc năm 1911 càng giúp một số sĩ phu Việt Nam đoạn tuyệt với những tư tưởng quân chủ bảo hoàng trước kia để chuyền qua tư tưởng cộng hòa.

Mặt khác, hơn 30 năm sau cuộc Duy tân Minh Trị, Nhật Bản trở thành một nước tư bản chủ nghĩa hùng mạnh, đã làm các sĩ phu Việt Nam khâm phục, nhất là sau chiến công vang dội đánh bại Nga hoàng năm 1905. Sự cường thịnh của Nhật Bản đầu thế kỉ XX có tác động lớn đối với tư tưởng của sĩ phu Việt Nam. Trước hết, họ thấy rằng muốn nước nhà được hùng mạnh, cần phải duy tân cải cách theo tấm gương của Nhật Bản ; hơn nữa, có thể nhờ sự giúp đỡ của Nhật Bản là nước "đồng văn đồng chủng" với Việt Nam để đánh đuổi bọn thực dân đô hộ Pháp.

Các sĩ phu Việt Nam đầu thế kỉ XX đã hô hào noi theo tấm gương đổi mới của nước Nhật :

Cờ độc lập đứng đầu phất trước
Nhật Bản kia vốn nước đồng văn
Á Đông nổi hiệu duy tân
Nhật hoàng Minh Trị anh quân ai bì ? . . .
. . . Gương Nhật Bản đất Á Đông
Dòng ta, ta phải soi chung kẻo lầm...

("Đề tỉnh quốc dân ca")

? – *Tại sao đầu thế kỉ XX, các sĩ phu Việt Nam đã khâm phục "tấm gương Nhật Bản" ?*

3. Sự ra đời của trào lưu dân tộc chủ nghĩa

Những nhận thức chính trị mới tác động vào những giai tầng xã hội mới ở Việt Nam đầu thế kỉ XX đã làm nảy sinh một khuynh hướng chính trị mới : trào lưu dân tộc chủ nghĩa. Trào lưu chính trị này kế tục phong trào Cần Vương yêu nước chống Pháp cuối thế kỉ XIX, nhưng đồng thời đã mang nhiều nét mới khác trước.

Tầng lớp khởi xướng trào lưu này là những sĩ phu yêu nước tiến bộ. Họ là những nho sĩ được đào tạo trong nền khoa cử cũ, nhưng đã

chuyển biến theo những tư tưởng mới của thời đại, tư tưởng "duy tân". Hai gương mặt nổi bật là các nhà chí sĩ Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh. Họ được sự ủng hộ của giới công thương và tiểu tư sản mới phát triển trong các đô thị, cùng đông đảo quần chúng yêu nước.

Lòng yêu nước của họ không còn bám giữ vào những tư tưởng "trung quân" – trung thành với một ngôi vua anh minh – mà đã chuyển sang ý thức về một chủ nghĩa quốc gia – dân tộc, vì lợi ích chung của nhiều triệu đồng bào trong cả nước.

Trong "Hải ngoại huyết thư", Phan Bội Châu đã giải thích về sự đồng nhất giữa "dân" và "nước" :

Nghìn muôn ức triệu người chung góp
Gây dựng nên cơ nghiệp nước nhà
Người dân ta, của dân ta
Dân là dân nước, nước là nước dân.

Họ cũng mất niềm tin vào nền quân chủ chuyên chế, thấy rõ sự thối nát của chế độ vua quan ở Việt Nam, bắt đầu có ý thức về dân chủ, dân quyền, mong muốn nước nhà đuổi kịp các quốc gia văn minh trên thế giới.

thuongmaitr

Những sĩ phu yêu nước tiến bộ ở Việt Nam lúc này cho rằng, muốn đánh đuổi thực dân Pháp, không thể chỉ hạn chế trong những hình thức khởi nghĩa vũ trang như trước đây, mà còn phải kết hợp cả với nhiều biện pháp mới về chính trị, ngoại giao, tiến hành một phong trào cải cách xã hội sâu rộng trong đông đảo quần chúng.

Tuy nhiên, vì ở Việt Nam lúc đó chưa có những điều kiện chín muồi về kinh tế và chính trị (giai cấp tư sản dân tộc chưa ra đời, tầng lớp trí thức mới cũng còn rất ít ỏi) nên trào lưu dân tộc này đã không tồn tại bền chắc và lâu dài.

?

1. *Đầu thế kỉ XX, xã hội Việt Nam đã có những chuyển biến gì mới về kinh tế, xã hội ? Đã xuất hiện những tầng lớp mới nào ?*
2. *Những ảnh hưởng bên ngoài nào đã tác động vào Việt Nam những năm đầu của thế kỉ XX ? Nó đã làm tư tưởng của giới sĩ phu chuyển biến như thế nào ?*
3. *Trào lưu dân tộc chủ nghĩa đầu thế kỉ XX đã khác với phong trào yêu nước Cần Vương cuối thế kỉ XIX ở những nét cơ bản nào ?*

Bài 23

NHỮNG PHONG TRÀO DÂN TỘC - DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN HẾT CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

1. Phong trào dân tộc - dân chủ của tầng lớp sĩ phu. Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh

Phan Bội Châu là lãnh tụ nổi bật của trào lưu dân tộc chủ nghĩa Việt Nam hồi đầu thế kỉ XX. Ông là một sĩ phu khoa bảng đất Nghệ An, sớm có lòng yêu nước, chủ trương vận động quần chúng trong nước, tranh thủ sự giúp đỡ của nước ngoài (mà chủ yếu là Nhật Bản), tổ chức bạo động để đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc, xây dựng nên một chế độ chính trị dựa vào dân (lúc đầu ông chủ trương nền quân chủ lập hiến, sau chuyển sang tư tưởng cộng hòa). Ông đã lập hội Duy Tân, vượt biển sang Nhật mưu cầu ngoại viện, tổ chức phong trào Đông

uongxua.vn

Hình 17 – Phan Bội Châu

Du đưa các thanh thiếu niên Việt Nam sang học ở Nhật để chuẩn bị lực lượng chống Pháp, nhưng chẳng bao lâu, việc không thành. Sau Cách mạng Tân Hợi, ông lưu lạc ở Trung Quốc, lại lập ra tổ chức Việt Nam Quang phục hội, chuẩn bị đưa quân về nước khởi nghĩa, nhưng cũng không tránh khỏi thất bại. Phan Bội Châu là một người anh hùng đầy nhiệt huyết không gặp thời thế.

Hình 18– Phan Châu Trinh

Phan Châu Trinh gần đồng thời với Phan Bội Châu, là một sĩ phu ở Quảng Nam, đã giương cao ngọn cờ dân chủ, cải cách xã hội. Ông đã từng bôn ba ở nhiều nước, sớm tiếp thu những tư tưởng tiến bộ, chủ trương cứu nước bằng phương pháp nâng cao dân trí, dân quyền. Ông vạch trần chế độ vua quan phong kiến thối nát, đòi Pháp phải sửa đổi chính sách cai trị ở thuộc địa. Chịu nhiều ảnh hưởng tư tưởng dân chủ của Phan Châu Trinh, nhiều phong trào cải cách xã hội lúc đó đã nổi lên ở Bắc Kì và Trung Kì, như việc thành lập nhà trường kiểu mới Đông Kinh Nghĩa Thục ở Hà Nội, phong trào Duy Tân hô hào đổi mới phong tục và nếp sống ở Trung Kì. Tư

thuongmaitr

tưởng dân chủ của Phan Châu Trinh thể hiện một tinh thần dân tộc yêu nước sâu sắc, nhưng chủ trương dùng cải cách để cứu nước của ông có phần không hợp thời thế.

Như vậy , cho tới đầu thế kỉ XX, chủ nghĩa yêu nước của các sĩ phu văn thân thuộc phong trào Cần Vương trước kia nay đã chuyển thành chủ nghĩa dân tộc gắn liền với những tư tưởng dân chủ. Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đều là những thủ lĩnh xuất sắc cùng đứng trong phong trào dân tộc dân chủ này. Điều khác nhau là trong khi Phan Bội Châu nhấn mạnh đến vấn đề giải phóng dân tộc, cho đó là điều kiện để tiến hành các cuộc cải cách dân chủ, thì Phan Châu Trinh lại nhấn mạnh đến vấn đề cải cách dân chủ, cho đó là điều kiện để tiến tới giải phóng dân tộc.

Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đại diện cho phong trào dân tộc – dân chủ của tầng lớp sĩ phu yêu nước tiến bộ đầu thế kỉ XX, tuy chưa thành công nhưng đã tạo đà cho những cuộc vận động cách mạng mới.

? – *Kể một vài hoạt động chính trị tiêu biểu của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh ?*

uongxua.vn

2. Phong trào đấu tranh của quần chúng công nông

Các phong trào chính trị của giới sĩ phu đã có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến phong trào đấu tranh chống Pháp của quần chúng công nông trong thời kì này. Ở đây, những cuộc đấu tranh so với phong trào của giới sĩ phu thường là thiếu đường lối, tổ chức nhưng lại đông đảo, quyết liệt hơn. Kẻ áp bức bóc lột họ trong đời sống hàng ngày cũng chính là bọn thực dân đi cướp nước, vì vậy, mâu thuẫn giai cấp đã trùng hợp với mâu thuẫn dân tộc.

Năm 1908, do ảnh hưởng của những tư tưởng cải cách của Phan Châu Trinh và phong trào Duy Tân hô hào đời sống mới, một phong trào chống sưu thuế của nông dân đã lan rộng ra nhiều tỉnh ở Trung Kì. Hàng ngàn nông dân nổi dậy biểu tình, bao vây các huyện lị đòi giảm sưu thuế. Ở Bắc Kì, nghĩa quân nông dân Yên Thế của Hoàng Hoa Thám đã liên lạc với tổ chức yêu nước của Phan Bội Châu trong một kế hoạch tấn công vào Hà Nội. Ở Nam Kì, xuất hiện nhiều hội kín chống Pháp của nông dân, họ đã tổ chức những cuộc tập kích vũ trang vào Sài Gòn, đánh phá các nhà ngục.

Giai cấp công nhân Việt Nam tuy mới ra đời, số lượng còn ít, nhưng bước đầu đã tham gia đấu tranh. Đã nổ ra những cuộc bãi công, bạo động của công nhân các công trường đường sắt (Yên Bái), hầm mỏ (thiếc Tĩnh Túc, than Phấn Mễ), học sinh trường Bách nghệ (Sài Gòn). Một số công nhân tàu biển đã liên lạc giúp đỡ các hoạt động yêu nước của giới sĩ phu.

Trong các dân tộc ít người ở miền núi, cũng đã có những cuộc bạo động khởi nghĩa chống Pháp như các cuộc nổi dậy của đồng bào Mường ở Hòa Bình, đồng bào Thái ở Tây Bắc, đồng bào H'mông ở Hà Giang – Tuyên Quang – Lào Cai – Yên Bái, đồng bào các dân tộc Tây Nguyên...

? – *Kể một vài nét về phong trào đấu tranh của quần chúng công nông ?*

3. Các cuộc bạo động khởi nghĩa chống Pháp của binh lính

Ngoài tầng lớp sĩ phu và quần chúng công nông, đầu thế kỉ XX, còn có một lực lượng xã hội mới tham gia những cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp. Đó là các binh lính người Việt trong quân đội Pháp.

thuongmaitr

Lúc này, thực hiện chính sách "dùng người Việt trị người Việt", thực dân Pháp đã huy động lực lượng binh lính Việt đi đàn áp các cuộc khởi nghĩa vũ trang. Chính qua đó, binh lính Việt đã thấy tận mắt những tội ác của giặc, lòng căm thù dân tộc được khơi dậy. Mặt khác, tuy làm việc cho Pháp, những binh lính Việt đã bị bạc đãi và bị khinh miệt cả về vật chất lẫn tinh thần. Đó là những nguyên nhân sâu xa tạo nên lòng bất mãn của tầng lớp binh lính Việt, dẫn đến việc họ nổi dậy bạo động khởi nghĩa.

Mở đầu phong trào đấu tranh là vụ binh lính Việt ở Hà Nội năm 1908 đã liên hệ với nghĩa quân Yên Thế tổ chức đầu độc hàng trăm lính Pháp trong một âm mưu khởi nghĩa không thành. Năm 1916, tại Huế, các binh lính yêu nước lại phối hợp hành động với một số sĩ phu tiến bộ và nhà vua Duy Tân dự định khởi nghĩa, nhưng đã bị sớm phát hiện và đàn áp. Năm sau (1917), binh lính Thái Nguyên do Đội Cấn và Lương Ngọc Quyến chỉ huy đã nổi dậy đánh chiếm tỉnh lị, gây cho Pháp nhiều thiệt hại, tuy sau đó cuộc khởi nghĩa đã bị dập tắt.

Những phong trào dân tộc – dân chủ chống Pháp ở Việt Nam đầu thế kỉ XX do những sĩ phu yêu nước tiến bộ lãnh đạo, được đông đảo các tầng lớp nhân dân hưởng ứng tham gia, tuy không thành công nhưng đã có tiếng vang lớn. Đó là những bước đi ban đầu để tìm ra một con đường mới, đúng đắn trong cuộc cách mạng dân tộc và cách mạng xã hội.

Nhìn lại khoảng thời gian 60 năm, kể từ khi thực dân Pháp bắt đầu nổ súng ở Đà Nẵng tiến hành xâm lược nước ta (1858) cho đến hết Chiến tranh thế giới thứ nhất (1918), lịch sử và xã hội Việt Nam đã trải qua những chuyển biến sâu sắc.

Đồng thời với việc tiến hành xâm lược Việt Nam trong gần 30 năm qua nhiều giai đoạn, tiếp đó là 20 năm tiến hành vũ trang bình định, đàn áp những cuộc nổi dậy của nhân dân ta, thực dân Pháp đã dần dần từng bước xây dựng một bộ máy cai trị thực dân tiến hành bóc lột và khai thác thuộc địa. Chúng, một mặt, đã bước đầu du nhập những phương thức sản xuất và kinh doanh tư bản chủ nghĩa từ bên chính quốc qua Việt Nam (lập nhà máy, đồn điền, hầm mỏ), mặt khác, lợi dụng tối đa những cơ cấu xã hội phong kiến cũ của Việt Nam (bộ máy triều đình nhà Nguyễn, tầng lớp cường hào địa chủ nông thôn) để dễ bề thống trị và bóc lột. Việt Nam đã chuyển sang một *xã hội thuộc địa nửa phong kiến.*

Cũng trong thời gian đó, phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân Việt Nam đã diễn ra liên tục. Lúc đầu, là phong trào kháng chiến của quần chúng kết hợp với lực lượng quân đội chính quy của triều đình Nguyễn, tiếp theo là phong trào yêu nước khởi nghĩa vũ trang Cần Vương, còn chịu ảnh hưởng của ý thức hệ phong kiến nhưng đã thoát li mối liên hệ với chính quyền Nam triều đầu hàng. Trong gần hai thập kỉ đầu thế kỉ XX, đã xuất hiện một chủ nghĩa quốc gia dân tộc với những cuộc vận động dân tộc – dân chủ của những tầng lớp xã hội mới và mang những hình thức đấu tranh mới.

Những phong trào đấu tranh trong 60 năm đó là sự biểu hiện và tiếp nối truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, trong điều kiện lịch sử cụ thể lúc bấy giờ, do nhiều nguyên nhân, những phong trào này cuối cùng đều không thành công. Những nhiệm vụ mà lịch sử đề ra vẫn còn tồn tại để giải quyết : đánh đuổi

thực dân Pháp giành lại độc lập dân tộc, cải cách xã hội tiến lên chế độ dân chủ. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, những vấn đề lịch sử cũ sẽ được giải quyết bằng những phương hướng cách mạng mới.

? *1. Những chủ trương chính trị lớn của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh ? Qua đó, chúng ta có suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa giải phóng dân tộc và cải cách xã hội ?*

2. So sánh các cuộc bạo động nổi dậy chống Pháp của quần chúng nhân dân và tầng lớp binh lính Việt với các hoạt động của giới sĩ phu.

3. Sự thất bại của trào lưu dân tộc – dân chủ đầu thế kỉ XX đã đặt ra cho cách mạng Việt Nam những yêu cầu mới nào cần giải quyết ?

---

thuongmaitr

MỤC LỤC

Phần một

LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI THỜI KÌ THỨ HAI

(Phan Ngọc Liên với sự cộng tác của Trần Văn Trị)

Trang

Chương I – Bài 1 : Công xã Pari 4

Chương II – Bài 2 : Các nước đế quốc chủ nghĩa Âu – Mĩ 10

Chương III – Các nước Á, Phi, Mĩ latinh cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX

Bài 3 : Nhật Bản 16

Bài 4 : Trung Quốc 20

Bài 5 : Quá trình hoàn thành xâm lược thuộc địa của chủ nghĩa thực dân ở Á, Phi, Mĩ la tinh 23

Bài 6 : Bước đầu của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc 28

Chương IV – Bài 7 : Phong trào công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX 33

Chương V – Bài 8 : Quan hệ quốc tế và cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914–1918) 39

Bài 9 : Tổng kết lịch sử thế giới cận đại 44

Phần hai

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (TỪ 1917 ĐẾN 1945)

(Nguyễn Anh Thái – Nguyễn Xuân Trúc)

Chương I – Bài 10 : Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga 46

uongxua.vn

Chương II – Bài 11 : Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội (1921 – 1941) 55
Chương III – Bài 12 : Phong trào cách mạng thế giới trong những năm 1918–1939 63
Chương IV – Bài 13 : Các nước tư bản chủ yếu trong những năm 1918–1939 73
Chương V – Bài 14 : Chiến tranh thế giới thứ hai (1939–1945) 80
Bài 15 : Sơ kết lịch sử thế giới hiện đại từ 1917 đến 1945 . 91

Phần ba

VIỆT NAM TỪ NGUYÊN THỦY ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX

(Nguyễn Thừa Hỷ)

Chương I – Văn hóa và truyền thống dân tộc
Bài 16 : Nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc của người Việt cổ 95
Bài 17 : Văn minh Đại Việt 100
Bài 18 : Văn hóa của các tộc người thiểu số ở Việt Nam 104
Bài 19 : Truyền thống ý thức dân tộc của nhân dân Việt Nam 108
Chương II – Khái quát tiến trình lịch sử Việt Nam từ giữa thế kỉ XIX đến hết Chiến tranh thế giới thứ nhất
Bài 20 : Sự khủng hoảng của chế độ phong kiến Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX và cuộc xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp 111
Bài 21 : Quá trình đấu tranh chống xâm lược của nhân dân Việt Nam – Tổ chức và chính sách cai trị của thực dân Pháp 114
Bài 22 : Sự chuyển biến của xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX– Sự ra đời của trào lưu dân tộc chủ nghĩa 117
Bài 23 : Những phong trào dân tộc – dân chủ ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến hết Chiến tranh thế giới thứ nhất 121

thuongmaitr

uongxua.vn

thuongmaitruongxua.vn

LỊCH SỬ 11
(MÃ SỐ : 3H109t6)
Số đăng ký : 256/541/CXB
In 40.000 bản
Khổ 14,5 x 20,5 cm
In và đóng xén tại :
Công ty LIKSIN
số 64 Tôn Thất Tùng - Q1
TP. Hồ Chí Minh
In xong và nộp lưu chiểu
tháng 4 năm 1996

Giá : [redacted]
2.900đ